

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



**MINH CHỨNG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ MỞ MÃ NGÀNH
ĐÀO TẠO THẠC SĨ RĂNG HÀM MẶT**

Hải Phòng, tháng năm 2024

MỤC LỤC

A. Căn cứ pháp lý về quy trình mở mã ngành trình độ thạc sĩ của Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng	3
B. Quy trình và hồ sơ mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	6
I. Xây dựng, đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo	7
1. Nghị quyết Đảng Ủy BGH đề xuất chủ trương về việc Khoa rà soát năng lực mở ngành đào tạo	8
2. Tờ trình đề xuất chủ trương về việc mở ngành	19
3. Hội đồng khoa học và Đào tạo của Trường thẩm định chủ trương mở mã ngành đào tạo	25
4. Hội đồng Trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo (Nghị quyết của Hội đồng trường)	28
II. Xây dựng đề án, chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo	34
1. Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng CTĐT và đảm bảo chất lượng	35
2. Kế hoạch xây dựng CTĐT và điều kiện đảm bảo chất lượng	39
3. Biên bản xây dựng chương trình đào tạo	41
4. Các điều kiện đảm bảo chất lượng	43
4.1. Danh sách đội ngũ giảng viên và nghiên cứu khoa học (mẫu 1,2,3,4,5)	49
4.2. Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập	104
5. Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành	126
III. Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng	136
1. Hội đồng thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo	137
2. Biên bản Hội đồng thẩm định CTĐT và các điều kiện đảm bảo chất lượng	139
3. Quyết định ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	144
4. Quyết định ban hành chương trình đào tạo	147
IV. Thẩm định quy trình, hồ sơ mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	148
1. Biên bản Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định quy trình, hồ sơ mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ	149

**A. Căn cứ pháp lý về quy trình mở mã
ngành trình độ thạc sĩ của Trường Đại
Học Y Dược Hải Phòng**

Số: 544./QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành phép đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT – BGDDT ngày 30/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-TTg ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Theo đề nghị của Ông: Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng: Quản lý Đào tạo Sau đại học, Tài chính kế toán, các Khoa/Bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

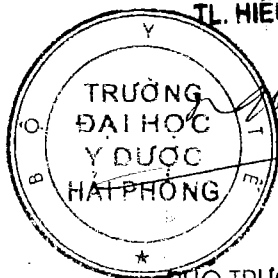
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT; QLĐTSDH.

SAO LỤC

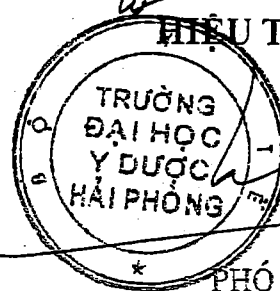
HẢI PHÒNG, NGÀY...../...../20.....

TL. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG HCTH

CN. Vũ Ngọc Đức



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Văn Linh

QUY TRÌNH
MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 544/QĐ-YDHP
ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

Bước	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Đơn vị hỗ trợ
1	Lập chủ trương mở mã ngành: -Tờ trình và biên bản thông qua hội đồng Khoa học và Đào tạo về chủ trương mở mã ngành đào tạo -Nghị quyết hội đồng trường thông qua chủ trương về việc mở mã ngành đào tạo căn cứ trên kết quả thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo	-Phòng Quản lý Khoa học -Văn phòng Hội đồng Trường	-Phòng QLĐTSDH -Khoa/Bộ môn
2	Quyết định thành lập hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng	-Phòng QLĐTSDH -Phòng TCCB	-Khoa/Bộ môn
3	Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch và thực hiện chương trình	-Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng	-Phòng QLĐTSDH -Đơn vị DYH&NCKH -TTKT&QLCLGD -Khoa/Bộ môn
4	Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng	-Phòng QLĐTSDH -Phòng TCCB	-Khoa/Bộ môn
5	Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định quy trình thực hiện đề án mở mã ngành đào tạo	-Phòng Quản lý Khoa học	-Phòng QLĐTSDH -Khoa/Bộ môn
6	Trình Bộ Giáo Dục hồ sơ đề án mở mã ngành	-Phòng QLĐTSDH	-Khoa/Bộ môn

SAO LỤC

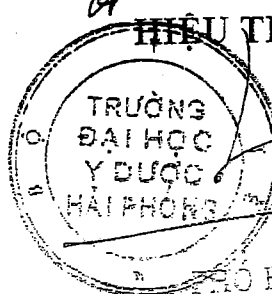
HẢI PHÒNG, NGÀY...../...../20.....

TL. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG HCTH

CN. *Từ Ngọc Đức*



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. *Phạm Văn Linh*

Hải Phòng, ngày 17 tháng 11 năm 2025

Số: 27/QĐ-YDHP

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng ;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 12/2024/TT – BGDDT ngày 10/10/2024 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 02/2022/TT-BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-TTg ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Theo đề nghị của Ông: Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy trình mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng Phòng: Quản lý Đào tạo Sau đại học, Tài chính kế toán, các Khoa/Bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT; QLĐTSDH.



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. *Phạm Văn Linh*

QUY TRÌNH
MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/QĐ-YDHP ngày 07 tháng 01 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

TT	Nội dung	Đơn vị phụ trách	Đơn vị hỗ trợ
1.	Lập chủ trương mở mã ngành: -Tờ trình và biên bản thông qua hội đồng Khoa học và Đào tạo về chủ trương mở mã ngành đào tạo -Nghị quyết hội đồng trường thông qua chủ trương về việc mở mã ngành đào tạo căn cứ trên kết quả thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.	- Phòng Quản lý Khoa học - Văn phòng Hội đồng Trường	- Phòng QLĐTSDH - Khoa/Bộ môn
2.	Quyết định thành lập hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng.	- Phòng QLĐTSDH - Phòng TCCB	- Khoa/Bộ môn
3.	Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch và thực hiện chương trình	- Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng	- Phòng QLĐTSDH - Đơn vị GDYH - NCKH - TTKT&QLCLGD - Khoa/Bộ môn
4.	Hội đồng thẩm định về chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng.	- Phòng QLĐTSDH - Phòng TCCB	- Khoa/Bộ môn
5.	Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định quy trình thực hiện đề án mở mã ngành đào tạo.	- Phòng Quản lý Khoa học	- Phòng QLĐTSDH - Khoa/Bộ môn
6.	Trình Bộ Giáo Dục hồ sơ đề án mở mã ngành.	- Phòng QLĐTSDH	- Khoa/Bộ môn



HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. *Phạm Văn Linh*

B. QUY TRÌNH VÀ HỒ SƠ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

I. Xây dựng, đề xuất và phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2021

Số: 09-NQ/ĐU
V/v họp Đảng ủy quý 2/2021

NGHỊ QUYẾT ĐẢNG ỦY QUÍ II/2021

Trong Quý II/2021 Đảng ủy chỉ đạo các đơn vị trong nhà trường tập trung thực hiện các nội dung sau:

1. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng:

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW về "Tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh" trong đơn vị.

- Tập trung tuyên truyền và phát động phong trào thi đua chào mừng ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước 30/4, Quốc tế Lao động 01/5 và lễ kỷ niệm 66 năm ngày giải phóng Thành phố Hải Phòng (13.5.1955 - 13.5.2021); Tuyên truyền, quán triệt việc thực hiện nghĩa vụ bầu cử của cán bộ, viên chức, sinh viên trong nhà trường về bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026

- Tiếp tục tuyên truyền cho cán bộ viên chức và sinh viên trong toàn trường tích cực tham gia phòng chống dịch Covid -19.

2. Công tác xây dựng Đảng:

- Xét chuyển đảng chính thức cho **03** đảng viên dự bị và kết nạp đảng cho **03** quần chúng ưu tú.

- Ban hành Quyết định thành lập 02 chi bộ sinh viên liên thông mới nhập học và phân công UV BTV Đảng ủy, UV BCH Đảng bộ chỉ đạo, theo dõi chi bộ.

- Tổ chức Hội nghị học tập, nghiên cứu, triển khai Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Tuyên truyền biển, đảo, phân giới, cắm mốc và quản lý biên giới đất liền năm 2021.

- Phối hợp với Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận Ngô Quyền tổ chức lớp bồi dưỡng đảng viên mới cho các đảng viên dự bị năm 2021.

- Kiểm tra đóng dấu kỹ thuật thẻ đảng viên lần thứ 4 theo kế hoạch số 37-KH/TU ngày 06/4/2021.



- Hướng dẫn các đồng chí đảng viên là sinh viên năm cuối chuẩn bị thủ tục làm hồ sơ chuyển sinh hoạt đảng về địa phương theo quy định.

3. Công tác lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ:

3.1. Đào tạo Đại học, sau đại học, NCKH và HTQT:

3.1.1. Đào tạo Đại học:

- Hoàn thiện và công bố đề án tuyển sinh năm 2021.
- Đề xuất với Ban Giám hiệu, Hội đồng trường phê duyệt chủ trương xây dựng CTĐT liên thông ngang (các ngành cử nhân y khoa sang bác sĩ y khoa; bác sĩ Răng Hàm Mặt).
- Thông báo tuyển sinh liên thông chính quy và vừa học vừa làm năm 2021.
- Gửi giấy giới thiệu cho sinh viên hệ vừa học vừa làm đi liên hệ thực tế tốt nghiệp.
- Xây dựng lịch làm việc trong toàn đợt thi tốt nghiệp - tuyển sinh (từ tháng 4 đến tháng 11/2021).
- Xây dựng dự thảo Kế hoạch năm học 2021-2022.
- Ổn định tình hình sinh viên quay trở lại học tập trung sau nghỉ dịch Covid.
- Xét điểm rèn luyện và học bổng học kỳ I năm học 2020-2021 cho sinh viên.
- Xét xử lý học vụ sinh viên.
- Ban hành Quy định CDR Ngoại ngữ, tin học năm 2021; quy định lưu trữ tài liệu thuộc lĩnh vực đào tạo đại học; xây dựng quy chế tuyển sinh, quy chế văn bằng trình độ đại học, sau đại học.
- Rà soát điểm và tiến hành xét tốt nghiệp cho sinh viên năm cuối.
- Hướng dẫn các khoa, bộ môn tổ chức học phần tốt nghiệp.
- Xét tốt nghiệp cho các lớp sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo vượt tiến độ.
- Thông qua kế hoạch giảng dạy năm 2021-2022.
- Tiếp tục thực hiện các công việc đảm bảo chất lượng, chuẩn bị các điều kiện để kiểm định các CTĐT trình độ ĐTDH, tiếp tục xây dựng, cập nhật các quy trình quản lý đào tạo.

3.1.2. Đào tạo sau đại học:

- Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2021
- Tiếp tục phối hợp cùng với TT Khảo thí và kiểm định chất lượng, khoa/bộ môn rà soát, hoàn thiện minh chứng kiểm định về kiểm định đánh giá ngoài và đánh giá chương trình đào tạo thạc sĩ YTCC.
- Tổ chức bảo vệ luận án cấp trường và thông qua đề cương chi tiết của nghiên cứu sinh chuyên ngành YTCC, Ngoại.
- Tổ chức lễ trao bằng tốt nghiệp cho các chuyên ngành Sau đại học Tiến sĩ, BSCKII, BSCKI, BSNT, Cao học.
- Gửi thông báo đóng học phí tới cho học viên.
- Gửi thông báo tuyển sinh và tiếp nhận hồ sơ học viên Sau đại học năm 2021.
- Lập kế hoạch giảng dạy năm học.
- Rà soát duy trì ngành, mở mã ngành mới và hoàn thành việc mở mã ngành Thạc sĩ Răng hàm mặt, Thạc sĩ Điều dưỡng, Bác sĩ CKI Dược lý lâm sàng, Bác sĩ CKI Điều dưỡng, Bác sĩ Nội trú Răng hàm mặt;
- Ban hành Quy định CDR Ngoại ngữ, tin học năm 2021; quy định lưu trữ tài liệu thuộc lĩnh vực đào tạo đại học; xây dựng quy chế tuyển sinh, quy chế văn bằng trình độ đại học, sau đại học.

3.1.3. Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế:

*** Quản lý Khoa học**

- Hỗ trợ hoạt động của Hội đồng giáo sư cơ sở Trường năm 2021.
- Hỗ trợ đoàn dự Hội nghị khoa học Tuổi trẻ ngành Y tháng 5/2021 tại Hà Nội.
- Gửi thông báo về tổng hợp minh chứng giờ NCKH, tham dự/báo cáo hội nghị, hội thảo, công bố quốc tế, xuất bản sách...
- Tổng hợp và cập nhật kết quả hoạt động NCKH năm 2020.
- Tiếp tục đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài các cấp.
- Tiếp tục rà soát và thực hiện kế hoạch cải tiến bộ tiêu chuẩn 25 tiêu chí kiểm định trường (nội dung liên quan đến hoạt động quản lý khoa học) theo tiêu chuẩn UN-QA.

- Hỗ trợ rà soát và thực hiện kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo.
- Nghiệm thu tài liệu và sách liên quan YTCC.

*** Hợp tác Quốc tế:**

- Tổ chức hội thảo về chuyên đề Covid với Viện hàn lâm Y học Pháp.
- Tổ chức sinh hoạt hợp tác quốc tế lần thứ 6.
- Chuẩn bị thủ tục tiếp nhận 01 tình nguyện viên Pháp đến làm việc tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Gửi thông báo tuyển sinh sinh viên Lào năm học 2021-2022.
- Trao đổi hợp tác với trường Đại học Quốc gia Chung nam.

3.1.4. Công tác Khảo thí và QLCLGD:

- Tham mưu cho Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH thành lập, bổ sung, kiện toàn các đơn vị để đáp ứng tốt nhất trong việc đánh giá ngoài, xây dựng thời gian để các đơn vị có liên quan viết báo cáo cải tiến chất lượng theo bộ tiêu chuẩn mới. Hoàn thành việc ban hành quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo bác sĩ Y Khoa.

- Hợp tác trực tuyến với các chuyên gia nước ngoài để được hỗ trợ kỹ thuật của Canada (AWB) về "Thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng".

- Hướng dẫn các Khoa, bộ môn rà soát, xây dựng ngân hàng câu hỏi phục vụ thi trắc nghiệm trên máy tính.

- Mời chuyên gia về đảm bảo chất lượng giúp Nhà trường giải đáp các vướng mắc trong việc thực hiện đánh giá chương trình, đánh giá nhà trường và hoàn thiện các báo cáo, minh chứng.

- Tiếp tục phối hợp cùng phòng ĐTĐH sắp xếp lịch thi, chấm thi hàng tháng một cách khoa học.

- Xây dựng các quy định mới bổ sung cho Quy định 936- QĐ/YDHP về tổ chức kiểm tra, thi kết thúc học phần...;

- Chuẩn bị tốt mọi mặt phục vụ công tác thi tuyển sinh Sau Đại học bằng máy tính trên phần mềm trắc nghiệm khách quan.

3.2. Công tác Tổ chức cán bộ:

- Triển khai quy trình quy hoạch các cấp giai đoạn 2021 - 2025 (dự kiến hoàn thành trước 30/6/2021).

- Triển khai kiện toàn, bổ sung lãnh đạo cho các đơn vị còn thiếu.

- Triển khai quy trình bổ nhiệm Kế toán trưởng của trường.

- Hoàn thành và Ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động, Quy chế Tài chính, Quy chế Thực hiện dân chủ ở cơ sở của Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.

- Hoàn thành và Ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động, Quy chế Tài chính của Trung tâm Hợp tác và Phát triển đào tạo.

- Hoàn thành các thủ tục liên quan và hoàn thành quy trình thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

- Tiếp tục triển khai quy trình về nhân sự cho chức vụ Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.

- Triển khai kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2021.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ giảng viên, chuyên viên năm học 2020 - 2021 và thực hiện kế hoạch đào tạo các nhóm chuyên môn kỹ thuật y tế, giáo dục (*hoạt động diễn ra liên tục trong năm*).

- Xây dựng kế hoạch và triển khai quy trình tuyển dụng giảng viên hợp đồng cho các Khoa, Bộ môn.

- Triển khai công tác tổng kết năm học; đánh giá viên chức, người lao động và bình bầu thi đua.

- Triển khai các hoạt động kiểm định, tự đánh giá chất lượng của trường và tham gia đánh giá chương trình đào tạo.

- Chủ trương xây dựng triết lý giáo dục; Rà soát, đánh giá chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2017 - 2022 và xây dựng chiến lược phát triển trường Đại học Y Dược Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

3.3. Hậu cần:

- Chỉ đạo kiểm tra, giám sát các dự án xây phát triển cơ sở vật chất tiến hành đúng tiến độ theo kế hoạch đã đề ra.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp thực hành tiết kiệm trong toàn trường.

- Hoàn thành công tác Kiểm kê và thanh lý tài sản theo định kỳ hằng năm.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động chung của nhà trường, thi tốt nghiệp, tuyển sinh... và kỉ niệm các ngày lễ lớn: 30/4/2021; 01/5/2020.

- Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị tham gia phòng chống dịch covid-19.

- Xây dựng kế hoạch xây dựng, mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị... cho năm 2021;

- Tập trung cơ sở vật chất vận hành tòa nhà thực hành lâm sàng; sắp xếp lại vị trí làm việc của một số đơn vị từ trường sang tòa nhà tiền lâm sàng và bố trí lại một số đơn vị trong khu nhà A.

- Đề nghị các Ban đảng quan tâm, giúp đỡ các sinh viên của nhà trường tại tòa nhà Ký túc xá sinh viên tập trung để sinh viên được ổn định chỗ ở, yên tâm học tập

3.4. Công tác Bệnh viện:

- Tiếp tục thực hiện công tác phòng, chống dịch COVID 19 theo đúng chỉ đạo của các cấp, ban, ngành. Tổ chức sàng lọc, phân luồng, kê khai thông tin dịch tễ theo đúng quy định.

- Tiếp tục thực hiện tiêm chủng Vacxin covid 19 cho toàn thể cán bộ nhân viên y tế và người lao động tại bệnh viện.

- Thực hiện tốt công tác chuyên môn khám, chữa bệnh theo quy chế bệnh.

- Thực hiện triển khai các công việc tiếp theo sau khi các Quy chế của bệnh viện được nhà trường phê duyệt.

- Xây dựng Quy định làm việc tại bệnh viện; Quy chế chi tiêu nội bộ; đề án vị trí việc làm và kiện toàn lại một số đơn vị thuộc bệnh viện.

- Chuẩn bị kế hoạch thực hiện bố trí sắp xếp một số khoa phòng sang khu vực mới.

- Thực hiện kế hoạch thực hiện tuyển dụng nhân lực năm 2021.

- Thực hiện kế hoạch cử cán bộ nhân viên đi đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tổ chức tập huấn các lớp Giao tiếp ứng xử cho cán bộ nhân viên bệnh viện.

- Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị máy móc phục vụ cho công việc hoạt động chuyên môn.

4. Công tác lãnh đạo các đoàn thể quần chúng:

4.1. Công đoàn:

- Triển khai bình xét cá nhân gửi Công đoàn y tế Việt Nam đề nghị tặng Bằng Lao động sáng tạo.

- Tổ chức các hoạt động tháng công nhân năm 2021.
- Tham dự Hội nghị biểu dương lao động giỏi năm 2021.
- Tặng quà cho con cán bộ, viên chức và nhân viên nhà trường nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 1.6

- Chuẩn bị chương trình du lịch hè cho cán bộ viên chức lao động (*tiến hành tùy theo tình hình diễn biến của dịch Covid-19*).

- Tổ chức Hội nghị tổng kết phong trào Lao động giỏi năm 2020.

4.2. Đoàn TN và Hội sinh viên:

- Tổ chức chương trình Hiến máu tình nguyện “Giọt Hồng Blouse Trắng” dịp tháng 4/2021.

- Tuyên truyền về ngày hội bầu cử Hội Đồng nhân dân các cấp và bầu cử Đại biểu quốc hội.

- Xây dựng kế hoạch tình nguyện mùa hè xanh năm 2021.
- Ban hành hướng dẫn tổng kết năm học 2020 - 2021.
- Tuyển tình nguyện viên tham gia chương trình tiếp sức mùa thi năm 2021.
- Triển khai cuộc thi Ảnh “Khoảnh khắc sinh viên Y Dược năm 2021”.
- Tổ chức tuyên truyền công tác tuyển sinh Đại học của Trường trên các fanpage của Đoàn - Hội, tổ chức các kênh truyền thông hiệu quả, đạt tương tác cao.
- Triển khai các hoạt động do Thành Đoàn - Hội sinh viên Thành phố tổ chức.

Nơi nhận:

- BCH Đảng ủy (để chỉ đạo);
- Các Chi bộ (để thực hiện);
- Lưu VP Đảng ủy.

**T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ**



Phạm Minh Khuê

Số: 55^A/TTr-YDHP

Hải Phòng, ngày 14 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

Đề xuất xin mở mã đào tạo trình độ Thạc sĩ
Ngành: Răng Hàm Mặt

Kính gửi: Hội đồng Khoa học & Đào tạo - Trường ĐH Y Dược Hải Phòng

1. Lý do đề nghị cho phép đào tạo.

Theo điều tra sức khỏe răng miệng, tỷ lệ người có bệnh răng miệng ở nước ta còn khá cao, các loại hình bệnh lý vùng hàm mặt đa dạng, phức tạp và rất thường gặp. Nhiều bệnh lý Răng Hàm Mặt thường để lại những biến chứng lâu dài cho người bệnh gây ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống và ảnh hưởng tới xã hội. Trong khi đó, tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến trên, thiếu đội ngũ y tế có trình độ chuyên môn cao ở tuyến dưới. Nhu cầu phát triển nguồn nhân lực y tế của Việt Nam: Cần đội ngũ bác sĩ có trình độ cao đáp ứng cả về y đức và chuyên môn để cung cấp cho mạng lưới y tế của Việt Nam. Các cơ sở đào tạo Răng Hàm Mặt và cơ quan nghiên cứu cũng rất cần có đội ngũ cán bộ Răng Hàm Mặt có trình độ, có năng lực nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh ứng dụng chuyển giao công nghệ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, đủ điều kiện, đủ tiêu chuẩn đào tạo nhân lực y tế (chuẩn giảng viên). Đúng với quan điểm chỉ đạo và mục tiêu nhiệm vụ của Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017, Hội nghị lần thứ sáu - Ban chấp hành TW khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, “Nghề y là một nghề đặc biệt, nhân lực y tế phải đáp ứng nhu cầu chuyên môn và y đức; cần được tuyển chọn, được đào tạo”. Vì vậy, để đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực trên thì nhiệm vụ đào tạo cán bộ y tế có trình độ chuyên môn cao là rất cần thiết.

Nhưng hiện nay, cả nước mới chỉ có năm cơ sở đào tạo trình độ nổi ngành Răng Hàm Mặt như: Đại học Y Hà Nội, Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh, trường Đại học Cần Thơ, trường Đại học Y Dược Huế, trường Đại học Y Dược - Đại học Quốc Gia Hà Nội. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nằm trên địa bàn thành phố Hải Phòng, trong khu vực tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, trung tâm khu vực vùng Duyên Hải phía Bắc đang có nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực trình độ Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt. Việc này được phản ánh qua khảo sát nhu cầu của nhà tuyển dụng như bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp, Bệnh viện Trẻ Em và các bệnh viện thuộc các tỉnh lân cận tại Hải Dương, Quảng Ninh và các tỉnh khác. Kết quả khảo sát cho thấy, nhu cầu của các bệnh viện cần

Bác sĩ Răng Hàm Mặt trình độ Thạc sĩ khá cao: năm thứ nhất từ 08 đến 10; 5 năm kế tiếp có nhu cầu sử dụng từ 12 đến 18 và sau 10 năm có kế hoạch nhân lực có trình độ Thạc sĩ Răng Hàm Mặt từ 29 đến 25. Bên cạnh đó, xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước. Do đó, việc mở mã đào tạo Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng là cấp thiết hiện nay.

2. Năng lực của cơ sở đào tạo: Đội ngũ giảng viên, về trang thiết bị, thư viện, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác trong và ngoài nước.

Về đội ngũ giảng viên: Đội ngũ giảng viên cơ hữu các chuyên ngành của khoa gồm có 29 giảng viên: trong đó 2 PGS, 6 TS, 2 BS CKII, 7 NCS (4 ThS, 3 Bs), 05 ThS, 07 cán bộ đang theo học Ths, CKI. Đội ngũ giảng viên kiêm chức với hơn 20 cán bộ gồm 01 GS, 07 PGS, 05 TS, 10 BSCKII... là các nhà khoa học, giảng viên, chuyên gia đầu ngành đang làm việc tại các trường đại học, cơ sở đào tạo, các viện, bệnh viện uy tín: Trường Đại Học Y Hà Nội, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội, Viện nghiên cứu khoa học Y dược lâm sàng 108, Bệnh viện TW Quân đội 108, Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng... để giảng dạy các môn học chuyên ngành, các môn chung, môn cơ sở và môn hỗ trợ.

Về cơ sở vật chất và thực hành: Cơ sở vật chất, labo, thư viện, phòng học thông minh của Nhà trường đủ điều kiện nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt. Cơ sở thực hành: khu thực hành tiền lâm sàng, mô phỏng lâm sàng tại trường và các cơ sở thực hành lâm sàng tại các Viện, Bệnh viện uy tín trong và ngoài thành phố đủ điều kiện đảm nhiệm công tác đào tạo cho mọi đối tượng đại học và sau đại học. (một số cơ sở thực hành lâm sàng như: Bệnh viện trường Đại học Y Hải Phòng, Bệnh viện Y học Hải Quân, Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng, Bệnh viện RHM Trung ương Hà Nội, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội... Đây cũng là nơi tiếp đón nhiều chuyên gia trong nước và quốc tế tới giảng dạy và chuyển giao công nghệ).

Kinh nghiệm và năng lực đào tạo Sau đại học: Khoa Răng Hàm Mặt nhận nhiệm vụ đào tạo sau đại học các trình độ Bác sĩ chuyên khoa I Răng Hàm Mặt từ năm 2008, Bác sĩ chuyên khoa II Răng Hàm Mặt năm 2018.

Về nghiên cứu khoa học hợp tác quốc tế: Nghiên cứu khoa học, khoa Răng Hàm Mặt định hướng phát triển mạnh các công trình nghiên cứu khoa học theo các hướng: lâm sàng, cộng đồng ... Với sự tham gia của các nhà khoa học, các

giảng viên, học viên và sinh viên đã hoàn thành nghiệm thu cho hàng trăm công trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Thành phố và cơ sở. (02 đề tài liên kết với Nhật Bản, 01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp Thành Phố và trên 60 đề tài cơ sở). Hợp tác quốc tế ngày càng phát triển mạnh mẽ những năm trở lại đây. Nhà trường đã kí kết hợp tác hiệu quả về đào tạo và nghiên cứu khoa học lĩnh vực Nha khoa với nhiều trường đại học trên thế giới như Nhật Bản, Mỹ, Cộng hòa Pháp, Hàn Quốc, Đài Loan... Hàng năm, chương trình trao đổi giảng viên, học viên và sinh viên với các nước đã giúp nâng cao trình độ nghiệp vụ giảng dạy và chuyên ngành. Đặc biệt các giảng viên và sinh viên khoa Răng Hàm Mặt nhận được nhiều học bổng toàn phần trong chương trình nghiên cứu sinh và sau đại học tại trường Đại học Okayama - Nhật Bản, 2 tiến sĩ đã tốt nghiệp và 3 NCS đang học tại đây. Định hướng, khoa Răng Hàm Mặt sẽ trình xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Nhà trường về việc hợp tác liên kết đào tạo ở trình độ bậc Thạc sĩ với Đại học Okayama - Nhật Bản trong thời gian tới. Đây cũng chính là thế mạnh của trường Đại học Y Dược Hải Phòng so với các cơ sở đào tạo khác trong nước.

3. Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo.

- Kết quả mong đợi về thời gian mở ngành trong năm 2022
- Thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo Thạc sĩ là 2 năm
- Dự kiến quy mô tuyển sinh: 10 - 15 học viên/khóa.
- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp bác sĩ Răng Hàm Mặt chính quy và đảm bảo các điều kiện dự tuyển theo quy định hiện hành.
- Mục tiêu của chương trình đào tạo là đào tạo thạc sĩ Răng Hàm Mặt có trình độ chuyên môn vững vàng, có khả năng thích ứng cao trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật y học, có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học, có khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề về bệnh răng hàm mặt.
- Bảo đảm chuẩn kiến thức và kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp và đáp ứng yêu cầu liên thông giữa các trình độ. Chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần của ngành đăng ký đào tạo được xây dựng đảm bảo chuẩn đầu ra, phù hợp với khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc 7 (căn cứ quyết định số 1982/QĐ/TTg của Thủ tướng chính phủ) hiện hành.

4. Giải pháp và lộ trình thực hiện xây dựng đề án mở ngành.

- Thời gian xây dựng chương trình đào tạo từ tháng 9 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022.
- Hàng năm, nhà trường và khoa sẽ tiến hành khảo sát các đối tượng liên quan về nhu cầu đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo.
- Nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất: Nhà trường đã trang bị thêm trang thiết bị, ghế máy nha khoa để đảm bảo cho đào tạo.

- Đội ngũ giảng viên không ngừng học tập vươn lên về cả chuyên ngành và ngoại ngữ. Khoa có kế hoạch mỗi năm sẽ có 2 giảng viên đi học nghiên cứu sinh và chuyên khoa II để tăng số giảng viên đạt chuẩn. Kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo theo đúng quy định.
- Nhà trường xây dựng các quy định và quy trình quản lý đào tạo công khai tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị đào tạo và học viên hoàn thành chương trình theo kế hoạch.

5. Phương án, đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

a. Phân tích tình hình thực tế

❖ Điểm mạnh:

+ Về nhân lực:

- Đội ngũ nhiều giảng viên trẻ, tâm huyết, được đào tạo chính quy đúng chuyên ngành cả trong và ngoài nước.
- Đội ngũ giảng viên đã có kinh nghiệm hướng dẫn nhiều luận văn chuyên khoa II, luận án tiến sĩ, khóa luận sinh viên, đạt kết quả tốt.
- Đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu trong nước và quốc tế, có nhiều đề tài được nghiệm thu cấp cơ sở và nhiều đề tài đăng báo trong và ngoài nước.

+ Về chương trình đào tạo:

- Đã và đang đào tạo đối tượng bác sĩ răng hàm mặt hệ chính quy, bác sĩ chuyên khoa I, chuyên khoa II răng hàm mặt...
- Đã biên soạn, xây dựng khung chương trình tín chỉ đào tạo lý thuyết và thực hành, đề cương chi tiết học phần theo quy định đào tạo tín chỉ cho đối tượng bác sĩ răng hàm mặt hệ chính quy, đối tượng sau đại học chuyên khoa I và chuyên khoa II.

+ Về cơ sở thực hành:

- Cơ sở thực hành phong phú: khu thực hành tiền lâm sàng và mô phỏng lâm sàng tại trường. Khu thực hành lâm sàng tại bệnh viện trường và các bệnh viện thực hành khác trong và ngoài thành phố.

❖ Điểm yếu

- Giảng viên còn trẻ, tâm huyết tuy nhiên kinh nghiệm còn hạn chế
- Số lượng bài báo công bố quốc tế còn chưa nhiều

❖ Cơ hội

- Là trường đa ngành khối sức khỏe, có uy tín, thương hiệu tốt
- Mạng lưới các bệnh viện thực hành rộng khắp, đội ngũ giảng viên mạnh
- Nhu cầu đào tạo sau đại học ngành răng hàm mặt tăng cao
- Có tiềm năng hợp tác quốc tế trong chương trình đào tạo đại học và sau đại học

❖ Rủi ro

- Tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp và khó lường có thể ảnh hưởng đến tiến trình thực hiện chương trình đào tạo

- Nguy cơ chảy máu nguồn nhân lực
- Tính cạnh tranh giữa các đơn vị ngày càng cao

b. Các giải pháp phòng ngừa rủi ro

- Linh hoạt trong công tác giảng dạy, quản lý học viên trong thời kỳ dịch bệnh, xây dựng hình thức giảng dạy trực tuyến phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Phát triển đội ngũ lãnh đạo kế cận. Xây dựng một văn hóa, môi trường đại học có khả năng thu hút lao động có chất lượng.
- Tăng cường công tác đảm bảo chất lượng là một trong những cơ sở đào tạo nhân lực ngành Răng Hàm Mặt có uy tín, có thương hiệu, hướng tới an toàn và chất lượng trong thực hành Răng Hàm Mặt nhằm phục vụ sức khỏe con người.
- Trong trường hợp cơ sở đào tạo bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo: nhà trường ban hành quy chế quản lý rủi ro và các chính sách bảo vệ quyền lợi của học viên, giảng viên và công bố bằng văn bản trên cổng thông tin điện tử của trường. Học viên có thể được chuyển cơ sở đào tạo ngang cấp với các cơ sở đào tạo liên kết với nhà trường mà vẫn đảm bảo chất lượng và tiến độ chương trình.

6. Kết luận và đề nghị.

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT- BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 quy định điều kiện, thủ tục mở ngành thạc sĩ.

Hai chương trình trên được xây dựng với sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường: Trường Đại học Y Hà Nội, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Y Dược Huế.

Khoa Răng Hàm Mặt nhận thấy có đầy đủ các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất, điều kiện thực hành và khả năng triển khai đào tạo trình độ Thạc sĩ, ngành Răng Hàm Mặt để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cấp thiết hiện nay và giai đoạn tới.

Kính đề nghị Hội đồng Khoa học và Đào tạo Nhà trường xem xét cho mở đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.

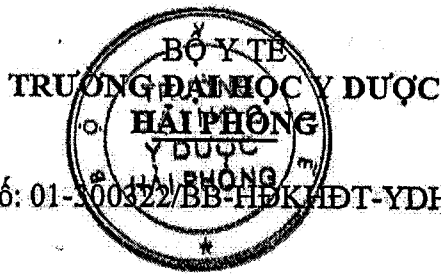
Xin trân trọng cảm ơn ! *PC*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, QLĐTSDH.



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01-100322/BB-HĐKHĐT-YDHP

**BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG
MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ VÀ BÁC SĨ NỘI TRÚ
CHUYÊN NGÀNH: RĂNG HÀM MẶT**

Hội đồng Khoa học-Đào tạo trường Đại học Y Dược Hải Phòng, tiến hành họp thẩm định chủ trương mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ và Bác sĩ nội trú chuyên ngành Răng hàm mặt

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thời gian: 08h30, ngày 30 tháng 03 năm 2022
 2. Địa điểm: Phòng Hội đồng, tầng 2 trường ĐHYDHP
 3. Chủ trì: GS.TS. Phạm Văn Thức - Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo
- Thư ký Hội đồng : PGS.TS. Đặng Văn Chức - Trưởng phòng QLKH
Thư ký hành chính: CN. Đồng Thị Phương Thuý - Phòng QLKH

Thành phần dự họp:

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo có mặt: 10/11
 1. GS.TS. Phạm Văn Thức
 2. PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng
 3. PGS.TS. Phạm Văn Hán
 4. PGS.TS. Trần Quang Phục
 5. PGS.TS. Phạm Văn Liệu
 6. PGS.TS. Đặng Văn Chức
 7. PGS.TS. Đinh Văn Thức
 8. PGS.TS. Phạm Văn Duyệt
 9. PGS.TS. Phạm Văn Nhiên
 10. TS. Nguyễn Hải NinhVắng mặt: 01/11
 1. PGS.TS. Vũ Văn Tâm
- Phòng Quản lý khoa học:
 - TS. Nguyễn Thị Minh Ngọc - Phó Trưởng phòng QLKH
- Phòng Đào tạo Sau đại học :
 - TS. Phạm Thanh Hải - Phó Trưởng phòng
- Khoa Răng Hàm Mặt:
 - TS. Phạm Thanh Hải
 - TS. Trần Thị An Huy và các Thầy/Cô giảng viên Khoa

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG

1. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và nội dung buổi họp: PGS.TS. Đặng Văn Chức – Thư ký Hội đồng thẩm định – Trưởng phòng Quản lý khoa học

2. Chủ tịch Hội đồng Khoa học- Đào tạo điều hành buổi họp

2.1. Thư ký Hội đồng giới thiệu chương trình đào tạo rà soát, thông qua trong phiên họp

2.2. Đại diện Khoa Răng Hàm Mặt - TS. Trần Thị An Huy trình bày đề xuất mở mã ngành Thạc sĩ và BSNT chuyên ngành Răng Hàm Mặt

Đề xuất mở mã ngành Thạc sĩ và Bác sĩ nội trú chuyên ngành Răng Hàm Mặt gồm các nội dung cơ bản:

- Lý do đề nghị mở mã ngành đào tạo
- Mục tiêu phát triển ngành đào tạo
- Năng lực của cơ sở đào tạo gồm :
 - Đội ngũ giảng viên
 - Trang thiết bị, thư viện
 - Chương trình đào tạo
 - Nghiên cứu khoa học, hợp tác trong và nước ngoài
- Giải pháp và lộ trình thực hiện xây dựng đề án mở ngành

3. Ý kiến của các thành viên HĐ

3.1. GS.TS. Phạm Văn Thức - Chủ tịch Hội đồng phát biểu ý kiến:

Căn cứ vào đội ngũ nhân lực cơ hữu của Khoa Răng Hàm Mặt gồm 28 giảng viên, 02 PGS.TS, 06 TS, 02 BSCKII, 12 ThS, 03 NCS trong nước, 03 NCS nước ngoài, 06 giảng viên đang học ThS, CKI, CKII. Ngoài ra số lượng giảng viên kiêm chức cũng chiếm một phần đáng kể gồm 20 cán bộ trong đó có 01 GS, 07 PGS, 05 TS, 10 BSCKII là các nhà khoa học, giảng viên, chuyên gia đầu ngành đang công tác tại các trường Đại học, cơ sở đào tạo, các viện, bệnh viện uy tín. Bên cạnh đó cơ sở vật chất và thực hành của Khoa cũng đủ điều kiện đáp ứng cho việc thực hành của học viên. Với các tiêu chí trên Khoa có đủ điều kiện đáp ứng các yêu cầu của việc mở mã ngành đào tạo ThS và BSNT.

3.2. PGS.TS. Trần Quang Phục - UV Hội đồng phát biểu ý kiến:

Về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất, trang thiết bị của Khoa là đủ yêu cầu mở mã ngành tuy nhiên cần bổ sung thêm chuyên ngành RHM trẻ em. Cơ sở vật chất cũng nên bổ sung thêm Bệnh viện Trẻ em.

Đồng ý với việc mở mã ngành của Khoa.

3.3. PGS.TS. Phạm Văn Liệu - UV Hội đồng phát biểu ý kiến:

Lực lượng giảng viên kiêm nhiệm tại Khoa khá đông tuy nhiên để đáp ứng cho công việc của Khoa thì chưa thực sự hiệu quả.

Cần phân bổ thời gian làm việc cho hợp lý đối với các giảng viên cơ hữu.

Y
ƯỜNG
I HO
ĐƯỢC
PHON
Y
RHO
AI H
DU
VI PH
*

Số lượng TS không trái đều trong 6 bộ môn.

Cần chú ý sắp xếp công việc cho hợp lý sau khi mở mã ngành và sẽ hoạt động như nào cần cụ thể hoá.

Đồng ý với việc mở mã ngành của Khoa.

4. Ý kiến giải trình, trao đổi của Khoa Răng Hàm Mặt

4.1. Trả lời câu hỏi của các thành viên Hội đồng

4.2. Tiếp thu các góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện đề xuất (tờ trình) mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ và BSNT chuyên ngành Răng Hàm Mặt từ các ý kiến của các thành viên Hội đồng.

5. Kết luận của Hội đồng:

- 10/10 thành viên Hội đồng biểu quyết và nhất trí thông qua chủ trương đề xuất mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ và Bác sĩ nội trú chuyên ngành Răng Hàm Mặt sau khi Khoa chỉnh sửa theo ý kiến góp ý của Hội đồng.
- Đề nghị Khoa Răng Hàm Mặt chỉnh sửa, hoàn thiện đề xuất (tờ trình) mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ và Bác sĩ nội trú chuyên ngành Răng Hàm Mặt theo các ý kiến góp ý của Hội đồng và gửi về phòng QLKH và Phòng Sau Đại học.
- Đề nghị Khoa Răng Hàm Mặt định hướng mở rộng cơ sở thực hành tại Bệnh viện Trẻ em nhằm nâng cao chất lượng đào tạo Sau Đại học.
- Đề nghị Ban Giám hiệu và Hội đồng trường thông qua đề xuất mở mã ngành đào tạo Thạc sĩ và Bác sĩ nội trú chuyên ngành Răng Hàm Mặt.

Cuộc họp kết thúc lúc 10h30 cùng ngày./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Chall

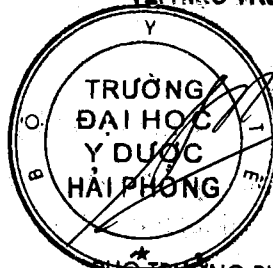
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PGS.TS. Đặng Văn Chức SAO LỤC

HẢI PHÒNG, NGÀY 03/3/2023

TL. HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Phạm Văn Thức



PHÓ TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

TS. *Phạm Thanh Hải*

Số: 44/NQ-HĐT-YDHP

Hải Phòng, ngày 25 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết của nhà trường
trong quý IV năm 2021**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ – CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 120/2020/NĐ – CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị công lập;

Căn cứ Quyết định số 3944/QĐ – BYT ngày 15/9/2020 của Bộ Y tế về việc công nhận Hội đồng trường Trường đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ban hành theo Nghị quyết định số 02/NQ – HĐT – YDHP ngày 02/02/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 25/01/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết của nhà trường trong quý IV năm 2021 (có văn bản kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Các đơn vị liên quan của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng căn cứ Nghị quyết thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu : VP HĐT; VP Đảng Ủy;
TCCB; Văn phòng

HẢI PHÒNG, NGÀY 25/1/2022
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
THÔNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
TS. *Phạm Thanh Hải*

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
PGS.TS. *Phạm Minh Khuê*

Hải Phòng, ngày 14 tháng 1 năm 2022

BÁO CÁO
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường tại phiên họp ngày 14/10/2021, trong thời gian vừa qua Nhà trường đã triển khai các hoạt động chuyên môn và đạt kết quả cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

1. Đào tạo đại học

1.1. Về quy mô và chuyên ngành đào tạo hiện nay:

- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng hiện đang đào tạo 7322 sinh viên gồm: 5515 sinh viên hệ chính quy, 742 sinh viên hệ liên thông chính quy và 1065 sinh viên hệ vừa làm vừa học. Cụ thể:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Năm mở ngành	Quy mô hiện tại
I	Chính quy			5515
1	Y khoa	7720101	1979	3005
2	Y học dự phòng	7720110	2007	229
3	Y học cổ truyền	7720115	2015	353
4	Dược học	7720201	2012	618
5	Điều dưỡng	7720301	2005	558
6	Răng hàm mặt	7720501	2009	447
7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	2009	305
II	Liên thông chính quy			742
1	Y khoa (TC-ĐH)	7720101	1984	685
2	Dược học (CĐ-ĐH)	7720201	2020	57

III	Liên thông VLVH			1065
1	Điều dưỡng (TC-ĐH)	7720301	2006	34
2	Điều dưỡng (CĐ-ĐH)	7720301	2018	829
3	Kỹ thuật xét nghiệm y học (CĐ-ĐH)	7720601	2017	202
TỔNG CỘNG				7322

- Tổng số giảng viên cơ hữu hiện nay của trường là 422 giảng viên, sau quy đổi là 463 giảng viên. Tỷ lệ giảng viên quy đổi trên sinh viên chính quy là 1/13,5 giảng viên/sinh viên.

- Chương trình đào tạo trình độ đại học của trường hiện có 07 ngành gồm: Y khoa; Y học dự phòng; Y học cổ truyền; Răng Hàm Mặt; Dược học; Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học với các hệ đào tạo: chính quy, liên thông chính quy và vừa làm vừa học. Từ năm 2018 nhà trường đã áp dụng chương trình đào tạo y khoa đổi mới dựa trên năng lực trong khuôn khổ dự án HPET cho sinh viên. Tháng 12/2021 trường đã báo cáo nghiệm thu thành công CTĐT Y khoa trước HĐ thẩm định của Bộ Y tế. Năm học 2021-2022. Kiện toàn và vận hành có hiệu quả hệ thống cố vấn học tập nhằm theo dõi, tư vấn, hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện, NKCH góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

1.2. Về công tác tuyển sinh năm 2021:

- Năm 2021, Công tác tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đã thực hiện nghiêm túc, khách quan công bằng tuyển đúng chất lượng. Cụ thể kết quả tuyển sinh năm 2021 của trường như sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Mã tổ hợp	Chi tiêu	Điểm trúng tuyển	Số TS trúng tuyển	Số TS nhập học	Tỷ lệ nhập học/chi tiêu (%)
I	CHÍNH QUY							
1	Y khoa (A)	7720101A	A00	150	25.80	186	178	118.67
2	Y khoa (B)	7720101B	B00	350	26.90	304	301	86.00

3	Y học dự phòng	7720110	B00	60	22.35	78	64	106.67
4	Y học cổ truyền	7720115	B00	70	24.35	79	59	84.29
5	Dược học (A)	7720201A	A00	60	25.25	65	59	98.33
6	Dược học (B)	7720201B	B00	60	25.95	65	59	98.33
7	Dược học (D)	7720201D	D07	30	26.05	35	34	113.33
8	Điều dưỡng	7720301	B00	200	23.25	246	191	95.50
9	Răng hàm mặt	7720501	B00	80	26.70	80	79	98.75
10	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	B00	80	25.05	91	83	103.75
Tổng số				1140		1229	1107	97.11
II	LIÊN THÔNG CHÍNH QUY							
1	Y khoa (TC-CD)	7720101	B00 A00	120	21.9	138	117	97.50
2	Dược học (CD-ĐH)	7720201	A00	30	15.7	31	25	83.33
Tổng số				150		169	142	94.67
III	LIÊN THÔNG VLVH							
1	Điều dưỡng (CD-ĐH)	7720301	B00 + TBC bậc CD	439		418	398	90.66
3	Kỹ thuật xét nghiệm y học (CD-ĐH)	7720601	B00 + TBC bậc CD	100		108	102	102.00
Tổng số				539		485	500	92.76

- Năm 2021, Tổ tư vấn tuyển sinh và Ban truyền thông tuyển sinh được tổ chức và vận hành hiệu quả đã góp phần đẩy mạnh công tác truyền thông tuyển sinh, quảng bá hình ảnh của nhà trường đến số lượng lớn thí sinh và phụ huynh. Kịp thời trao đổi, giải đáp các thắc mắc của thí sinh và phụ huynh về quy chế tuyển sinh, định hướng nghề nghiệp và cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp, qua đó giúp các thí sinh, phụ huynh nắm vững quy chế tuyển sinh và đưa ra lựa chọn đăng kí ngành học phù hợp. Ngoài ra, năm 2021 trường đưa vào hoạt động hệ thống nhập học trực tuyến nhằm tạo thuận lợi cho các thí sinh trong việc thực hiện thủ tục nhập học, tiết kiệm thời gian, chi phí cho các thí sinh đặc biệt đối với các thí sinh đang bị cách ly, phong toả do dịch Covid-19 không thể đến trường để làm thủ tục nhập học qua đó góp phần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong nhà trường.

1.3. Tốt nghiệp năm 2021:

- Năm 2021, trường xét tốt nghiệp cho sinh viên trong 03 đợt, trong đó: trường xét tốt nghiệp đợt 1 cho 1676 sinh viên vào ngày 15/7/2021; xét tốt nghiệp đợt 2 cho 41 sinh viên vào ngày 01/10/2021 và xét tốt nghiệp đợt 3 cho 34 sinh viên vào ngày 30/12/2021. Cụ thể:

STT	Tên ngành	Số SV tốt nghiệp đợt 1	Số SV tốt nghiệp đợt 2	Số SV tốt nghiệp đợt 3
I	Chính quy			
1	Y khoa	506	23	
2	Y học dự phòng	48	2	
3	Y học cổ truyền	35	2	
4	Dược học	73	1	
5	Điều dưỡng	52	4	
6	Răng hàm mặt	49	0	
7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	62	1	
II	Liên thông chính quy			
1	Y khoa (TC-ĐH)	215	5	

2	Dược học (TC-ĐH)	20	3	
III	Liên thông VLVH			
1	Điều dưỡng (TC-ĐH)	182		34
2	Điều dưỡng (CĐ-ĐH)	271		
3	Kỹ thuật xét nghiệm y học (TC-ĐH)	112		
4	Kỹ thuật xét nghiệm y học (CĐ-ĐH)	51		
	TỔNG	1676	41	34

1.4. Trường Đại học Y Dược Huế đào tạo năm học 2021-2022 và được Ban giám hiệu ký quyết định thông qua vào ngày 10/8/2021. Hiện tại, phòng ĐTDH đang tích cực phối hợp cùng các Khoa, Bộ môn xây dựng các phương án triển khai kế hoạch giảng dạy năm học 2021-2022 cho phù hợp với tình hình dịch covid-19 đang diễn biến phức tạp, đảm bảo thực hiện đúng tiến độ đào tạo đã đề ra.

- Về công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT, năm 2021 phòng ĐTDH đã phối hợp cùng Đơn vị Giáo dục Y học - Nghiên cứu khoa học và các Khoa/ Bộ môn triển khai rà soát, điều chỉnh CTĐT và trình Ban giám hiệu ký các quyết định cập nhật, bổ sung và ban hành các chương trình đào tạo trình độ đại học năm 2021, cụ thể:

STT	Ngành	Khóa	Số quyết định	Ngày ký QĐ
1	Điều chỉnh và cập nhật các CTĐT trình độ đại học năm 2021	CT điều chỉnh 2020	951/QĐ-YDHP	02/08/2021
2	Y khoa hệ chính quy	K43 (2021 - 2027)	1369/QĐ-YDHP	19/10/2021

3	Răng hàm mặt hệ chính quy	K13 (2021 - 2027)	1371/QĐ-YDHP	20/10/2021
4	Y học dự phòng hệ chính quy	K15 (2021 - 2027)	1379/QĐ-YDHP	21/10/2021
5	Y học cổ truyền hệ chính quy	K7 (2021 - 2027)	1380/QĐ-YDHP	21/10/2021
6	Dược sĩ hệ chính quy	K10 (2021 - 2026)	1381/QĐ-YDHP	21/10/2021
7	Dược sĩ hệ liên thông chính quy (Cao đẳng - Đại học)	K2 (2021 - 2023)	1382/QĐ-YDHP	21/10/2021
8	Điều dưỡng hệ chính quy	K17 (2021 - 2025)	1383/QĐ-YDHP	21/10/2021
9	Điều dưỡng hệ liên thông vừa làm vừa học (Cao đẳng - Đại học)	K4 (2021 - 2023)	1384/QĐ-YDHP	21/10/2021
10	Kỹ thuật xét nghiệm y học hệ chính quy	K13 (2021 - 2025)	1385/QĐ-YDHP	21/10/2021
11	Kỹ thuật xét nghiệm y học hệ liên thông VLVH (Cao đẳng - Đại học)	K4 (2021 - 2023)	1386/QĐ-YDHP	21/10/2021

1.5. Định hướng hoạt động năm 2022:

- Trên cơ sở đưa vào hoạt động hệ thống nhập học trực tuyến năm 2021, xin ý kiến Hội đồng trường về việc tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động tuyển sinh trong năm 2022, thực hiện tuyển sinh trực tuyến đối với tất cả các ngành, các hệ đào tạo trình độ đại học.

- Căn cứ kết quả tuyển sinh năm 2021, xin ý kiến Hội đồng trường về việc giữ ổn định công tác tuyển sinh năm 2022 như năm 2021 về chỉ tiêu tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, cụ thể:

TT	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển
I	Chính quy:	1140		Xét tuyển theo kết quả thi TN THPT
1	Y khoa (B)	350	Toán, Hóa, Sinh	
2	Y khoa (A)	150	Toán, Lý, Hóa	
3	Y học dự phòng	60	Toán, Hóa, Sinh	
4	Y học cổ truyền	70	Toán, Hóa, Sinh	
5	Dược học (B)	60	Toán, Hóa, Sinh	
6	Dược học (A)	60	Toán, Lý, Hóa	
7	Dược học (D)	30	Toán, Hóa, Anh	
8	Điều dưỡng	200	Toán, Hóa, Sinh	
9	Răng hàm mặt	80	Toán, Hóa, Sinh	
10	Kỹ thuật xét nghiệm y học	80	Toán, Hóa, Sinh	
II	Liên thông chính quy:	150		Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 bậc THPT
1	Y khoa (TC-ĐH)	120	1. Toán, Hóa, Sinh 2. Toán, Lý, Hóa	
2	Dược học (CD-ĐH)	30	Toán, Lý, Hóa	
III	Liên thông VLVH	539		Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 bậc THPT + điểm TBC toàn khóa bậc cao đẳng
1	Điều dưỡng (CD-ĐH)	439	Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC bậc cao đẳng	
2	Kỹ thuật xét nghiệm y học (CD-ĐH)	100	Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC bậc cao đẳng	

- Đề xuất mức học phí từ năm học 2022-2023 trình Hội đồng trường phê duyệt.
Cụ thể:

* **PHƯƠNG ÁN 1:** Áp dụng Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. (Mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên)

- Đối với hệ chính quy và liên thông chính quy:

Đơn vị: đồng/tháng

STT	NGÀNH	NĂM HỌC 2022-2023
1	Y khoa	2.450.000
2	Răng Hàm Mặt	2.450.000
3	Y học dự phòng	2.450.000
4	Y học cổ truyền	2.450.000
5	Dược học	2.450.000
6	Điều dưỡng	1.850.000
7	Xét nghiệm y học	1.850.000

- Đối với hệ liên thông vừa làm vừa học mức học phí bằng 150% mức thu học phí hệ đào tạo chính quy tương ứng.

* **PHƯƠNG ÁN 2:** Áp dụng mức học phí theo lộ trình (Đề án tự chủ)

Đơn vị: đồng/tháng

NGÀNH	HỆ ĐÀO TẠO	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
Y khoa	Chính quy	3.500.000	4.025.000	4.650.000	5.990.000	6.590.000
	Liên thông CQ	3.500.000	4.025.000	4.650.000	5.990.000	6.590.000
Dược học	Chính quy	3.500.000	4.025.000	4.628.750	5.990.000	6.590.000
	Liên thông CQ	3.500.000	4.025.000	4.628.750	5.990.000	6.590.000
YHDP	Chính quy	2.500.000	2.875.000	3.300.000	3.990.000	4.390.000
YHCT	Chính quy	2.500.000	2.875.000	3.300.000	3.990.000	4.390.000

RHM	Chính quy	3.500.000	4.025.000	4.650.000	5.990.000	6.590.000
Điều dưỡng	Cử nhân	2.500.000	2.875.000	3.300.000	4.670.000	5.150.000
	Liên thông CĐ	2.500.000	2.875.000	3.300.000	4.670.000	5.150.000
Xét nghiệm y học	Cử nhân	2.500.000	2.875.000	3.300.000	4.670.000	5.150.000
	Liên thông CĐ	2.500.000	2.875.000	3.300.000	4.670.000	5.150.000

2. Đào tạo Sau đại học

2.1. Về quy mô và chuyên ngành đào tạo hiện nay:

- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng hiện đang đào tạo 660 học viên Sau đại học bao gồm: 366 CK1, 52 BSNT, 106 CK2, 104 cao học, 32 NCS.

Đối tượng HV	Năm nhập học	Số lượng
CKI 25	2019	192
CKI 26	2020	174
Tổng CK1		366
Cao học K15	2019	55
Cao học K16	2020	49
Tổng Cao học		104
Nội trú K11	2018	18
Nội trú K12	2019	23
Nội trú K13	2020	11
Tổng BSNT		52
CKII K13	2019	47
CKII K14	2020	59
Tổng		106

Đối tượng HV	Năm nhập học	Số lượng
NCS K3 YTCC	2014	1
NCS K4 YTCC	2015	2
NCS K5 YTCC	2016	4
NCS K6 YTCC	2017	2
NCS K7 YTCC	2018	1
NCS K8 YTCC	2019	1

NCS K9 YTCC	2020	1
NCS K1 Nhi	2015	2
NCS K2 Nhi	2016	3
NCS K3 Nhi	2017	1
NCS K4 Nhi	2018	1
NCS K5 Nhi	2020	1
NCS K1 NgoạiTH	2017	6
NCS K2 NgoạiTH	2020	3
NCS K1 Nội HH	2017	2
NCS K1 Nội HH	2018	1
Tổng NCS		32

2.2. Về công tác tuyển sinh năm 2021 (đợt 1):

- Công tác tuyển sinh được nhà trường thực hiện theo đúng quy chế, đúng đối tượng. Kết quả tuyển sinh cụ thể như sau:

Đối tượng	Năm nhập học	Số lượng
CK1 K27	2021	196
CK2 K15	2021	40
BSNT K14	2021	30
Thạc sĩ K17	2021	62
Tổng		328

- Phòng Đào tạo Sau đại học đang phối hợp cùng các Khoa, Bộ môn rà soát các chương trình đào tạo, điều chỉnh phù hợp với quy chế đào tạo trình độ sau đại học ban hành năm 2021 và phù hợp theo khung chương trình chuẩn đối với từng ngành, chuyên ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục phối hợp với các Khoa/bộ môn xây dựng đề án mở mã ngành Thạc sĩ Răng Hàm Mặt, Thạc sĩ Điều Dưỡng, CKI Dược Lý lâm sàng, CKI Điều Dưỡng, BSNT Răng Hàm Mặt.

- Bàn giao ngân hàng câu hỏi Sau đại học cho Trung tâm Khảo thí và QLCLGD; Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo. Phối hợp cùng với Trung tâm Khảo thí và QLCLGD, khoa/bộ môn rà soát, hoàn thiện minh chứng kiểm định về tự đánh giá trong cho chương trình đào tạo Thạc sĩ Y tế công cộng.

2.3. Định hướng hoạt động năm 2022:

- Mở mã ngành đào tạo: Cao học Dược lâm sàng, Cao học và CK1 Điều dưỡng, Cao học và NSNT Răng Hàm Mặt.
- Rà soát xây dựng đề án mở mới mã ngành một số chương trình CK1 Da Liễu, Ngoại tạo hình, CK2 Tai Mũi Họng, Quản lý y tế, Y học cổ truyền, cao học Y tế dự phòng.
- Thực hiện tốt kế hoạch tuyển sinh đợt 2 sau đại học của nhà trường theo đúng chỉ tiêu được giao.
- Xây dựng đề án tuyển sinh năm 2022
- Nâng cao quy mô học viên Sau đại học năm 2022

3. Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

3.1. Kết quả hoạt động:

- Đã và đang hoàn thành công tác tự đánh giá 3 CTĐT theo đúng tiến độ và kế hoạch (công văn 305/KH-YHDP ngày 31/12/2020).
- Đã ban hành Quy chế về tổ chức kiểm tra, thi kết thúc học phần theo Thông tư hướng dẫn mới của Bộ GD & ĐT và đảm bảo các yêu cầu của tiêu chí kiểm định (QĐ 1165/QĐ-YHDP ngày 09/09/2021).
- Phối hợp với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục ĐH Quốc gia Hồ Chí Minh, tổ chức buổi tập huấn về “Chương trình bồi dưỡng đánh giá chất lượng giáo dục cấp CTĐT” 3 đợt ngày 14 -15/7/2021; 21-22/7/202 và 15-16/9/2021 đạt hiệu quả tốt.
- Tổ chức thành công khoá tập huấn: “Thực hành kỹ năng đánh giá, đo lường mức độ đạt được CĐR” ngày 24-25/7/2021 của Trung tâm Kiểm định ĐH Đà Nẵng.
- Đã ban hành Quy định về lấy ý kiến các bên liên quan và hệ thống các mẫu phiếu khảo sát (QĐ 1164/QĐ-YHDP ngày 09/09/2021).
- Đã triển khai xong khảo sát sinh viên trước tốt nghiệp đánh giá về khóa học. Tổ chức họp báo cáo kết quả khảo sát và đề xuất cải tiến với các Khoa Dược, Răng Hàm Mặt, Y học cổ truyền, Kỹ thuật Y học, Y đa khoa.
- Đã tư vấn và đề xuất ban hành Chính sách chất lượng giai đoạn 2021-2025. Chính sách chất lượng đã được Hội đồng trường ban hành trong Nghị quyết số 32/NQ-HĐT-YDHP ngày 18/10/2021.
- Đã đề xuất ký và ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học 2021-2022 của tất cả các đơn vị trong toàn trường (294/KH-YHDP ngày 19/10/2021); Kế hoạch cải tiến chất lượng nửa chu kỳ còn lại trong chu kỳ kiểm định CSGD (283/KH-YHDP ngày 19/10/2021).
- Đã đăng ký thẩm định báo cáo tự đánh giá của 3 CTĐT và chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài (915/YHDP-KT&QLCLGD ngày 14/12/2021).
- Đã hoàn thành xong dự thảo quy chế đảm bảo chất lượng.

- Đã tổ chức buổi tư vấn, tham mưu với lãnh đạo Nhà trường về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong và các chương trình đào tạo triển khai tự đánh giá và đánh giá ngoài năm 2022.

- Tiến hành khảo sát 100% các học phần y khoa K40,41,42,43. Từ học kỳ 2: 2021-2022 tiến hành khảo sát tất cả các học phần của tất cả các CTĐT hệ đào tạo Đại học.

- Hoàn thành khảo sát cán bộ nhân viên về sự hài lòng các dịch vụ hỗ trợ của Nhà trường.

- Tổ chức thi 638 môn thi với 956 phòng thi cho đối tượng hệ đào tạo Đại học và Sau đại học tổ chức thi đảm bảo an toàn, công bằng, nghiêm túc và đúng quy chế.

3.2. Định hướng hoạt động năm 2022:

- Thành lập Hội đồng Đảm bảo chất lượng.

- Tăng cường công tác tập huấn cho cán bộ giảng viên về công tác đảm bảo chất lượng. Nhà trường nên có ít nhất 1 cán bộ là kiểm định viên kiểm định chất lượng.

- Có chính sách về tài chính cho công tác đảm bảo chất lượng và được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong tác quản lý, thu thập, sử dụng và lưu trữ hệ thống thông tin phục vụ công tác kiểm định..

- Trang bị thêm hệ thống máy tính phục vụ công tác thi trắc nghiệm.

4. Nghiên cứu khoa học

4.1. Kết quả hoạt động:

Trong 6 tháng cuối năm 2021, phòng QLKH đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các hoạt động NCKH, đồng thời triển khai thực hiện các công việc của phòng đúng kế hoạch và đảm bảo tiến độ, cụ thể:

- Đã triển khai thông báo và tổng hợp giờ NCKH của giảng viên gửi tới các đơn vị liên quan

- Hoàn thành việc tập hợp và gửi Sở Khoa học công nghệ danh sách 08 đề xuất nhiệm vụ cấp Thành phố năm 2021

- Phòng QLKH đã rà soát, xin ý kiến góp ý trực tiếp bằng văn bản của Ban thanh tra pháp chế cho các quy định, quy trình mà phòng đã xây dựng

- Hỗ trợ hoàn thành hồ sơ đăng ký giải thưởng Nguyễn Bình Khiêm về Sở Khoa học và công nghệ thành phố

- Hoàn thành tốt việc tổ chức điểm cầu online tại trường - tham gia các hoạt động của Hội nghị KHCN tuổi trẻ ngành Y lần thứ 20 và vinh dự đạt 07 giải thưởng: 2 giải Nhì, 2 giải Ba và 03 giải Khuyến khích.

- Tổ chức Hội nghị Khoa học công nghệ trường Đại học Y Dược Hải Phòng lần thứ 21 với 214 đề tài (trong đó có 200 đề tài được phê duyệt, hỗ trợ kinh phí, 05 đề tài tự túc kinh phí và 09 đề tài đăng ký báo cáo). Đồng thời, quản lý, đôn đốc nghiệm thu 01 đề tài cấp thành phố đạt loại xuất sắc, 02 đề tài cấp Nhà nước; tiếp tục triển khai 02 đề tài cấp Thành phố (trong đó có 01 đề tài mới được phê duyệt tháng 12/2021)

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ, giúp việc có hiệu quả cho các hội đồng chuyên môn: Hội đồng Giáo sư cơ sở của Trường đã xét đủ tiêu chuẩn chức danh PGS năm 2021 cho 03 ứng viên với các chuyên ngành Ngoại, Truyền nhiễm và Y tế công cộng; Hội đồng thẩm định sách, giáo trình, tài liệu giảng dạy, tham khảo của các khoa/bộ môn; Hội đồng Đạo đức phê duyệt, đánh giá khía cạnh đạo đức của đề tài các cấp; Hội đồng khoa học đào tạo thông qua rà soát và điều chỉnh các chương trình đào tạo bậc Đại học năm học 2021-2022.

4.2. Định hướng hoạt động năm 2022:

- Hoàn thiện các quy trình trong quản lý khoa học đối với giảng viên và người học bao gồm việc: thay đổi cơ chế trong xét thi đua, cơ chế tài chính phù hợp trong thanh quyết toán, quy định khuyến khích đăng báo quốc tế để động viên các nhà khoa học, cán bộ giảng viên, người học thêm nhiệt huyết và say mê cập nhật, triển khai nghiên cứu các vấn đề, nội dung mới. Từng bước hoàn tất các văn bản giấy tờ hành chính của phòng phục vụ cho kiểm định.

- Xây dựng quy định, quy chế và thành lập nhóm nghiên cứu mạnh để triển khai đăng ký đề tài cấp Bộ/ thành phố, nhà nước và quốc tế nhằm nâng cao chất lượng NCKH của Trường.

- Xây dựng kế hoạch và xin ý kiến về việc ban hành các cơ chế, giám sát, rà soát các tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng NCKH cụ thể và lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan về quản lý nghiên cứu khoa học.

- Ứng dụng phần mềm quản lý khoa học, tạo điều kiện thuận lợi cho các Thầy/Cô giảng viên và cán bộ dễ dàng trong việc tìm kiếm thông tin và thực hiện nghiên cứu khoa học.

5. Công tác tổ chức cán bộ

5.1. Kết quả hoạt động:

- Đã triển khai quy trình thành lập Khoa Khoa học cơ bản; Khoa Y theo chủ trương của Đảng ủy, Hội đồng trường. Tại cuộc họp này sẽ xin ý kiến của Hội đồng trường về Đề án thành lập Khoa Y.

- Thành lập Trung tâm Tương đương sinh học và thử nghiệm lâm sàng; Trung tâm Mô phỏng lâm sàng; Trung tâm Giáo dục y học – Nghiên cứu khoa học.

- Đang triển khai xây dựng Đề án tự chủ: hiện đang xin ý kiến của Ban chấp hành Đảng ủy, các phòng ban chức năng liên quan về Dự thảo Đề án.

- Hoàn thành quy trình sáp nhập Bộ môn Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng và Bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch, Bộ môn Mô phôi và Bộ môn Giải phẫu bệnh – Y pháp.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ giảng viên, chuyên viên năm học 2020 - 2021 và thực hiện kế hoạch đào tạo các nhóm chuyên môn kỹ thuật y tế, giáo dục (*hoạt động diễn ra liên tục trong năm*).

5.2. Định hướng hoạt động năm 2022:

- Hoàn thành xây dựng Đề án Tự chủ đại học trình Bộ Y tế phê duyệt;

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của trường theo đúng Quy chế Tổ chức và Hoạt động đã được ban hành: Tiếp tục triển khai quy trình thành lập Khoa Khoa học cơ bản. Hoàn thành việc kiện toàn nhân sự của Khoa Y, Khoa Khoa học cơ bản sau khi thành lập;

- Triển khai quy trình thành lập Tạp chí Khoa học sức khỏe;

- Kiện toàn tổ chức của một số đơn vị trong trường;

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức của một số khoa, phòng Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.

6. Tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị

6.1. Kết quả hoạt động:

- Tổ chức thi công hoàn thành công trình sửa chữa hội trường và hệ thống điều hòa không khí nhà giảng dạy và làm việc 7 tầng theo đúng tiến độ hợp đồng.

- Hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Y tế phê duyệt bổ sung hạng mục công trình: Xây dựng tường rào và mái tôn chống nóng thuộc dự án: Xây dựng Khu thực hành tiền lâm sàng;

- Hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Y tế phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Hệ thống xử lý nước thải, rác thải tại bệnh viện theo qui định;

- Phối hợp với phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy kiểm tra công tác nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy đối với công trình Khu thực hành tiền lâm sàng để đưa vào sử dụng theo qui định;

- Hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Y tế phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật ĐTXD công trình: Sửa chữa tầng 1-4 Nhà C (công trình triển khai kế hoạch năm 2022)

- Đang tổ chức công tác lựa chọn nhà thầu để triển khai công trình: Cải tạo sửa chữa tầng 5 Nhà C;

- Đã ký hợp đồng gói mua sắm tài sản năm 2021 với tổng giá trị 27,138 tỷ (NSNN cấp 29,56 tỷ đồng). Hiện đã tạm ứng 13,569 tỷ đồng. Dự kiến nhận bàn giao máy móc, trang thiết bị trong quý 1/2022.

- Xây dựng phương án hỗ trợ Tết cho cán bộ, viên chức, người lao động;

6.2. Định hướng hoạt động năm 2022:

- Xin ý kiến Hội đồng trường chấp thuận kế hoạch đầu tư năm 2022 và chủ trương đầu tư năm 2022-2025 (Có danh mục cụ thể kèm theo). Sau khi có nghị quyết của Hội đồng trường sẽ tập trung xây dựng kế hoạch đấu thầu, mua sắm, sửa chữa;

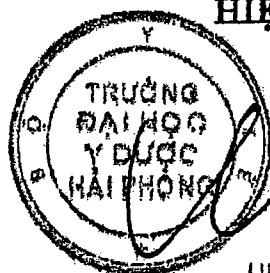
- Xây dựng Kế hoạch tài chính năm 2022 cho phù hợp với thực tế nhà trường;

- Thực hiện giải ngân các gói thầu của năm 2021;

- Kết hợp với các đơn vị xây dựng Đề án tự chủ và Phương án thu học phí năm học 2022 – 2023;

Nơi nhận:

- Thành viên HĐT;
- Ban Giám hiệu;
- Phòng TCCB;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

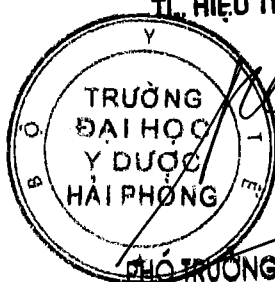
HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

SAO LỤC

HẢI PHÒNG, NGÀY 03/...3/2023.

TL. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ TRƯỞNG PHỤ TRÁCH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
TS. Phạm Thanh Hải

Số: 45/NQ-HĐT-YDHP

Hải Phòng, ngày 20 tháng 04 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I – năm 2022
của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ – CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 120/2020/NĐ – CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị công lập;

Căn cứ Quyết định số 3944/QĐ – BYT ngày 15/9/2020 của Bộ Y tế về việc công nhận Hội đồng trường Trường đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ban hành theo Nghị quyết định số 02/NQ – HĐT – YDHP ngày 02/02/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 14/04/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng,

QUYẾT NGHỊ:

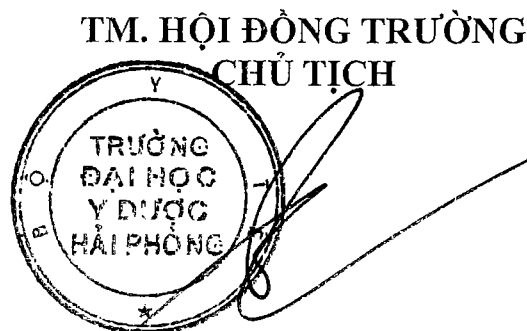
Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I - năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (có văn bản kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Các đơn vị liên quan của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng căn cứ Nghị quyết thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐT; VP Đảng Ủy;
TCCB; Văn thư.



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
PGS.TS. *Phạm Minh Khue*

Hải Phòng, ngày 14 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG QUÝ I NĂM 2022

Thực hiện Nghị quyết của Hội đồng trường tại phiên họp ngày 14/01/2022, trong thời gian vừa qua Nhà trường đã triển khai các hoạt động chuyên môn và đạt kết quả cụ thể như sau:

1. Đào tạo đại học

- Phối hợp cùng phòng Tổ chức cán bộ, các Khoa, Bộ môn và các đơn vị rà soát các điều kiện đảm bảo chất lượng như: Danh sách đội ngũ giảng viên, điều kiện cơ sở vật chất... để hoàn thành báo cáo xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022 theo quy định. Về cơ bản, năng lực đào tạo hiện nay của nhà trường đủ đáp ứng các chỉ tiêu tuyển sinh đặt ra trong năm 2022.

- Hoàn thành xây dựng dự thảo đề án tuyển sinh năm 2022 và báo cáo Hội đồng tuyển sinh nhà trường thông qua. Về cơ bản đề án tuyển sinh năm 2022 giữ ổn định so với năm 2021, cụ thể:

TT	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển
I	Chính quy:	1140		Xét tuyển theo kết quả thi TN THPT
1	Y khoa (B)	350	Toán, Hóa, Sinh	
2	Y khoa (A)	150	Toán, Lý, Hóa	
3	Y học dự phòng	60	Toán, Hóa, Sinh	
4	Y học cổ truyền	70	Toán, Hóa, Sinh	
5	Dược học (B)	60	Toán, Hóa, Sinh	
6	Dược học (A)	60	Toán, Lý, Hóa	
7	Dược học (D)	30	Toán, Hóa, Anh	
8	Điều dưỡng	200	Toán, Hóa, Sinh	
9	Răng hàm mặt	80	Toán, Hóa, Sinh	
10	Kỹ thuật xét nghiệm y học	80	Toán, Hóa, Sinh	

II	Liên thông chính quy:	150		Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 bậc THPT
1	Y khoa (TC-ĐH)	120	Toán, Hóa, Sinh 2. Toán, Lý, Hóa	
2	Dược học (CĐ-ĐH)	30	Toán, Hóa, Sinh 2. Toán, Lý, Hóa	
III	Liên thông VLVH	539		Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 bậc THPT + điểm TBC toàn khóa bậc CĐ
1	Điều dưỡng (CĐ-ĐH)	439	Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC bậc CĐ	
2	Kỹ thuật xét nghiệm y học (CĐ-ĐH)	100	Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC bậc CĐ	

- Phối hợp cùng các Khoa, Bộ môn triển khai công tác rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và đúng các quy định hiện hành.

- Xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức học lại, học cải thiện năm học 2021-2022 cho sinh viên năm cuối. Xây dựng dự thảo và xin ý kiến góp ý về Quy định tổ chức và quản lý học lại, học cải thiện điểm, học bổ sung, học vượt đối với sinh viên.

- Về triển khai công tác sinh viên: Hoàn thành việc rà soát, xét miễn, giảm học phí bổ sung năm 2022; xét học bổng khuyến khích học tập và xử lý học vụ sinh viên học kì 2 năm học 2021-2022; bổ sung hồ sơ miễn giảm học phí đối với những trường hợp thuộc đối tượng chính sách năm 2022. Hoàn thành đánh giá điểm rèn luyện và tổng kết kết quả học tập của sinh viên để xét học bổng học kì 2 năm học 2021-2022.

- Triển khai công tác cố vấn học tập năm học 2021-2022 theo kế hoạch, tổ chức họp lớp sinh viên đầu năm học và cuối học kì 1 năm học 2021-2022.

2. Đào tạo Sau đại học

- Hoàn thành thi tuyển sinh Sau đại học đợt 2 với tổng số 111 học viên. Hoàn thành công tác nhập học và triển khai chương trình đào tạo cho đối tượng mới trúng tuyển sau đại học.

- Hoàn thiện ứng dụng phần mềm trong quản lý điểm, bảng điểm, thu học phí và thống kê học viên trúng tuyển, nhập học

- Triển khai họp thống nhất “Rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2022”.

- Căn cứ trên mục tiêu phát triển ngành đào tạo, năng lực của cơ sở đào tạo, giải pháp và lộ trình thực hiện xây dựng đề án mở mã ngành, phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro, Hội đồng Khoa Học-Đào Tạo đã họp thông qua chủ trương mở mới

mã ngành đào tạo Sau Đại học Thạc sĩ và BSNT Răng Hàm Mặt, Thạc sĩ và CKI Điều Dưỡng, Thạc sĩ và CKI Y học dự phòng, CKI Dược lý & Dược lâm sàng

- Tổ chức tốt công tác thi tốt nghiệp cho các đối tượng Sau đại học; Tổ chức bảo vệ luận văn, luận án các cấp.

- Hoàn thành xác định chỉ tiêu tuyển sinh sau đại học 2022 – 2023.

- Hoàn thiện ứng dụng phần mềm trong quản lý điểm, bảng điểm, thu học phí, và thống kê học viên trúng tuyển, nhập học.

- Rà soát xây dựng đề án mở mới mã ngành một số chương trình CK1 Da Liễu, Ngoại tạo hình, CK2 Tai Mũi Họng, Quản lý y tế, Y học cổ truyền, cao học Y tế dự phòng.

3. Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục

- Đã và đang hoàn thành công tác tự đánh giá 3 CTĐT theo đúng tiến độ và kế hoạch, hiện đang hoàn thiện các hoạt động khảo sát, minh chứng phục vụ công tác tự đánh giá và dự kiến triển khai đánh giá ngoài vào tháng 7 năm 2022.

- Ban hành kế hoạch TĐG các CTĐT và dự thảo dự trù kinh phí cho công tác ĐBCL năm 2022.

- Đã triển khai các bước đầu tiên trong quy trình đánh giá 07 chương trình đào tạo gồm Thạc sĩ Nhi khoa, Thạc sĩ Nội khoa; Thạc sĩ Ngoại; Bác sĩ Răng Hàm Mặt, Bác sĩ Y học cổ truyền, Cử nhân Điều dưỡng, Cử nhân Kỹ thuật Y học. Tổ chức thành công tập huấn đánh giá mức độ đạt được CDR của CTĐT và các hoạt động tập huấn bộ tiêu chuẩn TĐG CTĐT cho 7 CTĐT.

- Xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh Quy định 131/QĐ-YHDP ngày 02/3/2015 về việc xây dựng, quản lý ngân hàng đề thi/đáp án thi của các môn học/học phần và đẩy mạnh công tác thi trắc nghiệm.

- Tiếp tục phối hợp với phòng Đào tạo Đại học, Sau đại học và tất cả các Khoa/Bộ môn tổ chức thi cho tất cả CTĐT đảm bảo khách quan, công bằng và đúng quy chế.

4. Nghiên cứu khoa học

- Đã hoàn thành việc rà soát, chỉnh sửa quy chế và ra quyết định quy định về nghiên cứu khoa học cho người học & thành lập nhóm nghiên cứu mạnh.

- Tổ chức xét duyệt đề cương đề tài NCKH cấp cơ sở năm 2022.

- Tập hợp, rà soát bản thảo bài báo gửi đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước năm 2022 để gửi phản biện.

- Hỗ trợ, giúp việc có hiệu quả cho Hội đồng thẩm định sách, giáo trình, tài liệu giảng dạy, tham khảo của các khoa/bộ môn; Hội đồng Đạo đức phê duyệt, đánh giá khía cạnh đạo đức của đề tài các cấp; Hội đồng khoa học đào tạo thông qua rà soát và điều chỉnh các chương trình đào tạo bậc Đại học năm học 2021-2022.

- Thông qua danh mục đề tài đăng ký hướng dẫn khoá luận cho sinh viên và công bố danh mục trên website trường.

5. Công tác tổ chức cán bộ

- Hoàn thiện Đề án tự chủ: đã xin ý kiến góp ý của Ban chấp hành Đảng ủy, các phòng ban chức năng liên quan và cán bộ chủ chốt toàn trường về Dự thảo Đề án. Xin ý kiến thông qua của Hội đồng trường tại phiên họp này.

- Đã triển khai quy trình thành lập Khoa Khoa học cơ bản: hoàn thiện Đề án thành lập, xin ý kiến góp ý của Ban Chấp hành Đảng ủy, các phòng ban chức năng liên quan và xin ý kiến của Hội đồng trường tại phiên họp này.

- Xây dựng phương án kiện toàn nhân sự Khoa Y theo chủ trương của Đảng ủy, Hội đồng trường.

- Đã triển khai quy trình sáp nhập Bộ môn Tâm lý – Đạo đức y học vào Trung tâm Mô phỏng lâm sàng, xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng trường.

- Đã triển khai quy trình đổi tên các đơn vị: Phòng Đào tạo đại học, Phòng Đào tạo sau đại học, Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục.

- Xây dựng Đề án Vị trí việc làm trình Bộ Y tế phê duyệt trong đó có nội dung Hội đồng trường phê duyệt Danh mục Vị trí việc làm của trường.

- Tiếp tục triển khai kế hoạch thành lập Tạp chí Khoa học sức khỏe;

- Rà soát, kiện toàn tổ chức của các đơn vị trong trường theo chỉ đạo của Bộ Y tế về việc thực hiện Nghị định 120/NĐ – CP của Chính phủ;

- Triển khai xây dựng kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch các cấp theo chỉ đạo của Thành ủy Hải Phòng và Bộ Y tế.

- Triển khai quy trình xét tặng danh hiệu Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú; Quy trình bổ nhiệm chức danh Giáo sư và Phó Giáo sư cho 03 cán bộ, giảng viên.

6. Tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị

- Triển khai lắp biển tên các khoa, phòng chức năng theo bộ nhận diện thương hiệu được duyệt cho Nhà A, 7 tầng; Kiểm định kỹ thuật an toàn hệ thống thang máy Nhà B, 15 tầng;

- Tổ chức nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng hội trường và hệ thống điều hòa không khí nhà giảng dạy và làm việc 7 tầng; Tổ chức xong công tác lựa chọn nhà thầu, trình ký hợp đồng thi công xây dựng công trình Cải tạo sửa chữa tầng 5 Nhà C;

- Tổ chức thẩm định và trình phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Xây dựng tường rào và mái chống nóng công trình Nhà thực hành tiền lâm sàng; Tiếp tục thực hiện kiểm toán vốn đầu tư dự án Khu thực hành tiền lâm sàng (phần việc đã hoàn thành);

- Đang thực hiện quyết toán 5 gói thầu mua sắm tài sản năm 2021 với tổng giá trị 27,138 tỷ. Năm 2022, Bộ Y tế giao dự toán 63,58 tỷ để thực hiện mua sắm sửa chữa tài sản. Các phòng ban chức năng đang xây dựng kế hoạch mua sắm năm 2022.

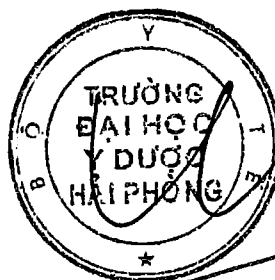
- Xin ý kiến Hội đồng trường về Kế hoạch tài chính năm 2022;

- Xin chủ trương của Hội đồng trường về các dự án: Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng của trường; Dự án cải tạo, sửa chữa giảng đường tại Bệnh viện Kiến An; Dự án xây dựng phòng truyền thống của trường.

Nơi nhận:

- Thành viên HĐT;
- Ban Giám hiệu;
- Phòng TCCB;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

II. Xây dựng đề án, chuẩn bị điều kiện mở ngành đào tạo

Hải Phòng, ngày 10 tháng 5 năm 2022

Số : 830.../QĐ-YDHP

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình
và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng ;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ban hành theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐT – YDHP ngày 02/02/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 – 2025;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành phép đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT – BGDDT ngày 30/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-TTg ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT– YDHP ngày 20/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ nhu cầu công tác và năng lực cán bộ, viên chức;

Theo đề nghị của Ông : Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ và Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Hội đồng đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng gồm các ông bà có tên sau (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Hội đồng đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt hoạt động theo các quy định hiện hành của Nhà trường, Nhà nước và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng : Tổ chức cán bộ, Quản lý Đào tạo Sau đại học, Khoa Răng Hàm Mặt và các ông, bà có tên trong Điều 1 căn cứ thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu TCCB, ĐTSĐH;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH
VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ
NGÀNH RĂNG HÀM MẶT

(Kèm theo quyết định số: 850/YDHP – QĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022)

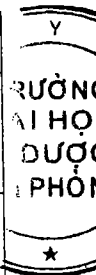
I. Ban xây dựng chương trình

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. Phạm Văn Linh	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2.	PGS.TS. Đinh Văn Thúc	Trưởng Phòng QLĐTSDH	Phó Chủ tịch Hội đồng
3.	TS. Phạm Thanh Hải	Phó Trưởng phòng QLĐTSDH	Phó Chủ tịch Hội đồng
4.	ThS.Nguyễn Thị Thanh Bình	Giám đốc TT Giáo dục Y học – Nghiên cứu khoa học	Phó Chủ tịch Hội đồng
5.	TS. Vũ Quang Hưng	Trưởng Khoa Răng Hàm Mặt	Phó Chủ tịch Hội đồng
6.	BSCKII. Nguyễn Thị Tuyết	Chuyên viên chính Phòng QLĐTSDH	Ủy viên
7.	ThS. Đặng Văn Minh	Chuyên viên TT Giáo dục Y học – Nghiên cứu khoa học	Ủy viên
8.	TS. Trần Thị An Huy	Phó Trưởng Khoa Răng Hàm Mặt	Ủy viên
9.	TS. Đồng Thị Mai Hương	Phó trưởng Phụ trách Bộ môn Phẫu thuật trong miệng và nha chu, Khoa RHM	Ủy viên
10.	Ths.BSCKII. Nguyễn Thị Phương Anh	Trưởng Bộ môn Phục hình và Kỹ thuật phục hình Khoa RHM	Ủy viên
11.	Ths.BSCKII. Nguyễn Minh Tuân	Trưởng Bộ môn Phẫu thuật hàm mặt và Bệnh học miệng. Khoa RHM	Ủy viên

12.	ThS. Đoàn Trung Hiếu	Phó Trưởng Phụ trách Bộ môn Nha khoa cơ sở - X quang răng, khoa RHM	Ủy viên
13.	ThS. Lương Xuân Quỳnh	Phó Trưởng Bộ môn Phục hình và Kỹ thuật phục hình, Khoa RHM	Ủy viên
14.	ThS. Nguyễn Thị Hồng Thuý	Phó Trưởng Bộ môn Nha khoa dự phòng và Phát triển, Khoa RHM	Ủy viên
15.	ThS. Nguyễn Thị Ninh	Giáo vụ Đại học, Khoa RHM	Ủy viên
16.	ThS. Nguyễn Đức Tín	Giáo vụ Sau đại học, Khoa RHM	Ủy viên thư ký
17.	ThS. Lê Thị Thùy Ly	Giảng viên Khoa RHM	Ủy viên

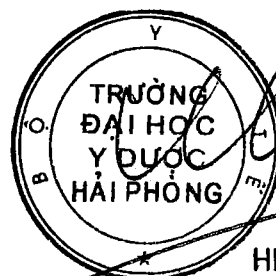
II. Ban đảm bảo chất lượng chương trình

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1.	PGS.TS. Phạm Văn Linh	Phó Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2.	PGS.TS. Đinh Văn Thức	Trưởng Phòng QLĐTSDH	Phó Chủ tịch Hội đồng
3.	TS. Phạm Thanh Hải	Phó Trưởng phòng QLĐTSDH	Phó Chủ tịch Hội đồng
4.	TS. Vũ Quang Hưng	Trưởng Khoa Răng Hàm Mặt	Phó Chủ tịch Hội đồng
5.	TS. Trần Thị An Huy	Phó Trưởng khoa Răng Hàm Mặt	Ủy viên
6.	TS. Phạm Thành Nguyên	Phó GD Phụ trách Trung tâm Khảo thí & QLCLGD	Ủy viên
7.	ThS. Nguyễn Thị Hồng Nhung	Giám đốc Trung tâm Thông tin -Thư viện	Ủy viên
9.	ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trưởng Phòng Vật tư- Trang thiết bị	Ủy viên



10.	KS. Lưu Mạnh Hùng	Trưởng Phòng Quản trị	Ủy viên
11.	ThS. Nguyễn Đức Tín	Giáo vụ Sau đại học, Khoa RHM	Ủy viên thư ký

HIỆU TRƯỞNG *a*



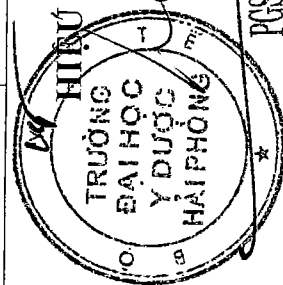
HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*



KẾ HOẠCH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NĂM 2022

TT	Nội dung	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
1.	Đề xuất thành lập HĐ xây dựng chương trình và điều kiện đảm bảo chất lượng	Phòng TCCB	Phòng QL ĐTSDH Khoa/Bộ môn	Từ 22/4/2022 Đến 10/5/2022	Quyết định
2.	Họp triển khai hướng dẫn xây dựng CTĐT	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD	SDH, Khoa/Bộ môn	12/5	Biên bản cuộc họp
3.	Xây dựng bản thảo CTĐT			Từ 12/5 - 12/8/2022	Chương trình đào tạo
3.1.	Mục tiêu và CĐR của CTĐT	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD; khoa/bộ môn liên quan	Phòng QLĐT SDH	12/5-26/5/2022	CĐR và Mục tiêu của CTĐT, biên bản họp
3.2.	Xác định cấu trúc của CTĐT (khung CTĐT)	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD; khoa/bộ môn liên quan	Phòng QLĐT SDH	27/5/2022- 9/6/2022	Khung CTĐT, biên bản họp
3.3.	Chiến lược lượng giá	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD; khoa/bộ môn liên quan	Phòng QLĐT SDH	10/6/2022- 23/6/2022	Phương pháp lượng giá, biên bản họp
3.4.	Thiết kế đề cương chi tiết	GDYH-NCKH; KT&QLCLGD; khoa/bộ môn liên quan	Phòng QLĐT SDH	24/6/2022- 12/8/2022	Đề cương chi tiết, biên bản họp
4.	Điều kiện đảm bảo chất lượng			Từ 12/5/2022 - 12/8/2022	Cơ sở vật chất, nhân lực
4.1	Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo	Phòng TCCB	Khoa/Bộ môn ;Trung tâm khảo thí & QLCLGD	24/6/2022- 12/8/2022	Hồ sơ giảng viên tham gia CTĐT

4.2	Các công trình khoa học và đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo	Phòng QLKH	Khoa/Bộ môn; Trung tâm khảo thí & QLCLGD;	24/6/2022-12/8/2022	Danh mục các công trình khoa học và đề tài NCKH và đề tài (kèm minh chứng)
4.3	Trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo	Phòng Vật tư trang thiết bị	Khoa/Bộ môn; Trung tâm khảo thí & QLCLGD	Từ 12/5/2022 - 12/8/2022	Danh mục vật tư trang thiết bị phục vụ đào tạo
4.4	Sách tham khảo và giảng dạy	Trung tâm thư viện	Khoa/Bộ môn; Trung tâm khảo thí & QLCLGD	24/6/2022-12/8/2022	Danh mục sách, tài liệu phục vụ đào tạo
5.	Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng	Phòng TCCB	Phòng QLĐTSDH Khoa/BM	30-2/9/2022	Quyết định hội đồng thẩm định CTĐT & ĐBCL
6.	Sửa chữa chương trình theo góp ý của Hội đồng	Khoa/BM	Phòng QLĐTSDH	3/9/2022-9/9/2022	Biên bản sửa chữa theo ý kiến của Hội đồng. CTĐT và các minh chứng đảm bảo chất lượng theo sự góp ý của HĐ
7.	Hội đồng KH và Đào tạo thẩm định Hồ sơ mở mã ngành đào tạo mới	Hội đồng KH & ĐT	Phòng QLKH	12/9/2022-16/9/2022	Biên bản Đề án mở mã ngành mới
8.	Trình Bộ Giáo dục & Đào tạo đề án mở mã ngành	Phòng QLĐTSDH	Khoa/Bộ môn	19/9/2022-23/9/2022	Công văn gửi Bộ Giáo dục & Đào tạo Đề án mở mã ngành



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Văn Linh



HỘI ĐỒNG TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thực hiện Quyết định số 830/QĐ – YDHP ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt, ngày 12/05/2022, vào hồi 14h tại Văn phòng khoa Răng Hàm Mặt, Hội đồng xây dựng tiến hành họp triển khai xây dựng chương trình.

1. Thành phần tham dự gồm:

- Chủ trì: TS. Trần Thị An Huy – Phó trưởng khoa, phó chủ tịch Hội đồng xây dựng và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.
- Thư ký: ThS. Nguyễn Đức Tín – Giáo vụ sau đại học khoa, ủy viên thư kí.
- Thành phần:
 - + ThS. Đặng Văn Minh, chuyên viên Trung tâm GDYH-NCKH, ủy viên.
 - + Cùng toàn thể cán bộ khoa tham dự.

2. Nội dung cuộc họp:

- TS. Trần Thị An Huy công bố Quyết định số 830/QĐ – YDHP ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt có danh sách kèm theo.
- TS. Phạm Thanh Hải, phó trưởng khoa, phó trưởng phòng QLĐT Sau đại học, phó chủ tịch Hội đồng thông qua bản Kế hoạch xây dựng chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.
- ThS. Đặng Văn Minh nêu các văn bản pháp lý làm căn cứ cho xây dựng chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.
- Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu ở trên và không có đóng góp thêm ý kiến gì.

Cuộc họp kết thúc lúc 15h cùng ngày.

Thư kí

ThS. Nguyễn Đức Tín

Hải Phòng, ngày 12 tháng 05 năm 2022

Chủ tọa

TS. Trần Thị An Huy



BIÊN BẢN HỌP TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

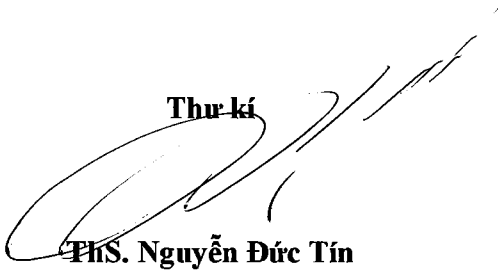
Thực hiện Quyết định số 830/QĐ – YDHP ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt, ngày 26/05/2022, vào hồi 14h tại Văn phòng khoa Răng Hàm Mặt, Hội đồng xây dựng tiến hành họp thống nhất xây dựng mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

1. Thành phần tham dự gồm:

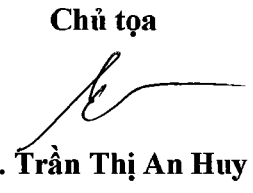
- Chủ trì: TS. Trần Thị An Huy – Phó trưởng khoa, phó chủ tịch Hội đồng xây dựng và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.
- Thư ký: ThS. Nguyễn Đức Tín – Giáo vụ sau đại học khoa, ủy viên thư kí.
- Thành phần:
 - + ThS. Đặng Văn Minh, chuyên viên Trung tâm GDYH-NCKH, ủy viên.
 - + Cùng toàn thể cán bộ khoa tham dự.

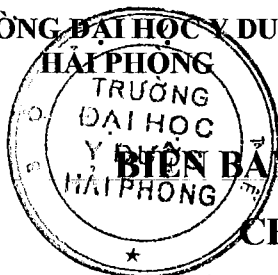
2. Nội dung cuộc họp:

- TS. Trần Thị An Huy phổ biến nội dung buổi họp thông qua Mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.
 - ThS. Đặng Văn Minh nêu ra các tiêu chuẩn cần đáp ứng của mục tiêu chương trình đào tạo: phù hợp với Sứ mạng, tầm nhìn và triết lí giáo dục của Nhà trường; phù hợp với khung trình độ quốc gia và luật giáo dục đại học. Từ đó xây dựng các chuẩn đầu ra phù hợp với Mục tiêu chương trình đào tạo và các chuẩn năng lực Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.
 - TS. Phạm Thanh Hải trình bày các nội dung của Mục tiêu và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Thạc sĩ Răng Hàm Mặt mà các thầy cô trong khoa xây dựng có kèm đối sánh tham khảo các trường đại học trong nước và quốc tế.
 - Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu.
- Cuộc họp kết thúc lúc 15h cùng ngày.**

Thư kí

ThS. Nguyễn Đức Tín

Hải Phòng, ngày 26 tháng 05 năm 2022

Chủ tọa

TS. Trần Thị An Huy



BIÊN BẢN HỌP TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thực hiện Quyết định số 830/QĐ – YDHP ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt, ngày 09/06/2022, vào hồi 14h tại Văn phòng khoa Răng Hàm Mặt, Hội đồng xây dựng tiến hành **họp thống nhất xây dựng khung (cấu trúc) chương trình đào tạo**.

1. Thành phần tham dự gồm:

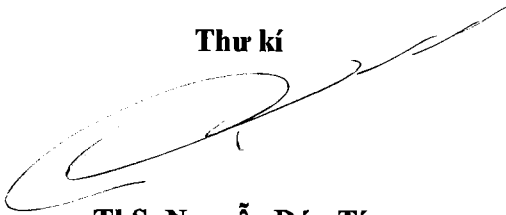
- Chủ trì: TS. Trần Thị An Huy – Phó trưởng khoa, phó chủ tịch Hội đồng xây dựng và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.
- Thư ký: ThS. Nguyễn Đức Tín – Giáo vụ sau đại học khoa, ủy viên thư kí.
- Thành phần:
 - + ThS. Đặng Văn Minh, chuyên viên Trung tâm GDYH-NCKH, ủy viên.
 - + Cùng toàn thể cán bộ khoa tham dự.

2. Nội dung cuộc họp:

- TS. Trần Thị An Huy phổ biến nội dung buổi họp thông qua Cấu trúc – Khung chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.
- ThS. Đặng Văn Minh nêu ra các yêu cầu về cấu trúc chương trình đào tạo Thạc sĩ định hướng nghiên cứu cần thực hiện theo hướng dẫn của thông tư 17-2019 và thông tư 02-2022 của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Bên cạnh đó, các học phần theo các khối kiến thức trong chương trình đào tạo phải làm sáng tỏ và tính phù hợp với Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình như đã xây dựng từ các buổi họp trước.
- TS. Phạm Thanh Hải trình bày cấu trúc (khung) chương trình Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt có 5 phần:
 - + Học phần kiến thức chung chiếm 9/63 tín chỉ gồm: triết học, phương pháp dạy học, Tin học ứng dụng, phương pháp nghiên cứu khoa học.
 - + Học phần kiến thức cơ sở chiếm 6/63 tín chỉ gồm: giải phẫu đầu – mặt – cổ, tai mũi họng, nha khoa cơ sở.

- + Học phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc chiếm 27/63 tín chỉ gồm các nhóm: Chữa răng nội nha – Nha chu – Phục hình, Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt, Răng trẻ em – Nha cộng đồng – Chính hình răng mặt.
- + Học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn chiếm 12/63 tín chỉ và chọn 1 trong 3 nhóm học phần: Chữa răng nội nha – Nha chu – Phục hình, Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt, Răng trẻ em – Nha cộng đồng – Chính hình răng mặt.
- + Luận văn tốt nghiệp chiếm 9/63 tín chỉ.
- Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu.
- Cuộc họp kết thúc lúc 15h cùng ngày.**

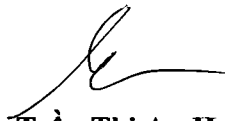
Thư kí



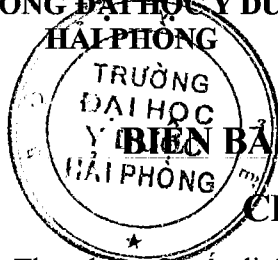
ThS. Nguyễn Đức Tín

Hải Phòng, ngày 09 tháng 06 năm 2022

Chủ tọa



TS. Trần Thị An Huy



BIÊN BẢN HỌP TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thực hiện Quyết định số 830/QĐ – YDHP ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt, ngày 23/06/2022, vào hồi 14h tại Văn phòng khoa Răng Hàm Mặt, Hội đồng xây dựng tiến hành **họp thống nhất xây dựng chiến lược lượng giá trong chương trình đào tạo**.

1. Thành phần tham dự gồm:

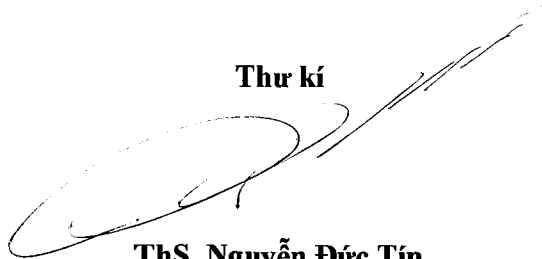
- Chủ trì: TS. Trần Thị An Huy – Phó trưởng khoa, phó chủ tịch Hội đồng xây dựng và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.
- Thư ký: ThS. Nguyễn Đức Tín – Giáo vụ sau đại học khoa, ủy viên thư kí.
- Thành phần:
 - + ThS. Đặng Văn Minh, chuyên viên Trung tâm GDYH-NCKH, ủy viên.
 - + Cùng toàn thể cán bộ khoa tham dự.

2. Nội dung cuộc họp:

- TS. Trần Thị An Huy phổ biến nội dung buổi họp thông qua Chiến lược lượng giá chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.
- ThS. Đặng Văn Minh hướng dẫn về xây dựng chiến lược lượng giá cho các học phần trong khung chương trình đào tạo mà các buổi họp trước đã thống nhất. Chiến lược lượng giá bám sát chuẩn đầu ra học phần gồm có lượng giá thường xuyên, lượng giá giữa kì và lượng giá cuối kì. Việc xây dựng chiến lược lượng giá liên tục sẽ giúp phát hiện và cải thiện tình trạng học tập và rèn luyện của học viên. Việc lượng giá như vậy cũng sẽ toàn diện và khách quan hơn.
- TS. Phạm Thanh Hải trình bày các phương pháp lượng giá kĩ năng tương ứng với các chuẩn đầu ra kĩ năng của học phần và lượng giá cuối kì là lượng giá kiến thức. Ngoài ra việc theo dõi học tập bao gồm sổ theo dõi học tập (lý thuyết và lâm sàng) có kèm sổ chỉ tiêu tay nghề sẽ giúp lượng giá thường xuyên học viên.
- Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu.

Cuộc họp kết thúc lúc 15h cùng ngày.

Thư kí



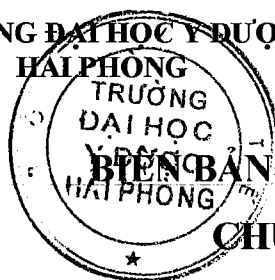
ThS. Nguyễn Đức Tín

Hải Phòng, ngày 23 tháng 06 năm 2022

Chủ tọa



TS. Trần Thị An Huy



BIÊN BẢN HỌP TRIỂN KHAI XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thực hiện Quyết định số 830/QĐ – YDHP ngày 10 tháng 05 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt, ngày 10/08/2022, vào hồi 14h tại Văn phòng khoa Răng Hàm Mặt, Hội đồng xây dựng tiến hành **họp thống nhất thiết kế đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo**.

1. Thành phần tham dự gồm:

- Chủ trì: TS. Trần Thị An Huy – Phó trưởng khoa, phó chủ tịch Hội đồng xây dựng và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.

- Thư ký: ThS. Nguyễn Đức Tín – Giáo vụ sau đại học khoa, ủy viên thư kí.

- Thành phần:

+ ThS. Đặng Văn Minh, chuyên viên Trung tâm GDYH-NCKH, ủy viên.

+ Cùng toàn thể cán bộ khoa tham dự.

2. Nội dung cuộc họp:

- TS. Trần Thị An Huy phổ biến nội dung buổi họp thống nhất thiết kế đề cương chi tiết học phần trong chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt.

- ThS. Đặng Văn Minh hướng dẫn về xây dựng đề cương chi tiết học phần gồm có 8 phần như sau:

+ Phần 1: thông tin chung về học phần

+ Phần 2: Mô tả học phần

+ Phần 3: Lượng giá, đánh giá học phần

+ Phần 4: Nội dung giảng dạy

+ Phần 5: Tài liệu dạy – học

+ Phần 6: Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy

+ Phần 7: Cơ sở vật chất

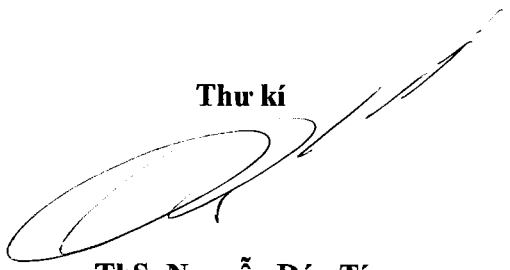
+ Phần 8: Ngày phê duyệt

- TS. Phạm Thanh Hải trình bày các nội dung chi tiết trong từng phần của đề cương.
Thầy yêu cầu các học phần trong chương trình đào tạo thực hiện đúng theo form mà thầy Minh đã nêu ở trên.

- Các cán bộ tham dự hoàn toàn nhất trí với các nội dung đã nêu.

Cuộc họp kết thúc lúc 15h cùng ngày.

Thư kí



ThS. Nguyễn Đức Tín

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2022

Chủ tọa



TS. Trần Thị An Huy

PHỤ LỤC 1

MẪU 1

Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm xã hội	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp (trong vòng 5 năm trở lại)		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Xuân Thực, 25/07/1974	013030754, Việt Nam	Phó giao sư, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	Nha khoa	02/8/2024	x	0108080044	6	0	16	
2	Phạm Hoàng Tuấn, 14/11/1966	031066001874, Việt Nam	Phó Giáo sư, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2007	Răng Hàm Mặt	31/07/2024	x	0396063375	6	1	4	
3	Trần Thị An Huy, 13/12/1971	030940505, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Răng Hàm Mặt	01/11/2010	x	0303003422	12	0	11	
4	Phạm Thanh Hải, 07/05/1984	03108084013, Việt Nam		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2016	Nha khoa	13/10/2009	x	3109672785	13	1	4	

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm xã hội	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp (trong vòng 5 năm trở lại)		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
5	Nguyễn Thị Thu Hà, 16/08/1989	031650398, Việt Nam		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2020	Nha khoa	x	01/10/2013	3113007245	9	1	0	
6	Nguyễn Thị Phương Anh, 24/09/1969	001169013269, Việt Nam		BSCKII , Việt Nam, 2021	Răng Hàm Mặt	01/12/2001	x	0296383182	21	0	12	
7	Đông Thị Mai Hương, 1979	031038855, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Răng Hàm Mặt	01/05/2004	x	0305013246	18	0	17	
8	Nguyễn Minh Tuấn, 11/11/1981	031081005789, Việt Nam		BSCKII , Việt Nam, 2021	Răng Hàm Mặt	10/10/2007	x	0307010006	16	0	7	
9	Đoàn Trung Hiếu, 08/08/1982	031115839, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Răng Hàm Mặt	1/10/2008	x	3108050624	14	0	4	
10	Nguyễn Thị Ninh, 24/08/1978	031821684, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Răng Hàm Mặt	01/10/2012	x	0304007381	10	0	4	

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghề nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo vấn bằng tốt nghề nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm xã hội	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp (trong vòng 5 năm trở lại)		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
12	Phạm Thị Hồng Thùy, 06/01/1983	033183002033, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Răng Hàm Mặt	01/09/2014	x	3109070188	8	0	4	
13	Lương Xuân Quỳnh, 16/10/1984	030084009249 Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Răng Hàm Mặt	13/10/2009	x	3109672784	13	0	5	
14	Nguyễn Đức Tín, 20/10/1986	031086000490, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Răng Hàm Mặt	1/11/2011	x	3111013369	11	0	5	
15	Vũ Thị Xuân, 22/06/1985	030185001797, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Răng Hàm Mặt	1/10/2012	x	3112013036	10	1	1	
16	Đỗ Quốc Uy, 21/09/1985	031085002271, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Răng Hàm Mặt	1/11/2010	x	3110013330	12	0	2	
17	Nguyễn Tiến Đức, 24/10/1990	030090003987, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2019	Răng Hàm Mặt	x 1/11/2020	15/09/2014	3114049143	8	0	2	

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm xã hội	Kinh nghiem (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp (trong vòng 5 năm trở lại)		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
18	Lê Thị Thùy Ly, 02/10/1990	03190002511, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2022	Răng Hàm Mặt	x	15/09/2014	3114049144	8	0	1	
19	Nguyễn Thị Ngọc Bích, 20/12/1993	01719300122, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2021	Tạo hình, thăm mỹ	x	01/11/2017	1720077483	5	0	4	
20	Trịnh Thị Thùy, 1980	031878066, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Xã hội học	02/01/2004	x	0304014708	18	0	13	
21	Lại Thị Mai, 1993	031193010426, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Xã hội học	x	04/01/2018		4	0	2	
22	Phạm Minh Khuê, 13/03/1978	031084013037, Việt Nam	Giáo sư, năm 2022	Tiến sĩ, Pháp, 2005	Vệ sinh dịch tễ	20/02/2008	x		13	2	4	
23	Phạm Thành Nguyễn, 24/08/1973	031073004269, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2022	Y học	15/11/2009	x	03040114715				
24	Nguyễn Bảo Trần, 1973	031491985, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Y học	09/11/2004	x	0303005634				

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm xã hội	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp (trong vòng 5 năm trở lại)		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
25	Phạm Thanh Hải, 27/02/1990	031541911, Việt Nam		Tiến sĩ, Nhật Bản	Tai Mũi Họng	18/10/2015	01/04/2015		7	3	2	
26	Nguyễn Quang Đạo, 21/09/1980	031025739, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt Nam	Tai Mũi Họng	11/10/1999	13/10/2009		13	0	3	
27	Nguyễn Thị Phương Mai, 09/12/1973	030901840, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam	Hóa sinh	01/12/1997	x	0399115061	25	0	8	
28	Đào Thu Hồng, 10/06/1976	030982561, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Y học chức năng	11/12/2004	x			0	5	
29	Vũ Mạnh Tân, 20/06/1981	03207539, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Nội khoa	12/09/2005	x		16	1	10	
30	Nguyễn Thị Thu Thảo, 30/09/1986	001186031934, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Y tế công cộng	1/11/2010	x	3110013342	12	0	1	
31	Nguyễn Thanh Hải, 1987	145212283, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Y tế công cộng	1/10/2011	x	0302001236	11	0	1	
32	Trần Thanh Vân, 21/12/1973	031173002222, Việt Nam		Thạc sĩ, Việt	Công nghệ	01/12/1995	x		27	0	5	

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm xã hội	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp (trong vòng 5 năm trở lại)		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
				Nam, 2005	thông tin							
33	Võ Thị Thúy Hồng, 14/09/1971	025171000333, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Răng Hàm Mặt	x	08/04/2019	0102019420	3	1	3	
34	Đàm Văn Việt, 1975	013244794, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Răng Hàm Mặt	x	17/03/2019	0107093446	3	1	0	
35	Lê Ngọc Tuyền, 25/03/1974	02507400019, Việt Nam	Phó giáo sư, 2016	Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Răng Hàm Mặt	x	20/11/2019	0102019417	3	0	6	
36	Nguyễn Xuân Thực, 25/07/1974	001074043239, Việt Nam	PGS năm 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	Răng Hàm Mặt	x	02/04/2019	0108080044	3	0	7	
37	Phạm Thị Thu Hiền, 1982	001162022487, Việt Nam	PGS năm 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Răng Hàm Mặt	x	10/03/2019	0101049839	3	1	5	
38	Nguyễn Quang Bình, 30/10/1967	035067000425, Việt Nam	PGS năm 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Răng Hàm Mặt	x	29/03/2019		3	0	6	

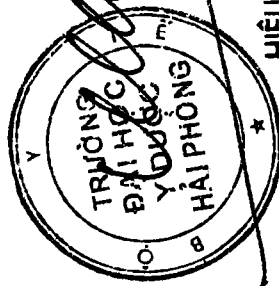
TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm xã hội	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp (trong vòng 5 năm trở lại)		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
39	Trịnh Thị Thái Hà, 11/01/1968	034168007578, Việt Nam	PGS năm 2013	Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Răng Hàm Mặt	x	29/11/2018	0100011150	4	0	3	
40	Trịnh Đình Hải, 16/09/1959	010423683, Việt Nam	GS năm 2015	Tiến sĩ, Việt Nam, 2001	Răng Hàm Mặt	x	19/04/2021		1	0	14	
41	Phạm Như Hải, 14/03/1968	030068000014, Việt Nam	PGS năm 2015	Tiến sĩ, Việt Nam, 2006	Răng Hàm Mặt	x	10/03/2019		3	0	3	
42	Lê Thị Thu Hải, 30/09/1975	037175000865, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	Răng Hàm Mặt	x	02/2020		2	0	7	
43	Nguyễn Thái Hòa, 09/12/1965	031015116, Việt Nam		BSCCKII , Việt Nam, 2021	Răng Hàm Mặt	x	20/02/2021		1	0		
44	Nguyễn Thị Yến, 07/01/1974			BSCCKII , Việt Nam, 2018	Răng Hàm Mặt	x	05/03/2020		2	0	1	
45	Phạm Đan Tâm, 05/08/1974			BSCCKII , Việt Nam, 2021	Răng Hàm Mặt	x	22/02/2021			0		

TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND/CCCD	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm xã hội	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp (trong vòng 5 năm trở lại)		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
46	Ngô Thị Hương Lan, 11/02/1975	024175000009, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Răng Hàm Mặt	x	01/03/2020	0109084348	2	0	4	
47	Phạm Thị Thu Hằng, 10/05/1971	012893343, Việt Nam		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Y học	x	03/05/2019		3	0	1	
48	Nguyễn Thế Hạnh, 19/05/1971			Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Y học		10/03/2019		3	0	7	

PHÒNG TỔ CHỨC – CÁN BỘ

WhuThauB
Đan Núi Tầm.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

MẪU 2A

Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

STT	Họ và tên	Học phần/Môn giảng dạy	Thời gian giảng dạy (Học kỳ, năm học)	Tín chỉ		Giảng viên cơ hữu/thỉnh giảng ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo /chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn	
1.	Nguyễn Xuân Thực	Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Học kỳ 2, năm thứ nhất	09	12	- Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. - Hướng dẫn luận văn, luận án
2.	Phạm Hoàng Tuấn	Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Học kỳ 2, năm thứ nhất	09	12	- Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. - Hướng dẫn luận văn, luận án
3.	Trần Thị An Huy	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	- Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. - Hướng dẫn luận văn, luận án
4.	Phạm Thanh Hải	Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2 Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	- Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. - Hướng dẫn luận văn, luận án

STT	Họ và tên	Học phần/Môn giảng dạy	Thời gian giảng dạy (Học kỳ, năm học)	Tín chỉ		Giảng viên cơ hữu/thỉnh giảng ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo /chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn	
5.	Nguyễn Thị Thu Hà	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
6.	Nguyễn Lê Thanh	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo. - Hướng dẫn luận văn, luận án
7.	Nguyễn Thị Phương Anh	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy.
8.	Đồng Thị Mai Hương	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	- Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy, thực hiện chương trình đào tạo. - Hướng dẫn luận văn, luận án
9.	Nguyễn Minh Tuấn	Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	Giảng viên cơ hữu ngành chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo.
10.	Đoàn Trung Hiếu	Nha khoa cơ sở	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
11.	Nguyễn Thị Ninh	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất	09	12	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy

STT	Họ và tên	Học phần/Môn giảng dạy	Thời gian giảng dạy (Học kỳ, năm học)	Tín chỉ		Giảng viên cơ hữu/thỉnh giảng ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo /chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn	
			Học kỳ 1, năm thứ 2			
12.	Phạm Thị Hồng Thùy	Răng trẻ em – Nha cộng đồng – Chỉnh hình răng mặt	Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
13.	Lương Xuân Quỳnh	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	Giảng viên giảng dạy thực hành/ lâm sàng
14.	Nguyễn Đức Tín	Nha khoa cơ sở	Học kỳ 1, năm thứ nhất Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	02		Giảng viên giảng dạy thực hành/ lâm sàng
15.	Vũ Thị Xuân	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	Giảng viên giảng dạy thực hành/ lâm sàng
16.	Đỗ Quốc Uy	Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	Giảng viên giảng dạy thực hành/ lâm sàng
17.	Nguyễn Tiến Đức	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	Giảng viên giảng dạy thực hành/ lâm sàng

STT	Họ và tên	Học phần/Môn giảng dạy	Thời gian giảng dạy (Học kỳ, năm học)	Tín chỉ		Giảng viên cơ hữu/thỉnh giảng ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo /chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn	
18.	Lê Thị Thùy Ly	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	Giảng viên giảng dạy thực hành/ lâm sàng
19.	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Răng trẻ em – Nha cộng đồng – Chỉnh hình răng mặt	Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy thực hành/ lâm sàng.
20.	Trình Thị Thủy	Triết học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
21.	Lại Thị Mai	Triết học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	03		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
22.	Vũ Văn Sán	Tai Mũi Họng	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy

STT	Họ và tên	Học phần/Môn giảng dạy	Thời gian giảng dạy (Học kỳ, năm học)	Tín chỉ		Giảng viên cơ hữu/thỉnh giảng ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo /chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn	
23.	Phạm Minh Khuê	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
24.	Nguyễn Thị Phương Mai	Phương pháp dạy – học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
25.	Đào Thu Hồng	Phương pháp dạy – học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
26.	Vũ Mạnh Tân	Phương pháp dạy – học	Phương pháp dạy – học	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy
27.	Kê Thị Lan Anh	Phương pháp dạy – học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
28.	Nguyễn Thị Thanh Bình	Phương pháp dạy – học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
29.	Nguyễn Thị Thu Thảo	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy

STT	Họ và tên	Học phần/Môn giảng dạy	Thời gian giảng dạy (Học kỳ, năm học)	Tín chỉ		Giảng viên cơ hữu/thỉnh giảng ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo /chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn	
30.	Nguyễn Thanh Hải	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
31.	Hoàng Đức Hạ	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
32.	Nguyễn Thị Thu Phương	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
33.	Ngô Thị Quỳnh Mai	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
34.	Đinh Dương Tùng Anh	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
35.	Phạm Thị Vân Anh	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
36.	Phạm Thành Nguyên	Giải phẫu đầu mặt cổ	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
37.	Nguyễn Bảo Trân	Giải phẫu đầu mặt cổ	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02		Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy

STT	Họ và tên	Học phần/Môn giảng dạy	Thời gian giảng dạy (Học kỳ, năm học)	Tín chỉ		Giảng viên cơ hữu/thỉnh giảng ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo /chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn	
38.	Trần Thanh Vân	Tin học ứng dụng	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02	Tin học ứng dụng	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
39.	Nguyễn Thị Châm	Tin học ứng dụng	Học kỳ 1, năm thứ nhất	02	Tin học ứng dụng	Giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp giảng dạy
40.	Võ Thị Thúy Hồng	Răng trẻ em – Nha cộng đồng – Chính hình răng mặt	Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy. - Hướng dẫn luận văn, luận án.
41.	Trịnh Đình Hải	Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Học kỳ 2, năm thứ nhất và học kỳ 1 năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy. - Hướng dẫn luận văn, luận án.
42.	Đàm Văn Việt	Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Học kỳ 2, năm thứ nhất và học kỳ 1 năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy. - Hướng dẫn luận văn, luận án.

STT	Họ và tên	Học phần/Môn giảng dạy	Thời gian giảng dạy (Học kỳ, năm học)	Tín chỉ		Giảng viên cơ hữu/thỉnh giảng ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo /chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn	
43.	Lê Ngọc Tuyền	Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Học kỳ 2, năm thứ nhất và học kỳ 1 năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy. - Hướng dẫn luận văn, luận án.
44.	Nguyễn Xuân Thực	Răng trẻ em – Nha cộng đồng – Chỉnh hình răng mặt	Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy. - Hướng dẫn luận văn, luận án.
45.	Phạm Thị Thu Hiền	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy. - Hướng dẫn luận văn, luận án.
46.	Nguyễn Quang Bình	Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Học kỳ 2, năm thứ nhất và học kỳ 1 năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy. - Hướng dẫn luận văn, luận án.
47.	Trịnh Thị Thái Hà	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy. - Hướng dẫn luận văn, luận án.

STT	Họ và tên	Học phần/Môn giảng dạy	Thời gian giảng dạy (Học kỳ, năm học)	Tín chỉ		Giảng viên cơ hữu/thỉnh giảng ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo /chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn	
48.	Phạm Đan Tâm	Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Học kỳ 2, năm thứ nhất và học kỳ 1 năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy. - Hướng dẫn luận văn, luận án.
49.	Phạm Như Hải	Răng trẻ em – Nha cộng đồng – Chính hình răng mặt	Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy. - Hướng dẫn luận văn, luận án.
50.	Lê Thị Thu Hải	Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Học kỳ 2, năm thứ nhất và học kỳ 1 năm thứ 2	09	12	Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy
		Răng trẻ em – Nha cộng đồng – Chính hình răng mặt	Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	
51.	Nguyễn Thái Hòa	Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Học kỳ 2, năm thứ nhất và học kỳ 1 năm thứ 2	09	12	Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy
52.	Nguyễn Thị Yến	Phẫu thuật trong miệng – Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mặt	Học kỳ 2, năm thứ nhất và học kỳ 1 năm thứ 2	09	12	Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy

STT	Họ và tên	Học phần/Môn giảng dạy	Thời gian giảng dạy (Học kỳ, năm học)	Tín chỉ		Giảng viên cơ hữu/thỉnh giảng ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo /chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc	Tự chọn	
53.	Ngô Thị Hương Lan	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy. - Hướng dẫn luận văn, luận án.
54.	Phạm Thị Thu Hằng	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy. - Hướng dẫn luận văn, luận án.
55.	Nguyễn Thế Hạnh	Nội nha – Nha chu – Phục hình	Học kỳ 2, năm thứ nhất Học kỳ 1, năm thứ 2	09	12	- Giảng viên thỉnh giảng có chuyên môn phù hợp giảng dạy. - Hướng dẫn luận văn, luận án.



MẪU 2B

giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Phân bố học phần/môn học theo học kỳ

STT	Tên học phần/môn học	Mã số	Phân bố khối lượng học phần theo học kỳ				Giảng viên phụ trách (dự kiến)
			I	II	III	IV	
Phần kiến thức chung: 09 tín chỉ							
1	Triết học	TH	3				TS. Trịnh Thị Thủy
2	Phương pháp dạy học	PPDH	2				TS. Nguyễn Thị Phương Mai TS. Vũ Mạnh Tân
3	Tin học ứng dụng	THUD	2				ThS. Trần Thanh Vân
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	PPNCKH	2				GS. Phạm Minh Khuê TS. Nguyễn Thị Thu Thảo
Phần kiến thức cơ sở ngành – chuyên ngành (bắt buộc): 06 tín chỉ							
5	Giải phẫu đầu mặt cổ	GPĐMC	2				TS. Nguyễn Bảo Trân TS. Phạm Thành Nguyên
6	Tai mũi họng	TMH	2				PGS. Vũ Văn Sản
7	Nha khoa cơ sở	NKCS	2				TS. Phạm Thanh Hải BSCK II. Đoàn Trung Hiếu
Phần kiến thức chuyên ngành (bắt buộc): 27 tín chỉ							
8	Nội nha - Nha chu - Phục hình	CCCN1		09			TS. Trần Thị An Huy TS. Nguyễn Thị Thu Hà
9	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng và phẫu	CCCN2		07	02		PGS. Phạm Hoàng Tuấn TS. Phạm Thanh Hải

STT	Tên học phần/môn học	Mã số	Phân bố khối lượng học phần theo học kỳ				Giảng viên phụ trách (dự kiến)
	thuật hàm mắt						
10	Răng trẻ em - Nha cộng đồng - Chính hình răng mặt	CCCN3			09		PGS Nguyễn Xuân Thực TS. Phạm Thị Hồng Thùy
Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn (chọn 1 trong 3 học phần): 12 tín chỉ							
11	Nội nha - Nha chu - Phục hình	CCTC1					TS. Trần Thị An Huy TS. Đồng Thị Mai Hương
12	Phẫu thuật trong miệng - Bệnh lý miệng và phẫu thuật hàm mắt	CCTC2			05	07	PGS. Phạm Hoàng Tuấn TS. Phạm Thanh Hải
13	Răng trẻ em – Nha cộng đồng - Chính hình răng mặt	CCTC3					PGS Nguyễn Xuân Thực TS. Phạm Thị Hồng Thùy
						09	PGS Nguyễn Xuân Thực TS. Trần Thị An Huy PGS. Phạm Hoàng Tuấn TS. Phạm Thanh Hải TS. Đồng Thị Mai Hương TS. Phạm Thị Hồng Thùy TS. Nguyễn Thị Thu Hà
	Luận văn						
TỔNG CỘNG TÍN CHỈ		63	15	16	16	16	

Trường ĐHY Dược Hải Phòng
TL. HIỆU TRƯỞNG

Khoa Răng Hàm Mặt



TS. Trần Thị An Huy

MẪU 3

Danh sách cán bộ quản lý cấp Khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

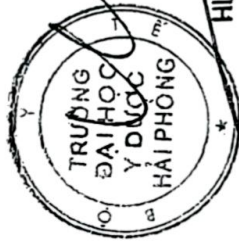
STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành
1	<i>Nguyễn Xuân Thực, 25/07/1974</i> Chủ trì mã ngành đào tạo Phó trưởng BM Phẫu thuật trong miệng và Nha chu, Khoa Răng Hàm Mặt – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Phó giáo sư 2018	Răng Hàm Mặt
2	<i>Phạm Hoàng Tuấn, 14/11/1966</i> Phó trưởng bộ môn Phẫu thuật hàm mặt và Bệnh học miệng, Khoa Răng Hàm Mặt - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Phó giáo sư 2018	Răng Hàm Mặt
3	<i>Trần Thị An Huy, 13/12/1971</i> Trưởng khoa Răng Hàm Mặt, Trưởng BM Chữa răng và nội nha – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2018, Đại học Y Hà Nội.	Răng Hàm Mặt
4	<i>Phạm Thanh Hải, 07/05/1984</i> Phó trưởng khoa Răng Hàm Mặt, Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2016, Đại học Okayama, Nhật Bản	Nha khoa
5	<i>Đông Thị Mai Hương, 16/01/1979</i> Trưởng BM Phẫu thuật trong miệng và nha chu, Khoa Răng Hàm Mặt – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2022, Đại học Y Hà Nội	Răng Hàm Mặt
6	<i>Phạm Thị Hồng Thùy</i> Phó Trưởng BM Nha khoa Dự phòng và Phát triển, Khoa Răng Hàm Mặt – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ năm 2023, Viện nghiên cứu Y được lâm sàng 108	Răng Hàm Mặt
7	<i>Nguyễn Minh Tuấn, 11/11/1981</i>	BSCCKII năm 2021, Đại học Y Dược Hải Phòng	Răng Hàm Mặt

STT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành
	Trưởng BM Phẫu thuật hàm mặt và Bệnh học miệng, Khoa Răng Hàm Mặt – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng		
8	<i>Đoàn Trung Hiếu 8/8/1982</i> Phó trưởng phụ trách BM Nha khoa cơ sở và X quang răng, Khoa Răng Hàm Mặt – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	BSCKII năm 2022, Học viện Quân Y	Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ
9	<i>Lê Tiến Thành 1989</i> Phó trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Thạc sĩ năm, Đại học Y Dược Hải Phòng	Y tế công cộng
10	<i>Nguyễn Thị Tuyết 1977</i> Chuyên viên chính, giáo viên chủ nhiệm phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng	BSCKII năm 2022, Đại học Y Dược Hải Phòng	Quản lý y tế

PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

HIỆU TRƯỞNG

Whithoues
Đoàn Văn Thụ



[Handwritten signature]

HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Hải*

MẪU 4

Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (Kèm theo bảng liệt kê có bản sao quyết định; bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
1.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Nhận xét thực trạng bệnh sâu răng theo chỉ số BMI ở học sinh trường THCS Thủy Đường, Thủy Nguyên, Hải Phòng năm 2021	ThS. Nguyễn Thị Ninh	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá
2.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Kết quả bảo tồn xương ổ răng của ghép khối Fibrin giàu tiểu cầu (PRF) sau nhổ răng số 8 hàm dưới tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2021	TS. Phạm Thanh Hải	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
3.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Khảo sát số lượng và hình thái ống tủy răng hàm lớn vĩnh viễn hàm trên trên phim CTCB tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2021	TS. Vũ Quang Hưng	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá
4.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Khảo sát số lượng và hình thái ống tủy răng hàm lớn vĩnh viễn hàm dưới trên phim CTCB tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2021	TS. Trần Thị An Huy	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HDKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
5.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Nhận xét đặc điểm lâm sàng, Xquang và kết quả điều trị phẫu thuật viêm quanh răng mạn tính tại Khoa Nha chu Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội	ThS. Đồng Thị Mai Hương	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá
6.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu một số yếu tố nguy cơ của sâu răng hàm lớn thứ nhất ở học sinh trường tiểu học Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải, Hải Phòng năm 2021	ThS. Đoàn Trung Hiếu	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiên cứu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
7.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Khảo sát lâm sàng và điều trị phẫu thuật bảo tồn thần kinh VII của u hỗn hợp tuyến nước bọt mang tai tại Khoa Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Hữu nghị Việt-Tiệp Hải Phòng năm 2018 - 2019	BS CKII. Nguyễn Minh Tuấn	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá
8.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Kết quả điều trị viêm tủy không hồi phục có sử dụng Gutta Flow 2 trên răng hàm lớn vĩnh viễn thứ nhất hàm dưới	ThS. Nguyễn Tiến Đức	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
9.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Đánh giá kết quả phục hình mắt răng đơn lẻ trên hệ thống Implant Neodent tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2020 - 2021	ThS. Nguyễn Đức Tín	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá
10.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Thực trạng bệnh sâu răng và một số yếu tố liên quan ở sinh viên Răng Hàm Mặt năm thứ nhất trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2019 - 2020	ThS. Lương Xuân Quỳnh	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
11.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Xác định tỉ lệ tiền tiểu đường và tăng huyết áp trên đối tượng người lớn tuổi trung niên (40-60 tuổi) thừa cân khám ngoại trú tại khoa Khám bệnh - Bệnh viện ĐHY Hải Phòng	Ths. Vũ Thị Hồng	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá
12.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Bước đầu đánh giá tình trạng gan nhiễm mỡ của bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại bệnh viện đại học Y Hải Phòng	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiên cứu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
13.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và hậu quả tâm thần ở bệnh nhân đột quỵ não cấp tại bệnh viện Hữu Nghị Việt - Tiệp, Hải Phòng	TS. Vũ Mạnh Tân	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá
14.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm siêu âm tim ở bệnh nhân suy thận mạn tại bệnh viện Đại học y Hải Phòng năm 2021	TS. Đào Thu Hồng	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiên cứu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
15.	Số 1765/QĐ-YDHP, 09/12/2020	Đề tài cấp cơ sở	Dấu hiệu rối loạn giấc ngủ và một số yếu tố liên quan trên đối tượng đến khám tại bệnh viện đại học Y Hải Phòng năm 2021	TS. Nguyễn Thị Thu Thảo	Số 324/QĐ-YDHP	09/03/2021	Khá
16.	Số 360/QĐ-YDHP, 31/03/2020	Đề tài cấp cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị tủy nhóm răng hàm nhỏ bằng phương pháp hàn kín hệ thống ống tủy với Gutta Flow Bioseal	TS. Vũ Quang Hưng	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Xuất sắc
17.	Số 360/QĐ-YDHP, 31/03/2020	Đề tài cấp cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị nội nha lại có sử dụng hệ thống EQ-V trong trám bít ống tủy tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2020	TS. Trần Thị An Huy	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Xuất sắc

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
18.	Số 360/QĐ-YDHP, 31/03/2020	Đề tài cấp cơ sở	Nhận xét hiệu quả lãnh thương của ghép màng huyết tương giàu tiểu cầu sau nhổ răng 8 hàm dưới tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2020	TS. Phạm Thanh Hải	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá
19.	Số 360/QĐ-YDHP, 31/03/2020	Đề tài cấp cơ sở	Tình trạng mất răng, nhu cầu điều trị và yêu cầu điều trị phục hình ở người cao tuổi tại khoa Răng Hàm Mất tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2019	TS. Đồng Thị Mai Hương	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá
20.	Số 360/QĐ-YDHP,	Đề tài cấp cơ sở	Khảo sát vị trí răng hàm lớn thứ ba hàm dưới so với răng hàm lớn thứ	BSCKII. Nguyễn	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
	31/03/2020	sở	hai hàm dưới trên phim CTGB tại bệnh viện Đại Học Y Hải phòng	Thị Phương Anh			
21.	Số 360/QĐ-YDHP, 31/03/2020	Đề tài cấp cơ sở	Đặc điểm hình thái và hướng điều trị gãy xương gò má cung tiếp tại khoa Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp Hải Phòng năm 2019	BSCKII. Nguyễn Minh Tuấn	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá
22.	Số 360/QĐ-YDHP, 31/03/2020	Đề tài cấp cơ sở	Nhận xét kết quả điều trị cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng	ThS. Đoàn Trung Hiếu	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá
23.	Số 360/QĐ-	Đề tài	So sánh hiệu quả tạo hình ông tủy	ThS.	Số 154/QĐ –	20/01/2021	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
	YDHP, 31/03/2020	cấp cơ sở	răng khô vôi viên trên răng cửa và răng nanh giữa trám Protaper máy và trám tay Dentsply	Nguyễn Thị Ninh	YDHP		
24.	Số 360/QĐ-YDHP, 31/03/2020	Đề tài cấp cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị mòn cổ răng bằng GC Fuji II tại khoa Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Đại học Y Hải	ThS. Nguyễn Đức Tín	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá
25.	Số 360/QĐ-YDHP, 31/03/2020	Đề tài cấp cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến cơn tăng huyết áp ở bệnh nhân tăng huyết áp cấp cứu tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiếp	Vũ Mạnh Tân	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiên cứu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
26.	Số 360/QĐ-YDHP, 31/03/2020	Đề tài cấp cơ sở	Đặc điểm siêu âm và thang điểm HPSS, QOL ở bệnh nhân 40 - 80 tuổi phải đại tuyến tiền liệt khám tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2020	Đào Thu Hồng	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá
27.	Số 360/QĐ-YDHP, 31/03/2020	Đề tài cấp cơ sở	Hình ảnh siêu âm gan, hoạt độ AST, ALT, GGT huyết thanh của một số bệnh nhân mắc rối loạn Lipid máu tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2020	Nguyễn Thị Phương Mai	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá
28.	Số 360/QĐ-YDHP,	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu một số mô hình đảm bảo an ninh cơ sở dữ liệu và đề	Trần Thanh Vân	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
	31/03/2020	sở	xuất ứng dụng vào Website				
29.	Số 360/QĐ-YDHP, 31/03/2020	Đề tài cấp cơ sở	Kiến thức và thực hành theo dõi phản ứng sau tiêm chủng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi và một số yếu tố liên quan tại Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng năm 2020	Nguyễn Quang Đức	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá
30.	Số 360/QĐ-YDHP, 31/03/2020	Đề tài cấp cơ sở	Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến nghiện Internet ở học sinh một trường THPT tại Hải Phòng	Nguyễn Thị Thu Thảo	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá
31.	Số 360/QĐ-YDHP,	Đề tài cấp cơ sở	Thực trạng kiến thức, thực hành phòng chống bệnh sốt xuất huyết	Hoàng Hoa Lê	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
	31/03/2020	sở	dengue và một số yếu tố liên quan của người dân phường Đằng Giang, Ngô Quyền, Hải Phòng				
32.	Số 360/QĐ-YDHP, 31/03/2020	Đề tài cấp cơ sở	Nhận xét vai trò của chọc hút kim nhỏ dưới hướng dẫn của siêu âm trong bệnh lý bướu giáp nhân tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hải Phòng năm 2018 - 2019	Hoàng Đức Hạ	Số 154/QĐ – YDHP	20/01/2021	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
33.	Số 210/QĐ-YDHP, 01/03/2019	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu hình thái chân răng của răng hàm lớn thứ nhất, thứ hai hàm trên đã nhổ tại khoa Răng Hàm Mặt, trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2018	Đồng Thị Mai Hương	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Khá
34.	Số 210/QĐ-YDHP, 01/03/2019	Đề tài cấp cơ sở	Đánh giá kết quả điều trị bảo tồn răng vĩnh viễn bột khởi huyệt ở răng sau chấn thương	Đỗ Quốc Uy	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Khá
35.	Số 210/QĐ-	Đề tài	Nhận xét kết quả điều trị bước đầu	Vũ Quang	Số 1503/QĐ-	29/11/2019	Xuất sắc

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
	YDHP, 01/03/2019	cấp cơ sở	viêm quanh cuống mạn tính có sử dụng Mineral Trioxysde Aggregate tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2018 - 2019	Hưng	YDHP		
36.	Số 210/QĐ-YDHP, 01/03/2019	Đề tài cấp cơ sở	Nhận xét đặc điểm lâm sàng, Xquang của bệnh nhân điều trị nội nha thất bại đến khám tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2018 - 2019	Trần Thị An Huy	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Xuất sắc
37.	Số 210/QĐ-YDHP, 01/03/2019	Đề tài cấp cơ sở	Thực trạng sâu răng hàm lớn thứ nhất và một số yếu tố liên quan ở học sinh trường Tiểu học An Lư,	Nguyễn Thị Ninh	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
			huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng				
38.	Số 210/QĐ-YDHP, 01/03/2019	Đề tài cấp cơ sở	Tổng quan vai trò của các yếu tố tiền viêm trên các tế bào gốc dòng răng trong quá trình lành thương	TS. Phạm Thanh Hải	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Khá
39.			So sánh hiệu quả điều trị của TNFalpha đối với hình thái của tế bào gốc của tế bào tủy răng, tế bào dây chằng nha chu, tế bào đệm tủy sống	TS. Phạm Thanh Hải	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Xuất sắc
40.	Số 210/QĐ-YDHP,	Đề tài cấp cơ	Nhận xét hiệu quả của đánh lún răng cửa dưới bằng minivis trong	Ths. Lê Thị Thùy Ly	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
	01/03/2019	sở	trong việc điều trị sai khớp cắn loại II tại đại học Okayama				
41.	Số 210/QĐ-YDHP, 01/03/2019	Đề tài cấp cơ sở	Thực trạng bệnh sâu răng, viêm lợi và một số yếu tố liên quan của học sinh trường tiểu học Xuân Đám, Đảo Cát Bà, Hải Phòng năm 2019	Ths. Lương Xuân Quỳnh	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Khá
42.	Số 210/QĐ-YDHP, 01/03/2019	Đề tài cấp cơ sở	Xây dựng môi trường văn hóa học đường trong trường Đại học Y Dược Hải Phòng	Ths. Trịnh Thị Thủy	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Khá
43.	Số 210/QĐ-YDHP,	Đề tài cấp cơ sở	Xây dựng và đánh giá kết quả học tập của việc sử dụng bộ lượng giá	Ths. Phạm Thị Vân	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Xuất sắc

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiên cứu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
	01/03/2019	sở	lâm sàng Mini-CEX trong dạy học cho sinh viên Y5 tại bộ môn Truyền Nhiễm- ĐH YDHP năm học 2018-2019	Anh			
44.	Số 210/QĐ-YDHP, 01/03/2019	Đề tài cấp cơ sở	Đánh giá hình thái chức năng tim bằng siêu âm trên bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại bệnh viện đại học Y Hải Phòng	TS. Đào Thu Hồng	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Khá
45.	Số 210/QĐ-YDHP, 01/03/2019	Đề tài cấp cơ sở	Nghên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và đặc điểm vi khuẩn học của bệnh nhân nhiễm khuẩn tiết niệu tại khoa nội 3 bệnh viện hữu	Ths. Kê Thị Lan Anh	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
			ngợi Việt Tiệp Hải Phòng				
46.	Số 210/QĐ-YDHP, 01/03/2019	Đề tài cấp cơ sở	Bước đầu đánh giá kết quả điều trị rối loạn nhịp tim bằng năng lượng sóng có tần số Radio tại bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp HP	Ts. Vũ Mạnh Tân	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Khá
47.	Số 210/QĐ-YDHP, 01/03/2019	Đề tài cấp cơ sở	Kết quả học tập môn Hóa-Sinh của sinh viên Y khoa theo hệ tín chỉ và năng lực năm nhất tại trường ĐHY Dược Hải Phòng năm 2018	Ths. Nguyễn Thị Phương Mai	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Khá
48.	Số 210/QĐ-YDHP,	Đề tài cấp cơ sở	Thực trạng nghiệm internet và một số yếu tố liên quan của sinh viên Y	TS. Nguyễn	Số 1503/QĐ-YDHP	29/11/2019	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
	01/03/2019	sở	Đa khoa trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2019	Thị Thu Thảo			
49.	Số 347/QĐ-YDHP, 11/04/2018	Đề tài cấp cơ sở	Thực trạng sâu răng hàm lớn thứ nhất và một số yếu tố liên quan ở học sinh 9 – 11 tuổi trường tiểu học Chu Văn An, Cát Bà, Hải Phòng năm 2018	Lương Xuân Quỳnh	Số 145/QĐ-YDHP	18/02/2019	Khá
50.	Số 347/QĐ-YDHP, 11/04/2018	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm hình thái lâm sàng, X-quang, CTCB và kết quả điều trị nang quanh cuống tại khoa Răng hàm mặt, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2018	Đỗ Quốc Uy	Số 145/QĐ-YDHP	18/02/2019	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiên cứu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
51.	Số 347/QĐ-YDHP, 11/04/2018	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu hình thái chân răng của răng hàm lớn thứ nhất, thứ hai hàm trên đă nhỏ tại khoa Răng Hàm Mặt, trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2017	Đồng Thị Mai Hương	Số 145/QĐ-YDHP	18/02/2019	Khá
52.	Số 347/QĐ-YDHP, 11/04/2018	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm hình thái của lỗ cằm và quai trước thần kinh cằm trên bệnh nhân khoa Răng Hàm mặt, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2017	Nguyễn Đức Tín	Số 145/QĐ-YDHP	18/02/2019	Khá
53.	Số 347/QĐ-YDHP,	Đề tài cấp cơ	Nhận xét khoảng cách giữa các chân răng hàm trên, hàm dưới bằng	Phạm Thị Hồng Thùy	Số 145/QĐ-YDHP	18/02/2019	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
	11/04/2018	sở	phim CTCB tại khoa Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2018				
54.	Số 347/QĐ-YDHP, 11/04/2018	Đề tài cấp cơ sở	Nhận xét về một bệnh nhân bị viêm nội tâm mạc do Enterococcus casseliflavus	Vũ Mạnh Tân	Số 145/QĐ-YDHP	18/02/2019	Khá
55.	Số 347/QĐ-YDHP, 11/04/2018	Đề tài cấp cơ sở	Biến thể E6, E7 của Human Papillomavirus 16 trên bệnh nhân ung thư âm hộ tại bệnh viện K Trung ương	Nguyễn Thị Phương Mai	Số 145/QĐ-YDHP	18/02/2019	Khá
56.	Số 347/QĐ-	Đề tài	Đánh giá hình thái, chức năng thất	Đào Thu	Số 145/QĐ-	18/02/2019	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiên cứu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
	YDHP, 11/04/2018	cấp cơ sở	trái bằng siêu âm tim và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân đái tháo đường Typ 2 tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	Hồng	YDHP		
57.	Số 01/TB-YDHP, ngày 06/01/2017	Đề tài cấp cơ sở	Đặc điểm lâm sàng, X-quang và kết quả phẫu thuật nhổ răng khôn hàm dưới lệch ngàm tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2017	Đoàn Trung Hiếu	Số 444/QĐ-YDHP	05/05/2017	Đạt
58.	Số 01/TB-YDHP, ngày 06/01/2017	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu hình thái răng cửa giữa hàm trên của sinh viên Y6 trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2017	Đồng Thị Mai Hương	Số 444/QĐ-YDHP	05/05/2017	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
59.	Số 01/TB-YDHP, ngày 06/01/2017	Đề tài cấp cơ sở	Thực trạng bệnh răng miệng ở học sinh trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, đảo Cát Bà, Hải Phòng năm 2017	Lương Xuân Quỳnh	Số 444/QĐ-YDHP	05/05/2017	Khá
60.	Số 01/TB-YDHP, ngày 06/01/2017	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu lâm sàng và hình thái tổn thương xương hàm mặt do tai nạn giao thông tại khoa Răng Hàm Mặt bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiếp và bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2017	Ths. Nguyễn Minh Tuấn	Số 444/QĐ-YDHP	05/05/2017	
61.	Số 01/TB-YDHP,	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu bệnh sâu răng ở người cao tuổi xã Thủy Đường, huyện	Nguyễn Thị Ninh	Số 444/QĐ-YDHP	05/05/2017	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
	ngày 06/01/2017	sở	Thủy Nguyễn, thành phố Hải Phòng năm 2017				
62.	Số 01/TB-YDHP, ngày 06/01/2017	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu hình thái hệ thống ống tủy răng 6.7 hàm trên trên phim Conebeam CT tại tại bệnh viện Đại Học Y Hải Phòng	Ths. Nguyễn Thị Phương Anh	Số 444/QĐ-YDHP	05/05/2017	
63.	Số 01/TB-YDHP, ngày 06/01/2017	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu đặc điểm khuôn mặt trên ảnh mặt nghiêng ở nhóm sinh viên Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2017	Phạm Thị Hồng Thùy	Số 444/QĐ-YDHP	05/05/2017	Khá
64.	Số 01/TB-	Đề tài	Đặc điểm về độ dày xương vò và	Vũ Quang	Số 444/QĐ-	05/05/2017	Khá

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
	YDHP, ngày 06/01/2017	cấp cơ sở	khoảng cách giữa các chân răng sau hàm trên khi cắm minivis chỉnh nha tại khoa Răng Hàm Mặt Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2017	Hưng	YDHP		
65.	Số 01/TB-YDHP, ngày 06/01/2017	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu điều trị nội nha bằng trạm xoay máy One Shape tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2017	Trần Thị An Huy	Số 444/QĐ-YDHP	05/05/2017	Khá
66.	Số 01/TB-YDHP, ngày 06/01/2017	Đề tài cấp cơ sở	Phân bố genotype của Human Papillomavirus ở bệnh nhân mắc ung thư âm hộ tại bệnh viện K trung ương	Ths. Nguyễn Thị Phương Mai	Số 444/QĐ-YDHP	05/05/2017	Khá

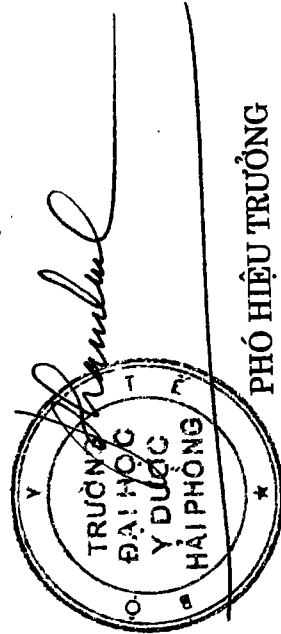
Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiên cứu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày
67	Số 01/TB-YDHP, ngày 06/01/2017	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu nguyên nhân và một số yếu tố liên quan đến kiểm soát tần số tim trên bệnh nhân suy tim mạn tính tại bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp năm 2017	TS. Vũ Mạnh Tân	Số 444/QĐ-YDHP	05/05/2017	Khá

Phòng Quản Lý Khoa học

CHL

PGS.TS.BS. Đặng Văn Chừ

Ban Giám hiệu



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Phạm Văn Linh

MẪU 5

Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo

(Kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1.	Nguyễn Xuân Thực (2023). “Kết quả điều trị phẫu thuật nang chân răng bằng phương pháp phẫu thuật PARTSCH II”, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp BSCK II năm 2023 tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng.	Có minh chứng
2.	Nguyễn Xuân Thực (2020). “Kết quả điều trị cấy ghép implant tức thì sau nhổ răng tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2020”, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp BSCK II năm 2020 tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng.	Có minh chứng
3.	Nguyễn Xuân Thực (2023). “Kết quả điều trị gãy xương hàm dưới vùng cằm bằng nẹp vít Titanium tại bệnh viện Hữu nghị Việt-Tiệp năm 2023”, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp BSCK II năm 2023 tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng.	Có minh chứng
4.	Nguyễn Xuân Thực (2023). “Kết quả điều trị phẫu thuật U đa hình tuyến mang tai có bảo tồn thần kinh VII tại bệnh viện Hữu nghị Việt-Tiệp năm 2023”, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp BSCK II năm 2023 tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng.	Có minh chứng

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
5.	Nguyễn Xuân Thực (2024). “Kết quả nhổ răng có chỉ định ở bệnh nhân tim mạch năm 2024”, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp BSCK II năm 2024 tại trường Đại học Y Dược Hải Phòng.	Có minh chứng
6.	Phạm Hoàng Tuấn (2023). “Đánh giá kết quả phẫu thuật điều trị lệch lạc khớp cắn loại III có hỗ trợ phần mềm 3D tại Bệnh viện Răng hàm mặt trung ương Hà Nội” Tạp chí Y học Việt Nam, số 1B, tr339-344	Có minh chứng
7.	Phạm Hoàng Tuấn (2017). “Kết quả điều trị kết hợp xương gò má cung tiếp bàng nẹp vis tự tiêu”, Tạp chí Y học Thực hành, 1053(8), tr5-7	Có minh chứng
8.	Phạm Hoàng Tuấn (2022). “Kết quả phẫu thuật nâng chân răng có ghép xương nhân tạo kết hợp huyết tương giàu tiểu cầu”, Tạp chí Y học Việt Nam, tập 518, số 2 tháng 9, tr271-275	Có minh chứng
9.	Phạm Hoàng Tuấn (2024). “Kết quả phẫu thuật kết hợp xương gây góc hàm dưới bằng nẹp vít tại Bệnh viện Răng hàm mặt trung ương Hà Nội năm 2022-2023”, Tạp chí Y học Việt Nam, tập 534, số 1 tháng 1, tr23-28	Có minh chứng
10.	Phạm Hoàng Tuấn (2017). “Kết quả điều trị u tuyến dưới hàm tại bệnh viện Răng hàm mặt trung ương Hà Nội”, Tạp chí Y học Thực hành, 1053(8), tr41-43	Có minh chứng
11.	Phạm Thanh Hải (2021). “Tryptophan and Kynurenine enhances the stemness and osteogenic differentiation of bone marrow-derived mesenchymal stromal cells in vitro and in vivo”, Materials, 2021 Jan 4; 14(1)	Có minh chứng

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
12.	Phạm Thanh Hải (2020). “Collagen <i>Via2</i> chain deficiency causes trabecular bone loss by potentially promoting osteoclast differentiation through enhanced TNF α signaling”. <i>Scientific report</i> , 10, Article number: 13749 (2020)	Có minh chứng
13.	Phạm Thanh Hải (2019). “Acidic pre-conditioning enhances the stem cell phenotype of human bone marrow stem/progenitor cells”, <i>International journal Molecular Science</i> , 20(5): 1097.	Có minh chứng
14.	Phạm Thanh Hải (2022). “So sánh kết quả phục hình chụp răng Zirconia lấy dấu răng bằng Silicon và Scan trong miệng tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2021, <i>Y học dự phòng</i> , 32, 5,175-182”	Có minh chứng
15.	Phạm Thanh Hải (2018), “Một số yếu tố liên quan đến kết quả điều trị phục hình mất răng đơn lẻ trên Implant tại bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2019 – 2020, 32, 5,50-58”	Có minh chứng
16.	Phạm Thanh Hải (2022). “Kết quả điều trị cấy ghép implant tức thì sau nhổ răng tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2020, <i>Y học dự phòng</i> , 32, 1,379-386”	Có minh chứng
17.	Phạm Thanh Hải (2022). “Đánh giá kết quả phẫu thuật nhỏ răng khôn hàm dưới ngầm sử dụng vật tam giác đáy trong tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2021. <i>Tạp chí Y học dự phòng</i> 2012, 32, 5,21-27”	Có minh chứng

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
18.	Nguyễn Thị Thu Hà (2019). “Type XIII Collagen Modulates Keratohyalin Granule Formation and Keratinization in Oral Mucosa”, <i>Int J Mol Sci</i> , 20(19):4739; doi:10.3390/ijms2019473.	Có minh chứng
19.	Nguyễn Thị Ninh (2019). “Thực trạng sâu răng số 6 và một số yếu tố liên quan ở học sinh trường tiểu học An Lạc, Thủy Nguyên, Hải Phòng năm 2019”, <i>Tạp chí Y Học Thực hành</i> 484,11/2019:tr330-336.	Có minh chứng
20.	Lê Thị Thùy Ly (2021). “Tình trạng lành thương của bệnh nhân phẫu thuật nhổ răng khôn hàm dưới có dùng khối fibrin giàu tiểu cầu(PRF)”, <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ; 506(1): 196-199.	Có minh chứng
21.	Trần Thị An Huy (2019). “ Nghiên cứu điều trị nội nha bằng trám xoay máy ONE SHAPE tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng ”, <i>Tạp chí Y học thực hành</i> ,9, 27-31.	Có minh chứng
22.	Trần Thị An Huy (2019). “Đánh giá kết quả chụp tủy của Biodentine trong điều trị viêm tủy răng có hồi phục” , <i>Tạp chí Y học thực hành</i> ,9, 33-35.	Có minh chứng
23.	Trần Thị An Huy (2021). “Đánh giá kết quả điều trị nội nha lại có sử dụng hệ thống EQ-V trong trám bít ống tủy tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2020” , <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> ,503, 112-119..	Có minh chứng
24.	Huy An Thi Tran, Trung Vu Nguyen, Hai 1 Pham (2021). “Idenification of Bacterial Profile in Root	Có minh

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
	<i>Canals of Teeth with Chronic Periapical Lesions in Vietnam</i> ”, BME 2020: 8th International Conference on the Development of Biomedical Engineering in Vietnam, 85, 625-635.	chứng
25.	Nguyễn Thị Phương Anh (2019). “ Liên quan giữa dấu hiệu Monaco trên phim panorama và phim Cone beam CT tại bệnh viện Đại học Y Hải Phòng 2018” , Tạp chí Y học Việt Nam, tr 490-495.	Có minh chứng
26.	Nguyễn Thị Phương Anh (2020). “ Khảo sát tương quan kích thước 4 răng cửa và cung răng ở nhóm sinh viên có khuôn mặt hài hòa theo phân tích Burston tại Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng” , Tạp chí Y học Việt Nam, tr 38-43	Có minh chứng
27.	Đồng Thị Mai Hương (2020). “Mô tả đặc điểm Lâm sàng, X quang và kết quả điều trị phẫu thuật viêm quanh răng mạn tính” , Tạp chí nghiên cứu Y học trường Đại học Y Hà Nội, 135 (11), 12/2020, tr197-204.	Có minh chứng
28.	Đồng Thị Mai Hương (2020). “Hiệu quả điều trị phẫu thuật viêm quanh răng mạn tính có hỗ trợ bằng dẫn xuất từ khuôn men – Emdogain” , Tạp chí nghiên cứu Y học trường Đại học Y Hà Nội, 132 (08), 11/2020, tr46-54.	Có minh chứng
29.	Đồng Thị Mai Hương (2019). “Một số vật liệu ghép sử dụng trong tái tạo mô nha chu” , Tạp chí Y học Việt Nam, 484, 11/2019, tr483-488.	Có minh chứng

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
30.	Nguyễn Tiến Đức (2019). “Đánh giá kết quả điều trị một lần với kỹ thuật đơn cơn có sử dụng gutta flow 2 trên nhóm răng hàm lớn thứ nhất hàm dưới”, <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , 11/2019 tr17-18.	Có minh chứng
31.	Ngọc Vo Trung Nhu, Thụy Phạm Thị Hồng, Anh Le Quynh, Son Tong Minh, Phuong Nguyen Thi Thu (2017). “The effect of Casein Phosphopeptide amorphous calcium fluoride phosphate on the remineralization of artificial caries lesions: an in-vitro study”, <i>Journal of Dentistry Indonesia</i> , Vol 24, No2, 45-49.	Có minh chứng
32.	Nguyễn Thị Ngọc Bích (2021). “Đánh giá hiệu quả điều trị phù bạch mạch chi thể bằng phương pháp nói bạch mạch-tĩnh mạch”, <i>tạp chí Y Học Thăm họa và Bông</i> , 2017	Có minh chứng
33.	Nguyễn Minh Tuấn (2021). “Kết quả điều trị gãy xương gò má cung tiếp tại khoa Răng Hàm Mặt bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiếp”, <i>Tạp chí Y học Việt Nam</i> , số 503, 6/2021, tr216-222	Có minh chứng
34.	Trinh T T Ha, Duong M Duc, Nguyen T Hung, Tran V Sau, Pham T Ngoc, Nguyen D Tin (2017). “Dental caries amongs elderly people in Southern province, Vietnam: A cross sectional study”, <i>Medicine and Medical Science</i> 5(3):018-022, 8/2017	Có minh chứng

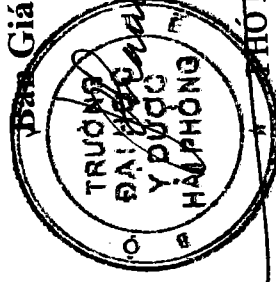
STT	Công trình khoa học	Ghi chú
35.	Đồng Thị Mai Hương (2021). “Nghiên cứu tình trạng mất răng và nhu cầu điều trị phục hình của người cao tuổi tại khoa Răng Hàm Mặt bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2019”, Tạp chí Y học Việt Nam, số 503, 6/2021, tr127-133	Có minh chứng

Phòng Quản Lý Khoa học

[Signature]

PGS.TS.BS. Đặng Văn Chử

Đan Giám hiệu



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Văn Linh

MẪU 6

**Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở
trình độ đại học/ thạc sĩ/ tiến sĩ của cơ sở đào tạo.**

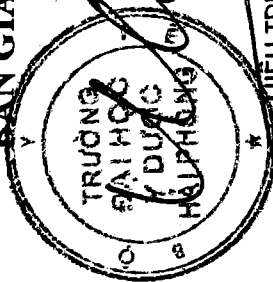
STT	Hạng mục	Số lượng (Phòng)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu.	99	7782 m ²	Tất cả các môn học	4 kỳ	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	972 m ²	Tất cả các môn học	4 kỳ	
1.2	Phòng học từ 100 đến 200 chỗ	08	937 m ²	Tất cả các môn học	4 kỳ	
1.3	Phòng học từ 50 đến 100 chỗ	34	2412 m ²	Tất cả các môn học	4 kỳ	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	9	374 m ²	Tất cả các môn học	4 kỳ	
1.5	Số phòng học đa năng	18	2214 m ²	Tất cả các	4 kỳ	

STT	Hạng mục	Số lượng (Phòng)	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
				môn học		
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	86	2815 m ²		4 kỳ	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	01	1260 m ²			
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	64	5500 m ²			

PHÒNG QUẢN TRỊ

[Signature]
Lê Mạnh Hùng

BAN GIÁM HIỆU



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

Mẫu 7

Thư viện

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Tác giả/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1.	Giáo trình Triết học dành cho cao học và nghiên cứu sinh.	Nhà xuất bản Lý luận chính trị Hà Nội năm 2007.	85	Các chứng chỉ chuyên ngành và hỗ trợ	Triết học	I	
2.	Lịch sử Triết học dành cho cao học và nghiên cứu sinh.	NXB Đại học sư phạm 2015	5	Các chứng chỉ chuyên ngành và hỗ trợ	Triết học	I	
3.	Giải phẫu đại cương đầu mặt cổ - Giác quan	Nguyễn Hữu Chính	100	Các chứng chỉ chuyên ngành và hỗ trợ	Giải phẫu	I	
4.	Giải phẫu ngực - bụng	Phạm Đăng Diệu, HCM, 2003	5	Các chứng chỉ chuyên ngành và hỗ trợ	Giải phẫu	I	

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Tác giả/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
5.	Giải phẫu người tập 1	Trịnh Văn Minh-NXB Hà Nội, 2007	150	Các chứng chỉ chuyên ngành và hỗ trợ	Giải phẫu	I	
6.	Bài giảng giải phẫu tập I và II.	Nguyễn Quang Quyền - NXB Y học, 1995	10	Các chứng chỉ chuyên ngành và hỗ trợ	Giải phẫu	I	
7.	Bài giảng Tai Mũi Họng.	Bộ môn Tai Mũi Họng - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2003	1	Các chứng chỉ chuyên ngành và hỗ trợ	Tai Mũi Họng	I	
8.	Bệnh học Tai Mũi Họng – Đầu mặt cổ.	Ngô Ngọc Liên - NXB Y học, 2019.	5	Các chứng chỉ chuyên ngành và hỗ trợ	Tai Mũi Họng	I	
9.	Phân tích và Trình bày kết quả Nghiên cứu	Lưu Ngọc Hoat - NXB Y học, 2016	3	Các chứng chỉ chuyên ngành và hỗ trợ	Phương pháp nghiên cứu khoa học	I	

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Tác giả/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
10.	Phương pháp nghiên cứu khoa học thiết kế nghiên cứu lâm sàng	Trương Việt Dũng - NXB Y học năm 2017	1	Các chứng chỉ chuyên ngành và hỗ trợ	Phương pháp nghiên cứu khoa học	I	
11.	Phương pháp nghiên cứu khoa học y học: Thống kê ứng dụng và phân tích số liệu.	Hoàng Văn Minh – NXB Y học năm 2014	2	Các chứng chỉ chuyên ngành và hỗ trợ	Phương pháp nghiên cứu khoa học	I	
12.	Chữa răng và nội nha tập tập 1 và 2	Trịnh Thị Thái Hà - NXB GDVN năm 2013	20	Các chứng chỉ chuyên ngành	Chữa răng nội nha	II, III, IV, V	
13.	Chẩn đoán và điều trị các bệnh thường gặp trong Răng hàm Mặt	Trịnh Đình Hải - NXB Y học năm 2016	1	Các chứng chỉ chuyên ngành	Tổng hợp các môn trong RHM	II, III, IV, V	

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Tác giả/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
14.	Bệnh học quanh răng	Trịnh Đình Hải - NXB GDVN năm 2013	10	Các chứng chỉ chuyên ngành và hỗ trợ	Nha chu	II,III,IV,V	
15.	Phục hình răng tháo lắp	Tổng Minh Sơn - NXB GDVN năm 2013	3	Các chứng chỉ chuyên ngành	Phục hình	II,III,IV,V	
16.	Phục hình răng cố định	Nguyễn Văn Bài - NXB GDVN năm 2013	10	Các chứng chỉ chuyên ngành	Phục hình	II,III,IV,V	
17.	Phục hình răng cố định	Trần Thiên Lộc – NXB Y Học năm 2015	2	Các chứng chỉ chuyên ngành	Phục hình	II,III,IV,V	

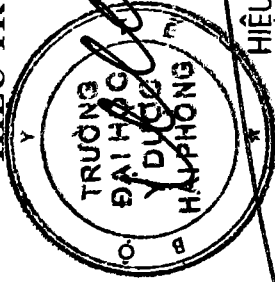
Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Tác giả/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
18.	Nha chu học tập I	Nguyễn Bích Vân - Trường Đại học Y được TP Hồ Chí Minh năm 2015.	2	Các chứng chỉ chuyên ngành	Nha chu	II,III,IV,V	
19.	Phẫu thuật miệng tập 1 và tập 2	Lê Đức Lành - NXB Y học năm 2016	8	Các chứng chỉ chuyên ngành	Phẫu thuật trong miệng	II,III,IV,V	
20.	Phẫu thuật trong miệng tập 1 và tập 2	Nguyễn Mạnh Hà - NXB Giáo dục năm 2013	10	Các chứng chỉ chuyên ngành	Phẫu thuật trong miệng	II,III,IV,V	
21.	Bệnh lý và phẫu thuật hàm mặt tập 1 và tập 2	Lê Văn Sơn - NXB Giáo dục Việt Nam năm 2013	20	Các chứng chỉ chuyên ngành	Bệnh lý miệng hàm mặt	II,III,IV,V	

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Tác giả/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
22.	Răng hàm mặt tập 1, tập 2 và tập 3	Đại học Y Hà Nội - NXB Y học năm 2002.	14	Các chứng chỉ chuyên ngành	Tổng hợp các môn trong RHM	II, III, IV, V	
23.	Nha khoa cộng đồng tập 1 và tập 2 (Sách dành cho học viên Sau Đại học Răng Hàm Mặt),	Trương Mạnh Dũng, Ngô Văn Toàn - NXB Giáo dục năm 2013	20	Các chứng chỉ chuyên ngành	Nha cộng đồng	II, III, IV, V	
24.	Răng trẻ em dùng cho sinh viên răng hàm mặt	Võ Trương Như Ngọc - NXB Giáo dục Việt Nam năm 2015.	13	Các chứng chỉ chuyên ngành	Răng trẻ em	II, III, IV, V	
25.	Chỉnh hình răng mặt cơ bản	Võ Thị Thuý Hồng NXB Y Học năm 2014.	10	Các chứng chỉ chuyên ngành	Chỉnh hình hàm mặt	II, III, IV, V	

Số TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Tác giả/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
26.	Dự phòng Nha khoa	Trịnh Đình Hải - NXB Y học năm 2014	2	Các chứng chỉ chuyên ngành	Dự phòng nha khoa	II,III,IV,V	

TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khai

[Handwritten signature]

Nguyễn Đình Hưng

Mẫu 8

Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập
theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở.

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập.				Đơn vị	Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/ máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Trang thiết bị chính bên Trường, Viện Trường								
1	Ghế nha khoa Ajax	Hồng Kông, 2019	06	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1	
2	Ghế nha khoa Belmont	Nhật, 2019	02	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1	
3	Ghế nha khoa Belmont	Nhật, 2021- 2022	10	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1	
4	Ghế nha khoa Osada	Nhật, 2007	02	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập.							Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)
5	Ghế nha khoa Selen	Thái 2015, 2016	05	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1
6	Ghế nha khoa FSKEJU	Trung Quốc, 2021	02	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1
7	Ghế nha khoa Foshan	Trung Quốc, 2021	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1
8	Đèn quang trùng hợp Pencure	Nhật	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1
9	Đèn quang trùng hợp Litex A680	Đài Loan, 2013, 2015, 2018, 2010, 2012	06	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập.					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/ máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
10	Máy lấy cao răng ART	Đài Loan, 2013, 2014, 2015, 2017, 2018, 2019	06	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1	
11	Máy hút phẫu thuật 7A	Đài loan, 2013, 2017, 2019	03	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1	
12	Máy hấp ướt dụng cụ SA 232X	Đài loan, 2014, 2018	02	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1	
13	Máy sấy dụng cụ Poupinel	Pháp, 2010	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1	
14	Máy nén khí	Trung Quốc	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập.						Số người học/máy, thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	STT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(7)						
	Fusheng												
15	Máy cấy ghép Implant Bien air – MD11	Thụy sỹ, 2019, 2020	02	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	1/1	II, III, IV, V, VI						
16	Máy PRF – Duo	Pháp, 2020	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	1/1	II, III, IV, V, VI						
17	Máy Xquang cầm tay HDX	Hàn Quốc, 2020	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	1/1	II, III, IV, V, VI						
18	Đèn tẩy trắng răng	Philip, 2014	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	1/1	II, III, IV, V, VI						
19	Máy Monitor 6 thông số	Hồng Kong, 2020	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	1/1	II, III, IV, V, VI						

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập.						Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
					(8)	(9)
20	Máy Piezotome SaeShin	Ireland, 2021	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI
21	Máy Scan phim Xquang	Hàn Quốc, 2020	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI
22	Máy rung siêu âm dụng cụ nội nha	Trung Quốc, 2014	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI
23	Máy micromoto	Trung Quốc, 2016	04	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI
24	Đèn đọc phim	Trung Quốc, 2010, 2017	05	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập.					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/ máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
25	Bộ mô hình răng các loại Nissin	Nhật, 2013	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, IV, VI	1/1	
26	Motor hút phẫu thuật trung tâm	Đức, 2014	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1	
27	Bộ đế cao su Dental Dam	Pháp, 2013	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, IV, VI	1/1	
28	Càng nhai YMD	Nhật, 2014	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, IV, VI	1/1	
29	Máy nén khí	Trung Quốc,	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập.					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/ máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Pegasus	2013						
30	Máy ép thủy lực	Đức, 2011	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, IV, VI	1/1	
31	Máy nướng sủ Pro	Đức, 2011	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, IV, VI	1/1	
32	Máy mài mẫu	TQ, 2011	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, IV, VI	1/1	
33	Máy rung siêu âm	TQ, 2011	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1	
34	Máy rung thạch cao	TQ, 2011	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, IV, VI	1/1	
35	Lò nung thạch	Đức, 2011	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, IV, VI	1/1	

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập.						Số người học/máy, thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Số	Chi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị	(6)					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		
	cao									
36	Máy đánh bóng	Đức, 2011	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, IV, VI	1/1			
37	Máy trộn chất hàn	TQ, 2011	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1			
38	Máy thổi cát	TQ, 2011	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1			
39	Nồi luộc mẫu	Việt Nam, 2011	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, IV, VI	1/1			
40	Mô hình Phantom	Đức, 2002	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, IV, VI	1/1			
41	Mô hình Phantom	Nhật, 2013	05	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, IV, VI	1/1			

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập.						Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)
42	Máy song song ké	Việt Nam, 2011	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, IV, VI	1/1
Trang thiết bị Khoa RHM Việt Tập							
25	Ghế máy nha khoa Clesta II	Nhật, năm 2018, 2008	02	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1
26	Ghế máy nha khoa F1 Fimet	Hà Lan, năm 2010	02	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1
27	Ghế máy nha khoa SK1	Chirana Medical, năm 2007	03	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1
28	Ghế máy nha khoa	China, năm 2017	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	II, III, IV, V, VI	1/1

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập.						Số người học/máy, thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	STT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(7)	(9)					
29	Máy Xquang răng Phot XII 303	Nhật Bản, năm 2016	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	1/1	II, III, IV, V, VI						
30	Máy sấy dụng cụ HS112a	Tiệp Khắc, năm 1990	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	1/1	II, III, IV, V, VI						
31	Máy sấy dụng cụ HS 60a	Tiệp Khắc, năm 1990	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	1/1	II, III, IV, V, VI						
32	Đèn quang trùng hợp QHL 75	Mỹ, năm 2007	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	1/1	II, III, IV, V, VI						
33	Máy hấp dụng cụ Melatronic	Séc, năm 2015	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	1/1	II, III, IV, V, VI						

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập.						Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(8)	(9)
	23						
34	Máy Lấy cao răng ART	Đài Loan, năm 2014	01	Khoa RHM	Môn chuyên ngành	1/1	
Khoa RHM Bệnh viện Hải Quân							
35	Ghế máy nha khoa tổng hợp	Mỹ, năm 2019	03	Bệnh viện Hải Quân			
36	Ghế máy nha khoa Tổng hợp	Nhật, năm 2018	01	Bệnh viện Hải Quân			
37	Ghế máy nha khoa Tổng Clest III	Nhật, năm 2018	01	Bệnh viện Hải Quân			
38	Ghế máy nha	Nhật, năm 2019	01	Bệnh viện Hải			

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập.					Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/ máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	khoa tổng hợp MP 2000			Quân				
39	Đèn quang trùng hợp Motion	Đài Loan, năm 2016	02	Bệnh viện Hải Quân				
40	Máy lấy cao răng ART	Đài loan, năm 2014	01	Bệnh viện Hải Quân				
41	Bộ phẫu thuật Implant		01	Bệnh viện Hải Quân				
42	Tủ sấy dụng cụ	TQ, năm 2014	01	Bệnh viện Hải Quân				
43	Máy nén khí	TQ, năm 2013	01	Bệnh viện Hải				

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập.						Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị	Tên học phần/ môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TPC			Quản			(9)

Đại diện trường các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai

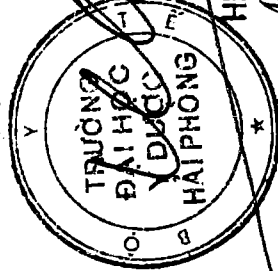
(Theo từng mẫu trên)

(Ký tên xác nhận)


 Nguyễn Ngọc Quỳnh

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)


 HIỆU TRƯỞNG
 PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

Số: 05 /2022/HĐTH-BVHNVT

Hải Phòng, ngày 16 tháng 5 năm 2022

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Bản công bố số 830/BVVT-TTĐTCĐT ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp công bố cơ sở KCB đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Bản công bố số 2313/BVVT-TTĐTCĐT ngày 05 tháng 05 năm 2022 của Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp công bố cơ sở Khám chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Hôm nay, ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT TIỆP

Địa chỉ: Số 1 đường Nhà Thương, Phường Cát Dài, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225 3 700 436

Đại diện là: Ông Lê Minh Quang

Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện

BÊN B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3731907; Fax: 0225.3733315

Đại diện là: Ông Nguyễn Văn Khải

Chức vụ: Hiệu trưởng

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:



Điều 1: Điều khoản chung

1. Đối tượng thực hành:

- 1.1. Nghiên cứu sinh: Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng
- 1.2. Thạc sĩ: Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi Khoa, Y tế công cộng, Xét nghiệm Y học, Y học biển, Dược lý & Dược lâm sàng, Điều dưỡng, Y học dự phòng.
- 1.3. Chuyên khoa cấp II: Nội hô hấp, Nội tim mạch, Nội chung, Sản phụ khoa, Nhi chung, Nhi-thận tiết niệu, Nhi Hô hấp, Ngoại chung, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ngoại tiêu hoá, Răng Hàm Mặt, Tâm thần, Tai Mũi Họng, Y học cổ truyền.
- 1.4. Chuyên khoa cấp I: Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Mắt, Tai Mũi Họng, Hoá sinh, Răng Hàm Mặt, Chẩn đoán hình ảnh, Lao, Y học cổ truyền, Y học gia đình, Y tế công cộng, Ung thư, Tâm thần, Xét nghiệm Y học, Gây mê hồi sức, Điều dưỡng, Dược lý & Dược lâm sàng, Y học dự phòng.
- 1.5. Bác sĩ nội trú: Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Răng Hàm Mặt.

2. Số lượng người thực hành (dự kiến): theo phụ lục hợp đồng hàng năm

3. Người hướng dẫn thực hành:

- a) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần)
- b) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần)

4. Nội dung chuyên môn thực hành: các học phần thực hành theo chương trình đào tạo

5. Thời gian thực hành: 5 năm kể từ ngày ký;

6. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp

7. Chi phí thực hành: theo thoả thuận

8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: 05 năm

9. Chương trình thực hành chi tiết đã được phê duyệt (kèm theo)

10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng khoản 2, Điều 10: Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp.

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành (nếu có)

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt (nếu có)
2. Thời hạn thanh toán: theo thoả thuận (nếu có)

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:

- a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
- b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
 - a) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B.
 - b) Các quyền khác (nếu có)

2. Bên A có nghĩa vụ:

- a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.
- c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.
- d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).
- đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định,
- e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở.
- g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

Bên B có quyền:

- a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
- c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).
- d) Các quyền khác (nếu có).

Bên B có nghĩa vụ:

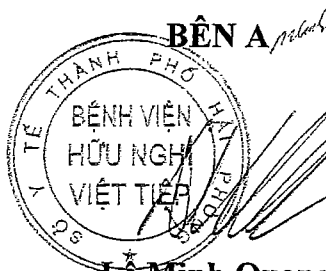
- a) Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tin chỉ.



- b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A.
- c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.
- d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

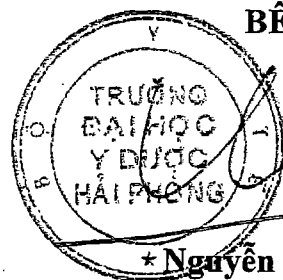
Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng.
2. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.
3. Hợp đồng này làm thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ (02) hai bản./.



Lê Minh Quang SAO LỤC

HẢI PHÒNG, NGÀY...../...../20.....



*** Nguyễn Văn Khải**



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG HCTH

CN. Vũ Ngọc Đức

SỞ Y TẾ HẢI PHÒNG
BỆNH VIỆN TRẺ EM HẢI PHÒNG
Số 50¹/HDTH - BVTE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Hải Phòng, ngày 30 tháng 7 năm 2019

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 01 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-UBHC ngày 09 tháng 01 năm 1975 của Ủy ban hành chính Thành phố Hải Phòng về việc thành lập Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng; Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Hôm nay, ngày 30 tháng 7 năm 2019 tại Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng, chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN TRẺ EM HẢI PHÒNG

Đại diện: Ông Bùi Văn Chiến

Chức vụ: Giám đốc Bệnh viện

Địa chỉ: Phố Việt Đức, Phường Lãm Hà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3.876.441

BÊN B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Đại diện: Ông Nguyễn Văn Khải

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3731907; Fax: 0225.3733315

Thỏa thuận ký kết hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành

1. Đối tượng đào tạo thực hành: Học viên, sinh viên của Bên B. Cụ thể gồm:
 - a) Bác sĩ đa khoa;
 - b) Cử nhân Điều dưỡng;
 - c) Bác sĩ Y học dự phòng;
 - d) Bác sĩ Y học cổ truyền;
 - e) Bác sĩ Răng Hàm Mặt;
 - f) Cử nhân Kỹ thuật y học;
 - g) Dược sĩ;
 - h) Bác sĩ chuyên khoa I chuyên ngành Nhi
 - i) Bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành: Nhi chung, Nhi Hô hấp, Nhi thận tiết niệu
 - j) Bác sĩ nội trú Nhi;
 - a) Cao học chuyên ngành Nhi;
 - b) Tiến sĩ chuyên ngành Nhi;
2. Số lượng học viên, sinh viên: Theo Hợp đồng chi tiết ký mỗi năm, mỗi khóa đào tạo với số lượng cụ thể của từng đối tượng đào tạo.
3. Người hướng dẫn thực hành:
 - a) Giảng viên thỉnh giảng (kiêm chức): Giảng viên thỉnh giảng là các cán bộ, bác sĩ của Bên A được Bên A cho phép và Bên B đồng ý để hướng dẫn thực hành tại các khoa lâm sàng cho sinh viên của Bên B (danh sách gửi kèm theo phụ lục của Hợp đồng chi tiết).
 - b) Cán bộ, giảng viên của Bên B: Là các cán bộ, giảng viên của Bên B, được Bên B cử đến Bên A để làm nhiệm vụ giảng dạy, quản lý sinh viên trong thời gian thực tập tại các khoa lâm sàng của Bên A (danh sách gửi kèm theo phụ lục của Hợp đồng chi tiết)
4. Nội dung chuyên môn thực hành: Do Bên B xây dựng mục tiêu, kế hoạch, nội dung chương trình thực hành lâm sàng chi tiết và gửi đến Bên A trước 03 tháng trước khi hai bên ký Hợp đồng chi tiết.

5. Thời gian thực hành: Chi tiết cho từng đối tượng, từng khóa học và sẽ được thể hiện cụ thể trong Hợp đồng chi tiết ký.
6. Địa điểm thực hành:
 - a) Các Khoa thuộc khối Lâm sàng;
 - b) Các Khoa thuộc khối Cận lâm sàng;
 - c) Khối Phòng ban: Phòng Điều dưỡng, Phòng Quản lý chất lượng bệnh viện;
7. Chi phí thực hành: gồm chi phí quản lý đào tạo, hướng dẫn thực hành, giảng dạy lâm sàng, lương giá sinh viên tại bệnh viện: cụ thể theo Hợp đồng chi tiết.
8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: 05 năm kể từ ngày ký.
9. Chương trình thực hành đã được phê duyệt:
 - Chương trình đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I, II và Bác sĩ nội trú chuyên ngành Nhi khoa.
 - Chương trình thực hành về chuyên ngành Nhi của các đối tượng Bác sĩ đa khoa, Bác sĩ Răng Hàm Mặt, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ Y học dự phòng, Cử nhân Điều dưỡng, Cử nhân Kỹ thuật y học, Dược sĩ.
10. Tên cơ sở thực hành: Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng.

Điều 2: Chi phí đào tạo, phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành (nếu có)

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản
2. Thời hạn thanh toán: thực hiện theo Hợp đồng chi tiết ký kết.
3. Chi phí đào tạo: Căn cứ vào biên bản nghiệm thu đào tạo thực hành từng đợt hoặc từng năm.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:
 - a) Bố trí, phân công người hướng dẫn, quản lý sinh viên theo đúng các nội dung và kế hoạch được Bên B chuyển cho Bên A và được ghi trong Hợp đồng.
 - b) Được Bên B xác nhận thời gian, số giờ hướng dẫn đối với giảng viên thỉnh giảng là cán bộ của Bên A.
 - c) Chấm dứt Hợp đồng hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên B vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
 - d) Thu chi phí đào tạo theo thỏa thuận với Bên B.

2. Bên A có nghĩa vụ:

- a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để sinh viên được học tập lâm sàng theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- b) Bảo đảm hướng dẫn đúng nội dung chuyên môn thực hành lâm sàng, tiến độ đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành lâm sàng.
- c) Bảo đảm quyền lợi của sinh viên theo quy định của pháp luật.
- d) Tham gia chấm thi và xác nhận kết quả thi của sinh viên theo quy định; Quản lý sinh viên trong thời gian học tập tại các cơ sở của Bên A
- e) Đồng chịu trách nhiệm về quá trình học tập của sinh viên, học viên tại cơ sở.
- f) Bố trí giảng viên của Bên B tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho giảng viên tham gia chuyên môn theo quy chế chi tiêu nội bộ và tình hình thực tế của Bên B.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền:

- a) Được cử cán bộ, giảng viên của Bên B đến Bên A để hướng dẫn, quản lý sinh viên hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình học tập của sinh viên, học viên tại Bên A.
- c) Chấm dứt hợp đồng hoặc các biện pháp xử lý khác nếu Bên A vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

3. Bên B có nghĩa vụ:

- a) Cung cấp cho Bên A thông tin của sinh viên; mục tiêu, kế hoạch, nội dung chương trình đào tạo học phần thực tập lâm sàng của từng đối tượng đào tạo.
- b) Chi trả chi phí đào tạo và các chi phí khác liên quan đầy đủ theo thỏa thuận trong hợp đồng với Bên A.
- c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với cán bộ, giảng viên, sinh viên của cơ sở mình tham gia hoạt động chuyên môn tại Bên A.
- d) Có trách nhiệm thanh toán tiền giờ giảng, hỏi thi cho các giảng viên của Bên A tham gia giảng dạy thực hành lâm sàng cho Bên B.

Điều 5: Điều khoản thi hành

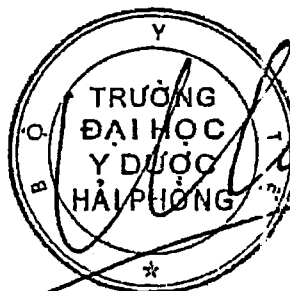
- 1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị trong thời hạn 05 năm.

2. Hàng năm và theo từng khóa học, hai bên sẽ ký Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành trên cơ sở các điều khoản trong hợp đồng nguyên tắc.
3. Hai bên sẽ tổng kết và đánh giá kết quả thực hiện hợp đồng, rút kinh nghiệm theo hàng năm để xây dựng kế hoạch đào tạo cho năm tiếp theo.
4. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản ghi trong Hợp đồng, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vấn đề phát sinh thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết. Mọi sự thay đổi chỉ có giá trị khi hai bên ký kết bằng văn bản. Nếu trường hợp một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia biết trước 03 tháng.
5. Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

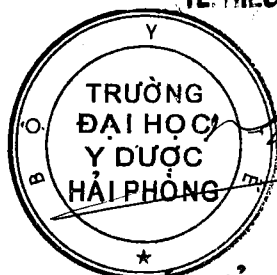
ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC



ĐẠI DIỆN BÊN B
HIỆU TRƯỞNG



SAO LỤC
Bùi Văn Chiến, HẢI PHÒNG, NGÀY...../...../20..... Nguyễn Văn Khải
TL. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG HCTH
CN. Vũ Ngọc Đức

Số: 30 /PLHD-BVTEHP

Hải Phòng, ngày 12 tháng 5 năm 2022

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Chúng tôi, một bên là Ông: **Bùi Văn Chiến**; Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho (1): Bệnh Viện Trẻ Em Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3876441

Địa chỉ: Đường Trường Chinh, Phường Lãm Hà, Kiến An, Hải Phòng

Và một bên là Ông: **Nguyễn Văn Khải**; Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Hiệu trưởng

Đại diện cho (1): Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng

Điện thoại: 0225.3731907

Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành số 50a/HDTH-BVTE ngày 30/7/2019 của Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng và Trường Đại Học Y Dược Hải Phòng và căn cứ trên tình hình thực tế về công tác đào tạo, hai bên cùng nhau thỏa thuận bổ sung nội dung của hợp đồng mà hai bên đã ký hết như sau:

1. Nội dung bổ sung: Bổ sung thêm đối tượng đào tạo tại Khoản 1, Điều 1 như sau:

- Nghiên cứu sinh: Nhi Khoa
- Thạc sĩ: Điều Dưỡng; Răng Hàm Mặt
- Chuyên khoa cấp I: Điều Dưỡng
- Bác sĩ nội trú: Răng Hàm Mặt

2. Thời gian thực hiện: Từ 01/06/2022

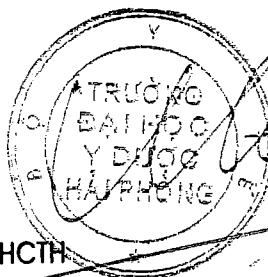
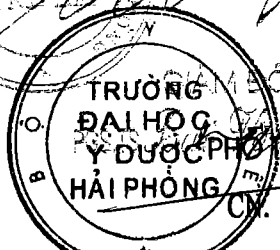
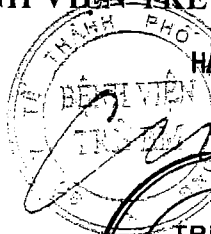
Phụ lục này là bộ phận của hợp đồng lao động số 50a/HDTH-BVTE ngày 30/07/2019, được làm thành sáu bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ ba bản và là cơ sở để giải quyết khi có các vấn đề phát sinh.

BỆNH VIỆN TRẺ EM HẢI PHÒNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

SAO LỤC

HẢI PHÒNG, NGÀY...../...../2022

TL HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

Ch. Vũ Ngọc Đức

Số: *BS* /HĐTH-BVRHMHN

Hà Nội, Ngày *8* tháng *8* năm 2024

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH11 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Bản công bố số 377/BVRHMTW ngày 12 tháng 12 năm 2018 về công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ biên bản họp thống nhất nội dung hợp tác trong việc kí hợp đồng nguyên tắc đào tạo sau đại học ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa Bệnh viện RHM Trung ương Hà Nội và Trường đại học Y dược Hải Phòng.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024 tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Hà Nội chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT TRUNG ƯƠNG HÀ NỘI

Địa chỉ: 40B Tràng Thi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243.826.9722

Đại diện: PGS.TS. Trần Cao Bính

Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản: 117000079931

Tại: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – chi nhánh Hoàng Mai

BÊN B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 02253.731.168; Fax: 02253.733.315

Đại diện: PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

Chức vụ: Hiệu trưởng

Tài khoản: 1173128888 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Phòng

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành

1. Đối tượng thực hành: Sau đại học

- Chuyên khoa cấp II: Răng hàm mặt
- Thạc sĩ: Răng Hàm Mặt
- Chuyên khoa cấp I: Răng Hàm Mặt.
- BSNT: Răng Hàm Mặt
- 2. Số lượng người thực hành: (dự kiến) theo phụ lục hợp đồng chi tiết hàng năm.
- 3. Người hướng dẫn thực hành, hướng dẫn làm đề tài luận văn (*Giảng viên hướng dẫn thực hành được ghi trong Hợp đồng chi tiết*):
 - a) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần).
 - b) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần).
- Lấy số liệu thực hiện luận án, luận văn hoặc đề án tốt nghiệp.
- Tham gia thực hành các công tác chuyên môn khác tại bệnh viện: trực, thường trú, hội chẩn, sinh hoạt khoa học, phòng chống dịch, ...
- 4. Nội dung chuyên môn thực hành: các học phần thực hành theo chương trình đào tạo.
- 5. Thời gian thực hành: Từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 01 tháng 11 năm 2029.
- 6. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương Hà Nội.
- 7. Chi phí và chi phí quản lý đào tạo: Chi phí thực hành được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của Bệnh viện và thống nhất tại hợp đồng chi tiết đào tạo hàng năm.
- 8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: 05 năm (Từ tháng 11/2024 đến 11/2029).
- 9. Chương trình thực hành đã được phê duyệt: (*kèm theo*).
- 10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng nghị định 111/2017/NĐ - CP: Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương.

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành (nếu có)

- 1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt (nếu có).
- 2. Thời hạn thanh toán: theo thỏa thuận (nếu có).

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- 1. Bên A có quyền:
 - a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
 - b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
 - c) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B.
 - d) Các quyền khác (nếu có).
- 2. Bên A có nghĩa vụ:

a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.

b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.

c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.

d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).

đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.

e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở, đảm bảo sự an toàn của người bệnh.

g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền:

a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.

b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.

c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).

d) Các quyền khác (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

a) Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.

b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A.

c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.

d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng. Hai bên thường xuyên cung cấp, trao đổi thông tin cho đầy đủ, kịp thời về các vấn đề liên quan đến nội dung Hợp đồng này.

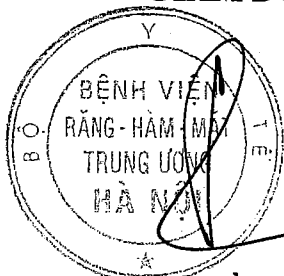
2. Hàng năm hai bên sẽ ký các Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành theo kế hoạch đào tạo thực hành trên cơ sở của các điều khoản trong hợp đồng nguyên tắc. Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành có giá trị pháp lý để thực hiện cụ thể hàng năm.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện

Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

4. Hợp đồng này được làm thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A *hull*
GIÁM ĐỐC



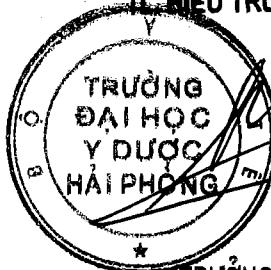
ĐẠI DIỆN BÊN B
HIỆU TRƯỞNG



SAO LỤC

PGS.TS. Trần Cao ~~Hải Phòng~~, NGÀY 29/11/2018 PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

TL HIỆU TRƯỞNG



TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
TS. *Phạm Chanh Hải*

Hà Nội, Ngày 29 tháng 5 năm 2024

HỢP ĐỒNG
NGUYÊN TẮC VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH
Số: 04 /2024/BVBM - ĐHYDH

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006;

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/P2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

Căn cứ Thỏa thuận hợp tác hỗ trợ y tế toàn diện ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa Bệnh viện Bạch Mai và Trường Đại học Y dược Hải Phòng;

Hôm nay, ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại Bệnh viện Bạch Mai chúng tôi gồm:

BÊN A: BỆNH VIỆN BẠCH MAI

Địa chỉ: 78 Giải Phóng, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 0243.8686.390

Đại diện: **Ông Đào Xuân Cơ**

Chức vụ: Giám đốc

Tài khoản: 0541101065007

Tại ngân hàng: TMCP Quân đội – chi nhánh Thăng Long

BÊN B: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 72A Nguyễn Bình Khiêm, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 02253.731.168; Fax: 02253.733.315

Đại diện: **PGS.TS. Nguyễn Văn Khải**

Chức vụ: Hiệu trưởng

Tài khoản: 1173128888 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Phòng

Thỏa thuận ký kết hợp đồng đào tạo thực hành với những nội dung cơ bản sau đây:

Điều 1. Nội dung Hợp đồng đào tạo thực hành

1. Đối tượng thực hành: Sau đại học

- Chuyên khoa cấp II: Ngoại tiêu hóa, Thần kinh, Hồi sức cấp cứu, Chẩn đoán hình ảnh, Nội hô hấp, Nội xương khớp, Nội tim mạch, Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng, Gây mê hồi sức, Hóa sinh Y học, Nội tiêu hóa, Tâm thần, Ung thư.

- Tiền sĩ: Nội chung, Ngoại chung.

- Thạc sĩ: Điều dưỡng, Răng hàm mặt, Nội khoa, Ngoại khoa.

- Chuyên khoa cấp I: Chẩn đoán hình ảnh, Thần kinh, Nội tim mạch, Xét nghiệm y học, Ung thư, Hồi sức cấp cứu, Gây mê hồi sức, Nội khoa, Phục hồi chức năng, Truyền nhiễm, Răng hàm mặt.

- BSNT: Nội hô hấp, Thần kinh, Nội thận tiết niệu, Nội tim mạch, Truyền nhiễm, Ung thư, Nội xương khớp, Chẩn đoán hình ảnh, Hồi sức cấp cứu, Huyết học truyền máu, Nội khoa, Ngoại khoa, Răng Hàm Mặt.

2. Số lượng người thực hành: (dự kiến) theo phụ lục hợp đồng chi tiết hàng năm.

3. Người hướng dẫn thực hành, hướng dẫn làm đề tài luận văn (*Giảng viên hướng dẫn thực hành được thống kê hàng năm căn cứ theo hợp đồng mời chi tiết*):

a) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở thực hành: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần).

b) Người hướng dẫn thực hành của cơ sở giáo dục: Số lượng theo thực tế sinh viên đi thực tập; Danh sách kèm theo từng đợt thực tập cụ thể (nếu cần).

- Lấy số liệu thực hiện luận án, luận văn hoặc đề án tốt nghiệp.

- Tham gia thực hành các công tác chuyên môn khác tại bệnh viện: trực, thường trú, hội chẩn, sinh hoạt khoa học, phòng chống dịch, ...

4. Nội dung chuyên môn thực hành: các học phần thực hành theo chương trình đào tạo.

5. Thời gian thực hành: Từ ngày 01 tháng 11 năm 2024 đến ngày 01 tháng 11 năm 2029.

6. Địa điểm thực hành: Bệnh viện Bạch Mai

7. Chi phí và chi phí quản lý đào tạo: Chi phí thực hành được thực hiện theo quy chế chi tiêu nội bộ của Bệnh viện và thống nhất tại hợp đồng chi tiết đào tạo hàng năm.

8. Thời hạn của Hợp đồng đào tạo thực hành: 05 năm (Từ tháng 11/2024 đến 11/2029).

9. Chương trình thực hành đã được phê duyệt: (*Chương trình thực hành được ghi trong Hợp đồng chi tiết*).

10. Tên cơ sở thực hành đáp ứng nghị định 111/2017/NĐ - CP: Bệnh viện Bạch Mai

Điều 2. Phương thức và thời hạn thanh toán chi phí thực hành (nếu có)

1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt (nếu có).

2. Thời hạn thanh toán: theo thỏa thuận (nếu có).

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Bên A có quyền:

- a) Bố trí, phân công người hướng dẫn thực hành để hướng dẫn người thực hành thực hành theo đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng.
- b) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở giáo dục vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- c) Thu chi phí thực hành theo thỏa thuận với Bên B.
- d) Các quyền khác (nếu có).

2. Bên A có nghĩa vụ:

- a) Bảo đảm các điều kiện thuận lợi để người thực hành được thực hành theo đúng các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng.
- b) Bảo đảm giảng dạy đúng nội dung chuyên môn thực hành, tiến độ thực hành đã được thống nhất trong kế hoạch đào tạo thực hành.
- c) Bố trí người thực hành của cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp và chi trả thù lao cho người thực hành theo quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ sở.
- d) Bảo đảm quyền lợi của người thực hành theo quy định của pháp luật (nếu có).
- đ) Xác nhận kết quả thực hành của người thực hành theo quy định.
- e) Chịu trách nhiệm về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở, đảm bảo sự an toàn của người bệnh.
- g) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bên B có quyền:

- a) Được đưa người thực hành của cơ sở mình đến cơ sở thực hành để hướng dẫn thực hành hoặc tham gia các hoạt động chuyên môn với thời gian phù hợp theo thỏa thuận trong Hợp đồng.
- b) Được cung cấp thông tin, kiểm tra về quá trình thực hành của người thực hành tại cơ sở thực hành.
- c) Chấm dứt Hợp đồng thực hành hoặc các biện pháp xử lý khác nếu cơ sở thực hành vi phạm các thỏa thuận ghi trong Hợp đồng (nếu có).
- d) Các quyền khác (nếu có).

2. Bên B có nghĩa vụ:

- a) Cung cấp cho Bên A thông tin của người thực hành; kế hoạch đào tạo thực hành của học phần/tín chỉ.
- b) Chi trả chi phí thực hành đầy đủ theo thỏa thuận với Bên A.
- c) Chịu trách nhiệm và xử lý vi phạm đối với người hướng dẫn thực hành của cơ sở mình tham gia hướng dẫn thực hành và hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực hành.
- d) Các nghĩa vụ khác (nếu có).

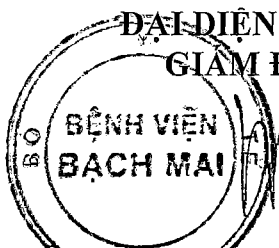
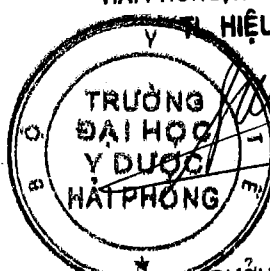
Điều 5. Điều khoản thi hành

- 1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ hết hiệu lực khi kết thúc thời gian thực hành và các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp đồng. Hai bên thường xuyên cung cấp, trao đổi thông tin cho đầy đủ, kịp thời về các vấn đề liên quan đến nội dung Hợp đồng này.

2. Hàng năm hai bên sẽ ký các Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành theo kế hoạch đào tạo thực hành trên cơ sở của các điều khoản trong hợp đồng nguyên tắc. Hợp đồng chi tiết về đào tạo thực hành có giá trị pháp lý để thực hiện cụ thể hàng năm.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản nêu trên, bên nào vi phạm bên đó phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp thì hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết, nếu không thống nhất thì đưa ra Tòa án để giải quyết.

4. Hợp đồng này được làm thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.

 **ĐẠI DIỆN BÊN A**
GIÁM ĐỐC
 **ĐẠI DIỆN BÊN B**
HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đào Xuân Cơ **SAO LỤC** **PGS.TS. Nguyễn Văn Khải**
HẢI PHÒNG, NGÀY 01.8.2017
HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
TS. Phạm Chánh Hải

III. Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng

Số: 1499/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 26 tháng 08 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định
ngành Răng Hàm Mặt và ngành Điều dưỡng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-YDHP ngày 15/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc Quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành Chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ nhu cầu công tác và năng lực cán bộ, viên chức;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ và Quản lý Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định ngành Răng Hàm Mặt và ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng gồm các ông bà có tên sau:

(Có danh sách kèm theo)

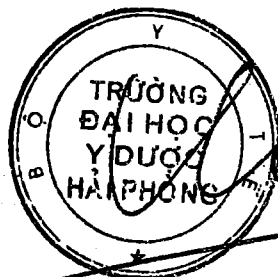
Điều 2. Hội đồng thẩm định hoạt động theo sự chỉ đạo của ông Chủ tịch Hội đồng và các quy định của nhà nước.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng: Tổ chức cán bộ, Tài chính kế toán, Quản lý Đào tạo Sau đại học và các ông, bà có tên trong Điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
NGÀNH RĂNG HÀM MẶT VÀ NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1499/QĐ-YDHP ngày 26 tháng 09 năm 2022)

I. Danh sách thẩm định ngành Răng Hàm Mặt:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1.	GS.TS. Trịnh Đình Hải	Chủ tịch hội Răng Hàm Mặt Việt Nam, Nguyên Giám đốc Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội	Chủ tịch HĐ
2.	PGS.TS. Tống Minh Sơn	Viện Trưởng Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt, Trường Đại học Y Hà Nội	Phản biện 1
3.	TS. Lê Hưng	Phó trưởng Bộ môn Răng Hàm Mặt Trường Bộ môn Phục Hình. Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội	Phản biện 2
4.	PGS.TS. Nguyễn Xuân Thực	Phó trưởng Khoa Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Bạch Mai	Ủy viên
5.	TS. Nguyễn Thanh Hải	Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Ủy viên kiêm thư ký

II. Danh sách thẩm định ngành Điều dưỡng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1.	TS. Trương Quang Trung	Phó Trưởng khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Y Hà Nội	Chủ tịch HĐ
2.	TS. Nguyễn Thị Minh Chính	Giám đốc trung tâm thực hành tiên lâm sàng, Phó trưởng phụ trách Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Phản biện 1
3.	TS. Phạm Thị Thu Hương	Trưởng khoa Điều dưỡng Trường Đại học Phenika	Phản biện 2
4.	ThS. Vũ Thị Hoa	Trưởng Phòng Điều dưỡng Bệnh viện Phổi Hải Phòng	Ủy viên
5.	TS. Nguyễn Thanh Hải	Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học	Ủy viên kiêm thư ký

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
Ngành: Răng Hàm Mặt
Mã số: 8720501**

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT-YDHP ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Quý I năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, trong đó có thông qua chủ trương mở mới ngành Răng Hàm Mặt và Điều dưỡng trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 830/QĐ-YDHP ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng xây dựng chương trình và đảm bảo chất lượng chương trình thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt;

Căn cứ Quyết định số 1499/QĐ-YDHP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Răng Hàm Mặt và ngành Điều dưỡng, trình độ thạc sĩ;

Hôm nay, ngày 8 tháng 9 năm 2022, tại Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế chương trình **Răng Hàm Mặt** trình độ **thạc sĩ**, tiến hành thẩm định với 5 thành viên theo Quyết định gồm:

- | | |
|-----------------------------|---------------------|
| 1. GS.TS. Trịnh Đình Hải | Chủ tịch hội đồng |
| 2. PGS.TS. Tống Minh Sơn | Phản biện 1 |
| 3. TS. Lê Hưng | Phản biện 2 |
| 4. PGS.TS. Nguyễn Xuân Thực | Ủy viên |
| 5. TS. Nguyễn Thanh Hải | Ủy viên kiêm thư ký |

GS.TS. Trịnh Đình Hải – Chủ tịch hội đồng điều hành buổi thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng trình độ thạc sĩ, ngành Răng Hàm Mặt.



NỘI DUNG BUỔI THẨM ĐỊNH

1. Đại diện cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo:

Đại diện cơ sở đào tạo trình bày tóm tắt về chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng trình độ thạc sĩ, ngành Răng Hàm Mặt trong thời gian 10 phút gồm các vấn đề: Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo, mục tiêu chương trình đào tạo, đối tượng dự thi, cấu trúc chương trình đào tạo, thời lượng chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần và các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế, thực hiện chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra.

2. Hai thành viên phản biện của Hội đồng đọc nhận xét và các thành viên của Hội đồng đặt câu hỏi:

PGS. TS. Tống Minh Sơn:

- Căn cứ pháp lý số 15 của Nghị quyết Hội đồng trường chỉnh sửa lại phần BSNT
- Mục tiêu đào tạo: chỉnh sửa lại cụm từ "nâng cao sức khỏe răng miệng" thành "nâng cao sức khỏe răng hàm mặt"
- Tuyển sinh: chỉnh sửa lại cụm từ "môn cơ bản" trong các môn thi đầu vào
- Chuẩn đầu vào: bổ sung cụ thể hơn
- Lượng giá lý thuyết: bổ sung các trắc nghiệm khách quan
- Lượng giá thực hành: nhiều mức để cao quá, ví dụ thành thạo không cần giám sát (sửa lại)
- TLTK: bổ sung thêm các tài liệu tiếng nước ngoài
- Hội đồng nguyên tắc bổ sung trong quyền đề án

Kết luận: đạt yêu cầu sau khi bổ sung sửa chữa theo ý kiến của hội đồng

TS. Lê Hưng:

- Đào tạo trực tuyến: 1 phần, nhưng cũng nên có bằng chứng
- Nhấn mạnh hơn các chuẩn đầu ra về tuân thủ đạo đức ngành nghề.
- Chuẩn đầu vào: nằm trong thông tin tuyển sinh, chỉ nhận tuyển BS RHM chính quy.
- Khối lượng học tập đáp ứng (63TC), đã thiết kế chương trình thực hành nhiều, hợp lý
- Cấu trúc bởi 5 khối kiến thức: hợp lý
- Có phần tự chọn để học thêm các môn chuyên sâu

Một vài điểm nhỏ

- Kiến thức chuyên ngành tự chọn và chuyên ngành: có 1 số tên học phần giống nhau: chuyên sâu và nâng cao
- Rubric đánh giá trong phần nha tru (tự chọn) giống với phần trong học phần PPNCKH ở trước
- Nhân sự Răng Hàm Mặt (trang 8): viết chưa đầy đủ, bổ sung thêm
- Số lượng cán bộ cơ hữu, thỉnh giảng chưa đồng nhất → điều chỉnh lại
- Trang 8: lỗi đánh máy nhầm sang "điều dưỡng"

Kết luận: đạt yêu cầu sau khi bổ sung sửa chữa theo ý kiến của hội đồng

PGS. TS. Nguyễn Xuân Thực:

- Hoàn toàn nhất trí với các thành viên khác trong hội đồng
- Khi đã viết ra quyển thì cần có các minh chứng khoa học, ví dụ: khảo sát các bên liên quan cần trích dẫn nguồn
- Chuẩn đầu vào cần viết cụ thể hơn: thời gian sau khi ra trường của BS RHM chính quy (thường là 2 năm?)
- Khung chương trình đào tạo: đã đáp ứng
- PP lượng giá: lấy học viên làm trung tâm, phối hợp giữa các pp đào tạo
- Khung chương trình: cần có yếu tố về tài chính, cần nhắc bổ sung thêm

Kết luận: Đạt yêu cầu sau khi bổ sung sửa chữa theo ý kiến của hội đồng

TS. Nguyễn Thanh Hải

- Nhất trí với các ý kiến của các thành viên trong hội đồng

Kết luận: Đạt yêu cầu sau khi bổ sung sửa chữa theo ý kiến của hội đồng

GS. TS. Trịnh Đình Hải:

- Trường có nhiều thế mạnh về nguồn nhân lực và cơ sở vật chất
- Đạt hết các tiêu chí đề ra

Kết luận: Đạt yêu cầu sau khi bổ sung sửa chữa theo ý kiến của hội đồng

Một số nội dung trao đổi thêm: chuẩn đầu vào, đề án/luận văn tốt nghiệp, cơ chế tài chính

3. Đại diện cơ sở đào tạo có chương trình thẩm định trả lời và giải thích.

(Ghi rõ nội dung câu hỏi, câu trả lời và giải trình)

TS. Vũ Quang Hưng trả lời Hội đồng:

- Chúng tôi trân trọng cảm ơn ý kiến đóng góp của các thầy trong Hội đồng thẩm định, Khoa cùng với Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học chỉnh sửa cuốn đề án theo ý kiến của các thầy trong Hội đồng để trình Bộ sớm nhất.

ONG
HOC
UOC
PHON
★

- Chuẩn đầu vào: BS RHM tốt nghiệp 2 năm: ThS ứng dụng không yêu cầu thời gian sau tốt nghiệp
- Thống nhất: luận văn tốt nghiệp
- Tài chính: xin ý kiến trong ban lãnh đạo nhà trường

4 . Hội đồng đã họp riêng để thảo luận, tiến hành bỏ phiếu kín (phiếu thẩm định) và thông qua kết luận.

KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo.

Đủ các căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo.

Mục tiêu chương trình đạt yêu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ trình độ thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt

3. Cấu trúc chương trình đào tạo.

Cấu trúc chương trình phù hợp, đạt yêu cầu.

4. Thời lượng của chương trình đào tạo.

Thời gian đào tạo 2 năm đáp ứng yêu cầu và phù hợp.

5. Nội dung của chương trình đào tạo.

- Đáp ứng được mục tiêu đào tạo.
- Phù hợp với trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại và hội nhập.

6. Đề cương chi tiết của học phần/môn học

- Đề cương chi tiết đầy đủ

7. Các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế.

- Số lượng giảng viên cơ hữu đảm bảo để mở mã ngành Răng Hàm Mặt, trình độ thạc sĩ
- Chương trình đào tạo đã đáp ứng theo chuẩn chương trình đào tạo quy định
- Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo đáp ứng đủ như:
 - + Phòng học, giảng đường đáp ứng đầy đủ.
 - + Cơ sở thực hành: Học viên được thực hành tại các phòng thực hành và Labo trong trường, bệnh viện trường và Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp như vậy đáp ứng đủ.
 - + Trang thiết bị đáp ứng đủ để phục vụ cho học tập và giảng dạy.
 - + Trường có Thư viện điện tử, các đầu sách đáp ứng được nhu cầu học tập và nghiên cứu khoa học cho học viên.
 - + Mạng công nghệ thông tin đầy đủ, có hệ thống Wifi trong trường.

KẾT LUẬN CHUNG

Kết quả: Tổng số phiếu đạt yêu cầu: 05/05 phiếu.

- Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đạt yêu cầu, Trường cần hoàn thiện bổ sung theo các góp ý của các thành viên Hội đồng thẩm định nêu trên.

- Căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế: đội ngũ giảng viên cơ hữu, cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo: Phòng học, giảng đường, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo, thư viện, mạng công nghệ thông tin. Trường Đại học Y Dược Hải Phòng đáp ứng được yêu cầu đảm bảo chất lượng thực tế và đủ điều kiện mở mã ngành đào tạo Răng Hàm Mặt trình độ thạc sĩ.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)



Hải Phòng, ngày 8 tháng 9 năm 2022

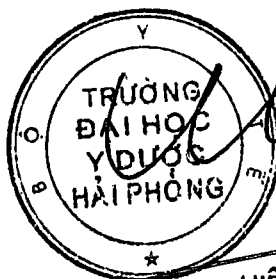
ỦY VIÊN THƯ KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thanh Hải

**XÁC NHẬN
CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO**



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải



Hải Phòng, ngày 14 tháng 9 năm 2022

Số: 1620/QĐ- YDHP

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành chuẩn đầu ra
đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Răng – Hàm – Mặt

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT – BGDDT ngày 22/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT – BGDDT ngày 30/8/2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyển ngành phép đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 1499/QĐ-TTg ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Theo đề nghị của Ông: Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Răng – Hàm – Mặt.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định chuẩn đầu ra đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành Răng - Hàm - Mặt của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Quản lý đào tạo Sau đại học, Tài chính kế toán, các Khoa/Bộ môn liên quan chịu thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu QLĐTSDH; VT.

HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

QUY ĐỊNH CHUẨN ĐẦU RA
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH RĂNG HÀM MẶT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1620 ngày 14 tháng 9 năm 2022)

Chuẩn đầu ra của chương trình (PLO)

PLO1. Vận dụng được phương pháp luận của triết học Mác – Lênin trong việc nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn của xã hội, của ngành khoa học.

PLO2. Vận dụng các nguyên lý của xây dựng chương trình đào tạo dựa trên năng lực để triển khai một hoạt động dạy học.

PLO3. Vận dụng được kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường trong hành nghề RHM.

PLO4. Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, cơ sở, kiến thức liên chuyên khoa để chẩn đoán và điều trị các vấn đề Răng Hàm Mặt.

PLO5. Vận dụng được kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức liên chuyên khoa trong nghiên cứu các vấn đề Răng Hàm Mặt.

PLO6. Phân tích được kiến thức chuyên sâu trong điều trị và nghiên cứu các vấn đề Răng Hàm Mặt.

PLO7. Vận dụng được kiến thức về nghiên cứu khoa học để thực hiện đề tài nghiên cứu trong vấn đề Răng Hàm Mặt và viết báo.

PLO8. Thực hiện được một hoạt động dạy học

PLO9. Chẩn đoán và điều trị các vấn đề thường gặp trong Răng Hàm Mặt.

PLO10. Chẩn đoán và điều trị một số vấn đề phức tạp trong Răng Hàm Mặt.

PLO11. Xử trí được các cấp cứu thông thường trong Răng Hàm Mặt.

PLO12. Tư vấn và can thiệp dự phòng được các vấn đề răng miệng thường gặp cho trẻ em và cộng đồng.

PLO13. Hoàn thành và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt .

PLO14. Viết báo cáo khoa học, bài báo khoa học, bài trình bày hội nghị khoa học.

PLO15. Tuân thủ quy chế, quy định, quy trình chuyên môn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật, của các cơ quan quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo của ngành RHM.

PLO16. Thể hiện các hành vi chuyên nghiệp, đạo đức trong thực hành nghề nghiệp.

PLO17. Giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà bệnh nhân và đồng nghiệp, trong thực hành nghề nghiệp.

PLO18. Chủ động cập nhật kiến thức để nâng cao năng lực thực hành nghề nghiệp.

HIỆU TRƯỞNG



TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

[Handwritten signature]

HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT – BGDDT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT- BGDDT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-TTg ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT– YDHP ngày 20/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1499/QĐ-TTg ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1620/QĐ-YDHP ngày 14/9/2022 của Trường Đại học Y Hải Phòng về việc ban hành chuẩn đầu ra đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Răng - Hàm - Mặt;

Theo đề nghị của Ông: Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học và Trường Khoa Răng - Hàm - Mặt.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Răng – Hàm - Mặt Mã số: 8720501

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Quản lý đào tạo Sau đại học, Trường khoa Răng – Hàm - Mặt và các bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu QLĐTSDH; VT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

IV. Thẩm định quy trình, hồ sơ mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 89 /BB-HĐKHĐT-YDHP

Hải Phòng, ngày 19 tháng 08 năm 2024

BIÊN BẢN

Họp Hội đồng khoa học và Đào tạo về việc thông qua Đề án mở ngành đào tạo
theo Thông tư 02/2022 đối với trình độ đào tạo thạc sĩ
Ngành: Răng Hàm Mặt Mã số: 8720501

Thời gian: 14h, ngày 19 tháng 08 năm 2024

Địa điểm: Phòng Hội thảo quốc tế - Tầng 3 nhà A

Thành phần:

PGS.TS. Nguyễn Văn Khải – Hiệu Trưởng – Chủ tọa.

TS. Cao Đức Tuấn - Thư ký Hội đồng.

Thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo có mặt: 15/15
 1. PGS.TS. Nguyễn Văn Khải – Hiệu trưởng
 2. GS.TS. Phạm Minh Khuê - Chủ tịch Hội đồng trường
 3. PGS.TS. Phạm Văn Linh – Phó Hiệu trưởng
 4. PGS.TS. Đinh Thị Thanh Mai - Phó Hiệu trưởng
 5. GS.TS. Phạm Văn Thúc – Nguyên Hiệu Trưởng
 6. PGS.TS. Nguyễn Thị Thắm – Trưởng Phòng QL Đào tạo
 7. TS. Phạm Thanh Hải – Trưởng Phòng QLĐTSDH
 8. TS. Cao Đức Tuấn – Trưởng Phòng QLKH
 9. TS. Nguyễn Hải Ninh – Trưởng Phòng TCCB
 10. PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Phương - Trưởng khoa Dược học
 11. PGS.TS. Vũ Văn Quang – Trưởng khoa Điều dưỡng
 12. TS. Nguyễn Thị Thu Hiền – Trưởng khoa YHCT
 13. TS. Nguyễn Hùng Cường – Trưởng Khoa KTYH
 14. TS. Phạm Văn Thương – Phó Trưởng khoa Y, Trưởng BM Ngoại & PTTH
 15. TS. Vũ Mạnh Tân – Phó Trưởng khoa Y, Trưởng BM Nội
- Vắng mặt: 0/15



- Phòng Quản lý khoa học:
 - TS. Cao Đức Tuấn – Trưởng phòng Quản lý Khoa học
- Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học:
 - TS. Phạm Thanh Hải - Trưởng phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học và các Thầy/Cô chuyên viên phòng
- Khoa Răng Hàm Mặt:
 - TS. Trần Thị An Huy và các Thầy/Cô giảng viên Khoa

NỘI DUNG BUỔI HỌP

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Khải - Chủ tịch Hội đồng điều hành buổi họp.
2. TS. Cao Đức Tuấn - Thư ký Hội đồng, Trưởng phòng Quản lý khoa học - tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và nội dung cuộc họp.
3. TS. Phạm Thanh Hải - Trưởng Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học - báo cáo nội dung về điều kiện, trình tự và thủ tục mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022.
4. Đại diện Khoa Răng Hàm Mặt - TS. Trần Thị An Huy - báo cáo nhanh quá trình xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Răng Hàm Mặt:
 - Lý do đề nghị mở ngành đào tạo;
 - Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Răng Hàm Mặt do Trường xây dựng đã được Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo và được rà soát, điều chỉnh theo các quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bao gồm Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, đặc biệt trong đó có chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng với tổng khối lượng kiến thức là 60 tín chỉ;
 - Thống kê đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo và cơ sở vật chất theo các mẫu quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
 - Bổ sung thêm một số nội dung, tiêu chí tuyển sinh sau đại học theo thông tư mới: báo cáo nhanh công tác chuẩn bị mở ngành về đội ngũ giảng viên cơ hữu thực hiện

chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, khung chương trình đào tạo và các cam kết thực hiện chương trình đào tạo của Trường;

- Thông qua điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, đề án mở mã ngành, chỉnh sửa đề án theo biên bản hội đồng thẩm định và các thủ tục khác liên quan.

5. Các ý kiến thảo luận của Hội đồng

Nhất trí với các nội dung điều chỉnh về chương trình đào tạo cũng như bảng thống kê đội ngũ giảng viên cơ hữu và cơ sở vật chất đã xây dựng. Định hướng phát triển ngành đề xuất mở phù hợp với định hướng phát triển của Trường, bảo đảm phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực của các Bộ, ngành, địa phương, cả nước và hội nhập quốc tế.

PGS. TS. Phạm Văn Linh.

- Cơ sở thực hành của trường gồm Bệnh viện HN Việt Tiệp, Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng, Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương Hà Nội, Bệnh viện Đại học Y. Vậy cơ sở thực hành đáp ứng đủ điều kiện giảng dạy cho học viên.
- Bệnh viện Trẻ em: CCCN3, cần bổ sung cán bộ trường tham gia giảng dạy tại viện
Kết luận: Thông qua chương trình và hồ sơ mở mã ngành đào tạo Răng Hàm Mặt trình độ Thạc sĩ.

PGS. TS. Đinh Thị Thanh Mai

- Nên định hướng chương trình đào tạo theo hướng ứng dụng. Sau khi được phê duyệt sẽ bổ sung thêm hướng định hướng nghiên cứu.

Kết luận: Hồ sơ mở mã ngành đào tạo ThS Răng Hàm Mặt đã đạt yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phần chương trình giảng dạy đã được hội đồng thẩm định chương trình đào tạo thông qua.

TS. Nguyễn Hải Ninh:

- Quy trình, hồ sơ mở ngành Răng Hàm Mặt trình độ ThS đạt yêu cầu và Thông qua hồ sơ, quy trình.

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải – Hiệu trưởng - Chủ tọa

- Chương trình đạt yêu cầu theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Kết luận: Thông qua hồ sơ, quy trình mở mã ngành đào tạo Răng Hàm Mặt trình độ Ths.

- Đề án mở mã ngành Răng Hàm Mặt trình độ thạc sĩ đáp ứng đủ các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế, đảm bảo về khối lượng, cấu trúc và nội dung chương trình, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và trang thiết bị. Trình tự mở ngành cơ bản đáp ứng các yêu cầu của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT.



KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO

Thông nhất và đồng ý thông qua các nội dung sau đối với chương trình đào tạo và hồ sơ để mở mã ngành Răng hàm mặt trình độ thạc sĩ như sau:

- Hồ sơ, quy trình mở mã ngành đào tạo đạt yêu cầu theo quy định.
- Chương trình đào tạo đáp ứng theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học quy định và Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở mã ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;
- Xác nhận các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế gồm đội ngũ giảng viên cơ hữu, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, thư viện của Trường đáp ứng yêu cầu mở ngành đào tạo.
- Hồ sơ và Đề án mở ngành đảm bảo trình Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế cho phép mở ngành đào tạo theo thẩm quyền.
- 15/15 thành viên Hội đồng biểu quyết và nhất trí thông qua quy trình, hồ sơ mở ngành đào tạo Răng Hàm Mặt trình độ thạc sĩ

Cuộc họp kết thúc vào 17h cùng ngày./.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

Hải Phòng, ngày 19 tháng 08 năm 2024

CHỦ TOA - HIỆU TRƯỞNG

TS. Cao Đức Tuấn

PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

